

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP TUY HÒA**



**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP TUY HÒA
NĂM 2017**

Phú Yên, tháng 12 năm 2017

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ Tắt	Đầy đủ
BỘ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
UBND	Ủy ban nhân dân
BỘ LĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
BGH	Ban Giám hiệu
CBVC	Cán bộ viên chức
HSSV	Học sinh - Sinh viên
CBQL	Cán bộ quản lý
KĐCL	Kiểm định chất lượng
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
CTĐT	Chương trình đào tạo
CĐCN	Cao đẳng Công nghiệp
CSVC	Cơ sở vật chất
GVCN,CVHT	Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập
THCS	Trung học cơ sở
HTQT	Hợp tác Quốc tế
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QLCL&NCKH	Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học
QLKH &HTQT	Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế
HĐKH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
HTQLCL	Hệ thống quản lý chất lượng
KUST	Đại học bách khoa Côn Minh Trung Quốc
NCS	Nghiên cứu sinh
GV	Giáo viên, giảng viên
DN	Doanh nghiệp
QCCTNB	Quy chế chi tiêu nội bộ
DS – KHHGD	Dân số - kế hoạch hóa gia đình

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP TUY HÒA

1. Thông tin chung về trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa

- Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP TUY HÒA**
- Tên tiếng Anh: **TUY HOA INDUSTRIAL COLLEGE (TIC)**
- Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương
- Địa chỉ trường:
 - + Cơ sở 1: 261 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
 - + Cơ sở 2: 01 Nguyễn Hữu Thọ, Phường 9, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Số điện thoại: 02573828248
- Số fax: 02573828156
- E-mail : webmaster@tic.edu.vn
- Website: www.tic.edu.vn
- Năm thành lập trường: Tiền thân là trường Trung cấp Địa chất II thành lập ngày 01/8/1978. Đổi tên thành trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa vào ngày 21/12/1991. Ngày 09/9/2005 thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa theo quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT.
- Loại hình trường đào tạo: Công lập.

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa là một trường cao đẳng công lập, có cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp với mô hình và nguồn lực của một trường cao đẳng công lập, đúng với quy chế của Nhà nước và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Trường đã xây dựng hệ thống các văn bản đồng bộ về tổ chức và quản lý; các tổ chức Đảng và đoàn thể chính trị – xã hội trong trường hoạt động có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm quản lý lâu năm; có đội ngũ giảng viên cơ hữu trẻ đầy nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn vững vàng. Nhà trường có các chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và được điều chỉnh theo hướng hiện đại phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế thị trường.

Trải qua gần 40 năm kể từ ngày thành lập, nhà trường đã dần ổn định và phát triển, một chặng đường dài trên con đường đi có nhiều chông gai, nhiều thế hệ giáo viên đã đi qua bằng lòng nhiệt tình, bằng khát vọng, say mê, không mệt mỏi vì một mục tiêu duy nhất là góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội

khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Nhà trường đã đào tạo hơn 50 ngàn cán bộ kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế đất nước, có lúc cũng đã đào tạo nhân lực cho nước bạn Lào. Nhiều học sinh, sinh viên (HSSV) của trường hiện nay giữ vị trí chủ chốt trong các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp nhà nước cũng như các doanh nghiệp tư nhân; nhà trường đã dần hình thành thương hiệu, uy tín bằng chất lượng đào tạo và sự ưu tiên quan tâm giúp đỡ người học thực hiện được nguyện vọng, mong muốn và ước mơ của mình. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Công Thương và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhà trường đã mở rộng 45 ngành nghề đào tạo khác nhau. Thông qua giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển xã hội bền vững, phát triển nâng cao nguồn nhân lực cho nền kinh tế tri thức của đất nước.

Gần 40 năm xây dựng và phát triển, có thể khẳng định đó là quá trình phát huy lợi thế, khắc phục khó khăn để trưởng thành. Vai trò vị trí của nhà trường ngày càng được khẳng định trong xã hội, cũng như trong hệ thống các Trường Cao đẳng trong cả nước. Thành quả to lớn đó là do sự đoàn kết nhất trí, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tâm tận lực và tích cực sáng tạo của tập thể cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên các khóa, các thế hệ của nhà trường, trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

*** Chức năng và nhiệm vụ**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường,... theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội.

*** Tóm lược các hoạt động chính của trường**

Đào tạo: Nhà trường luôn bám sát mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, quán triệt quy trình tuyển sinh và đào tạo nghiêm túc theo đúng quy chế Bộ GD&ĐT, từ năm 2017 trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa hoạt động theo quy chế của Bộ LĐTB-XH. Tính đến hết năm 2016, nhà trường có 20 ngành đào tạo trình độ cao đẳng, 17 ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, 06 mã nghề cao đẳng nghề và 11 mã nghề trung cấp nghề. Nhà trường còn đào tạo 11 mã ngành liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

Trong những năm qua nhà trường luôn chú trọng công tác xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, theo hướng phù hợp với đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, của nhà tuyển dụng, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đề cao tính tự học cho người học, phát huy tính sáng tạo trong quá trình học tập. Cụ thể: đã chỉnh lý 20 chương trình đào tạo trung cấp, 25 chương trình đào tạo cao đẳng và 11 chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

Nghiên cứu khoa học: Nhận thức về vai trò của nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường, trong những năm qua các thế hệ

lãnh đạo của Trường cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa không chỉ tập trung thực hiện nhiệm vụ đào tạo mà còn quan tâm đến các hoạt động KH&CN. Từ quá trình thực hiện cho thấy, mỗi năm nhà trường đều có các đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của CBVC, học sinh, sinh viên được áp dụng trong thực tiễn và phục vụ cho quá trình giảng dạy.

Phương châm của trường “Nghiên cứu tốt là để giảng dạy tốt”. Do vậy, đã đầu tư bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy đạt chuẩn về trình độ, đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; tất cả cho mục tiêu để đạt trường chất lượng cao trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của khu vực và quốc tế. Ngoài đề tài/sáng kiến nhà trường còn khuyến khích giáo viên, giảng viên viết bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, nhà trường cũng phát hành định kỳ hàng quý tập san Khoa học – Công nghệ nhằm tạo điều kiện cho giáo viên, giảng viên trao đổi học thuật trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học đồng thời công bố những kết quả nghiên cứu của giáo viên, giảng viên trong trường.

Hợp tác quốc tế: Nhà trường đã mở rộng liên kết với một số trường để trao đổi thông tin, tư liệu bồi dưỡng cán bộ,...cụ thể: liên kết với Trường Đại học Bách khoa Côn Minh Trung Quốc (KUST) về đào tạo giáo viên, giảng viên. Hàng năm KUST xem xét và đề xuất Chính phủ Trung Quốc cấp học bổng NCS cho Giáo viên, Giảng viên của trường. Kết quả cho đến nay số tiến sỹ ra trường từ chương trình này là 14 tiến sỹ và hiện 05 NCS đang học tập tại KUST. Ngoài ra đội ngũ giảng viên của trường còn học tập và tham gia NCS các nước như: Nga, Đức, Thái Lan,...bên cạnh đó nhà trường luôn tiếp nhận các tình nguyện viên về trường giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên, giảng viên và HSSV.

Xây dựng đội ngũ: Công tác quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên và CBQL luôn được ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển năng lực chuyên môn, tính chuyên nghiệp. Chất lượng đội ngũ cán bộ ngày càng tăng đạt được so với kế hoạch đề ra, hàng năm có 5 người đi NCS tiến sỹ và khoảng 20 người học thạc sỹ đến 31/12/2016 nhà trường có 32 tiến sỹ và NCS, 146 tốt nghiệp và đang học thạc sỹ. Công tác tuyển dụng thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và quy chế của nhà trường.

Xây dựng cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư khang trang, hiện đại đáp ứng chỗ học cho trên 8000 học sinh, sinh viên/ngày. Tất cả các phòng làm việc được trang bị thiết bị hiện đại, có nối mạng internet, phủ sóng wifi ở 2 cơ sở để phục vụ công tác chuyên môn và quản lý.

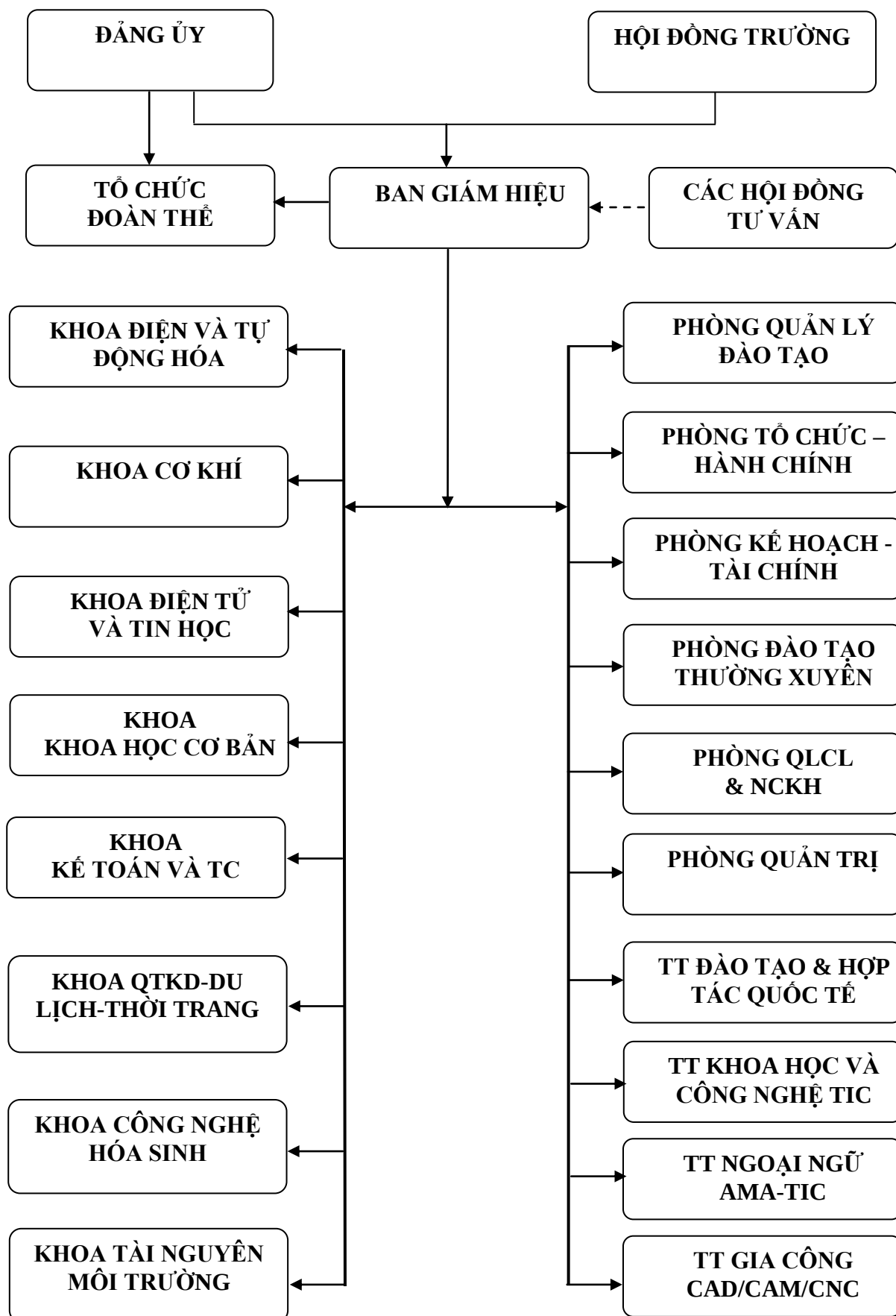
*** Thành tích nổi bật đã đạt được:**

Chính từ những thành quả đó mà nhà trường đã được Đảng và Nhà nước khen tặng nhiều huân, huy chương và bằng khen: Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2008; Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2013;

Biểu tượng vàng "Nguồn nhân lực Việt Nam – Lần thứ I, năm 2011" do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng; Nhiều Cờ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y Tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Phú Yên, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Công Thương Việt Nam,...

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	TS. Trần Kim Quyên	Hiệu trưởng
	Ths. Nguyễn Văn Đức	Phó Hiệu trưởng
2. Tổ chức Đảng, Công Đoàn, Đoàn thanh niên		
Đảng bộ	TS. Trần Kim Quyên	Bí thư
Chi bộ Đào tạo	TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc	Bí thư
Chi bộ Nội chính	Ths. Ngô Xuân Bình	Bí thư
Chi bộ Cơ – điện	TS. Nguyễn Trung Thoại	Bí thư
Chi bộ Hóa sinh	Ths. Trần Thiện Thuật	Bí thư
Chi bộ Kinh tế và du lịch	TS. Bùi Ngọc Định	Bí thư
Chi bộ Khoa học cơ bản	Ths. Trần Viên	Bí thư
Công Đoàn	Ths. Cao Thị Nhung	Chủ tịch công Đoàn
Đoàn thanh niên	Ths. Nguyễn Hồng Hạnh	Bí thư
3. Các phòng chức năng		
Phòng QLĐT	TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc	Trưởng phòng
Phòng QLCL&NCKH	TS. Lê Kim Anh	Trưởng phòng
Phòng TCHC	Ths. Ngô Xuân Bình	Trưởng phòng
Phòng KHTC	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Trưởng phòng
Phòng ĐTTX	TS. Nguyễn Trung Hòa	Trưởng phòng
Phòng QT	Ths. Nguyễn Thanh Thuyền	Trưởng phòng
4. Các Khoa chuyên môn		
Khoa Điện & Tự động hóa	TS. Nguyễn Trung Thoại	Trưởng khoa
Khoa Điện tử - Tin học	TS. Bùi Ngọc Định	Trưởng khoa
Khoa Kế toán và Tài chính	TS. Trần Thị Nguyệt Cầm	Trưởng khoa
Khoa QTKD-DL-TT	TS. Huỳnh Văn Thái	Trưởng khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Ths. Trần Viên	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Ths. Bùi Mạnh Tuấn	Phụ Trách Khoa
Khoa CNHS	TS. Võ Anh Khuê	Trưởng khoa
Khoa TNMT	Ths. Trần Thiện Thuật	Trưởng khoa
5. Các Trung tâm		
Trung tâm đào tạo và HTQT	Ths. Đoàn Thị Hồng Nguyên	Phụ trách TT
Trung tâm KH& CN TIC	TS. Trương Thành Tâm	Phụ trách TT

3.3. Tổng số CBVC của trường (tính đến ngày 15/12/2017): 223

- Nam: 121

- Nữ: 102

3.4. Đội ngũ giáo viên, giảng viên: 170

- Nam: 91

- Nữ: 79

- Cơ hữu: 170

- Thính giảng: 0

Giáo viên, giảng viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sỹ	14	3	17
Thạc sỹ	59	62	121
Đại học	17	9	26
Cao đẳng	2	0	2
Công nhân bậc 5/7 trở lên	3	0	3
Trình độ khác	1	0	1
Tổng số	96	74	170

4. Ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường**4.1. Ngành, nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh**

TT	Tên ngành	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh	Trình độ
I	CAO ĐẲNG		720	
1	Thiết kế đồ họa	6210402	20	Cao đẳng
2	Tài chính – Ngân hàng	6340202	20	Cao đẳng
3	Kế toán	6340301	30	Cao đẳng
4	Quản trị kinh doanh	6340404	30	Cao đẳng
5	Sinh học ứng dụng	6420202	30	Cao đẳng
6	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	30	Cao đẳng
7	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	6480202	30	Cao đẳng
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	50	Cao đẳng
9	Công nghệ ô tô	6510202	30	Cao đẳng
10	Công nghệ chế tạo máy	6510212	20	Cao đẳng
11	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	20	Cao đẳng
12	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	20	Cao đẳng
13	Công nghệ kỹ thuật hoá học	6510401	30	Cao đẳng
14	Công nghệ kỹ thuật môi trường	6510421	30	Cao đẳng
15	Phân tích các sản phẩm lọc dầu	6510707	30	Cao đẳng
16	Công nghệ kỹ thuật địa chất	6510901	30	Cao đẳng
17	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	6510902	30	Cao đẳng

18	Cắt gọt kim loại	6520121	20	Cao đẳng
19	Hàn	6520123	30	Cao đẳng
20	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	6520205	30	Cao đẳng
21	Điện tử công nghiệp	6520225	30	Cao đẳng
22	Điện công nghiệp	6520227	50	Cao đẳng
23	Công nghệ thực phẩm	6540103	30	Cao đẳng
24	Hướng dẫn du lịch	6810103	30	Cao đẳng
25	Quản lý đất đai	6850102	20	Cao đẳng
II	TRUNG CẤP		580	
1	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	5480202	30	Trung cấp
2	Kế toán doanh nghiệp	5340302	50	Trung cấp
3	Công nghệ kỹ thuật địa chất	5510901	20	Trung cấp
4	Trắc địa - Địa hình - Địa chính	5510907	20	Trung cấp
5	Điện công nghiệp	5520227	30	Trung cấp
6	Điện tử công nghiệp	5520225	30	Trung cấp
7	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	30	Trung cấp
8	Hóa phân tích	5510404	30	Trung cấp
9	Quản trị mạng máy tính	5480209	30	Trung cấp
10	Hướng dẫn du lịch	5810103	30	Trung cấp
11	Quản lý doanh nghiệp	5340420	30	Trung cấp
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô - máy kéo	5510202	30	Trung cấp
13	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	5520205	30	Trung cấp
14	Hàn	5520123	30	Trung cấp
15	Khai thác mỏ	5511003	20	Trung cấp
16	Thiết kế thời trang	5540206	30	Trung cấp
17	Nguội sửa chữa máy công cụ	5520126	30	Trung cấp
18	Cắt gọt kim loại	5520121	30	Trung cấp
19	Khoan thăm dò địa chất	5510915	20	Trung cấp
20	Phân tích các sản phẩm lọc dầu	5510707	30	Trung cấp

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm tự đánh giá)

Trình độ đào tạo	Năm			
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017
1. Cao đẳng				
Năm 1	793	481	406	387
Năm 2	639	659	416	351
Năm 3	1020	584	621	396
2. Cao đẳng liên thông				

Năm 1	186	107	58	20
Năm 2	73	182	97	56
3. Trung cấp				
Năm 1	704	603	868	1081
Năm 2	407	667	514	781

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có 02 trụ sở đào tạo, với tổng diện tích đất 15,6 ha.

a) Trụ sở 1: 261 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Tp Tuy Hòa – Phú Yên.

- Tổng diện tích đất : 25.432 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 7.305 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 18.127 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m²)	Đang xây dựng (m²)
1	Khu hiệu bộ	1070	
2	Phòng học lý thuyết	4644	
3	Xưởng/Phòng thực hành	5820	
4	Khu phục vụ	10886	
4.1	Thư viện	2400	
4.2	Ký túc xá	3160	
4.3	Nhà ăn	306	
4.4	Trạm y tế	20	
4.5	Khu thể thao	5000	
5	Khác	2991	467
5.1	Nhà khách	1488	
5.2	Nhà để xe	500	
5.3	Vườn thực nghiệm	433	467
5.3	Vườn khoan địa chất	570	

b). Trụ sở 2: 01 Nguyễn Hữu Thọ, Phường 9, Tp Tuy Hòa – Phú Yên.

- Tổng diện tích đất : 130.606 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 26.260 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 104.346 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng (m ²)
1	Khu hiệu bộ		
2	Phòng học lý thuyết	10062	
3	Xưởng/Phòng thực hành	7200	
4	Khu phục vụ	170	
4.1	Thư viện	150	
4.2	Trạm y tế	20	
5	Khác		
5.1	Nhà để xe	500	
5.2	Trạm xử lý nước thải	750	
5.3	Sân đường nội bộ+hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước	22000	

c) Tổng số máy tính của trường: 323 bộ, trong đó:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 60 bộ;
- Dùng cho học sinh-sinh viên học tập: 263 bộ.

5.2. Tổng số đầu sách trong thư viện gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường

- Sách thô: 2.874 đầu sách, tương ứng 13.713 cuốn;
- Sách điện tử: 940 đầu sách.

5.3. Tài chính

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN THU CỦA TRƯỜNG

DVT: đồng

STT	Diễn giải	Năm				Ghi chú
		2014	2015	2016	2017	
1	Học phí	17.461.703.000	15.880.359.800	11.931.768.800	7.652.462.000	
2	Ngân sách cấp	23.450.000.000	31.480.750.000	37.148.706.000	27.824.765.000	
3	Dịch vụ	1.350.326.230	1.082.716.528	1.239.542.930	922.274.318	
4	Liên kết	613.265.000	871.209.000	2.596.367.000	2.067.470.000	

5	Chứng chi	973.335.000	679.979.000	1.591.451.000	1.194.010.000	
6	Thu khác	695.832.481	706.328.583	569.499.611	1.162.678.984	
	Tổng cộng	44.544.461.711	50.701.342.911	55.077.335.341	40.823.660.302	

Trên cơ sở các nguồn thu, nhà trường có kế hoạch phân bổ, sử dụng hợp lý thực hiện theo đúng mục lục ngân sách Nhà nước, các quy định của Bộ Tài chính, và căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo các hoạt động của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch năm học đã đề ra.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN CHI CỦA TRƯỜNG

Dvt: đồng

Diễn giải	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Lương CBVC	15.062.586.464	15.211.428.045	11.649.241.629	9.644.713.310
Học bổng + Khen thưởng	2.700.470.000	1.359.479.500	1.703.910.000	977.182.200
Trích nộp BHXH	3.209.245.099	3.067.984.272	3.745.198.381	2.901.386.544
Nghiên cứu Khoa học	330.000.000	276.480.000	377.630.000	248.686.000
Mua sắm thiết bị	3.523.110.000	3.613.000.000	4.900.000.000	2.382.886.000
Phần mềm thư viện, kế toán..		143.640.000	335.160.000	
Sửa chữa	1.553.275.481	1.225.445.182	187.007.800	320.564.977
Chi khác	690.754.303	423.201.622	705.468.733	548.098.327
Đào tạo lại cán bộ	574.250.240	570.729.793	385.937.200	49.480.000
Tổng cộng	27.313.691.587	25.614.908.414	23.611.923.743	16.824.311.358

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH

CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP TUY HÒA

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng GDNN

Kiểm định chất lượng (KĐCL) GDNN là một hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời bảo đảm tính thiết thực, chống hình thức, chống sự tùy tiện. Một trong những điều kiện, tiền đề không thể thiếu để đáp ứng các yêu cầu nói trên là: hoạt động KĐCL giáo dục nghề nghiệp được tiến hành trên cơ sở pháp luật và theo các quy định của pháp luật.

Đối với trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, KĐCL có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ. Thông qua hoạt động KĐCL, thương hiệu, uy tín của nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Vì vậy, KĐCLGDNN là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý nhà nước về GDNN, điều này càng trở nên quan trọng hơn khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Trong khi chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất thì một trong những khâu yếu nhất của giáo dục nói chung và GDNN nói riêng ở Việt Nam là chất lượng đào tạo chưa cao.

Nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo chất lượng bên trong quá trình đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học; một số nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy cho một số ngành, nghề đang sử dụng đã lạc hậu chưa đổi mới kịp thời.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, căn cứ công văn số 1845/TCDN-KĐCL, ngày 24/7/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017. Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã xây dựng kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường số 584/KH-CĐCN-QLCL & NCKH ngày 02/10/2017. Quá trình tự kiểm định đã huy động được Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, giảng viên trong toàn trường.

1.2. Vai trò của hoạt động kiểm định chất lượng GDNN

Hoạt động KĐCLGDNN là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội. Nói cụ thể hơn, KĐCLGDNN có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

a) Đối với xã hội, hoạt động kiểm định thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ: Đó là sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng “sản phẩm” của cơ sở GDNN hoặc của chương trình GDNN; xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của cơ sở GDNN là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét năng lực thực hành của những người học; là cơ sở cho việc trao đổi và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong và ngoài nước. Thông qua quá trình kiểm định, các cơ sở GDNN luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng GDNN của mình, nâng cao hiệu quả của đầu tư cho hoạt động đào tạo.

b) Đối với người học, KĐCLGDNN với mục đích cung cấp các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình GDNN. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: dịch vụ tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho học sinh- sinh viên (HSSV); dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ ăn và ở; dịch vụ giới thiệu việc làm,...

Vì thế, KĐCL sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở GDNN hay một chương trình GDNN mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Điều quan trọng hơn là nếu được học ở những cơ sở GDNN có uy tín và những chương trình GDNN phù hợp đã được khẳng định qua KĐCL thì người học sẽ dễ tìm được việc hoặc tự tạo việc làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

c) Đối với cơ sở GDNN, KĐCL có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cơ sở GDNN có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở GDNN có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua KĐCL, thương hiệu, uy tín của một cơ sở GDNN sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

d) Đối với cơ quan quản lý các cấp, KĐCL được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về cơ sở GDNN hoặc một chương trình GDNN, phát hiện những nhân tố mới trong số các cơ sở GDNN đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc các cơ quan kiểm định áp dụng các "Tiêu chuẩn KĐCL" sẽ tránh được những tác động bên ngoài có hại tới uy tín của cơ sở GDNN. Hơn nữa, nếu KĐCL nói chung và tự kiểm tra, tự đánh giá nói riêng được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy các cơ sở GDNN cải tiến nâng cao chất lượng.

đ) Đối với người sử dụng lao động, HSSV tốt nghiệp từ các chương trình GDNN đã được KĐCL, từ các cơ sở GDNN đã được cấp giấy chứng nhận "chất lượng" giúp họ yên tâm hơn. GDNN là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Do đó thông qua việc đánh giá và chứng nhận các cơ sở GDNN đạt "chất lượng" là một việc làm cần thiết để hoạt động đào tạo đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Luật GDNN năm 2014 tại khoản 12 Điều 23 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tự thực: "Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định"; Điều 65, 67, 68, 69, 70 chương VI Kiểm định chất lượng GDNN.

Căn cứ thông tư 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề.

Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ quyết định số 593/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng nhà Trường.

Căn cứ kế hoạch Tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa số 584/KH-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa.

2.2. Mục đích của tự đánh giá

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và HSSV trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

Thu thập, xử lý thông tin minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN. Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành cơ sở đào tạo đạt chất lượng cao, thương hiệu và uy tín của nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định; hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch; đánh giá toàn diện các hoạt động, mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung GDNN của nhà trường.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 và công văn số 1845/TCĐN-KĐCL, ngày 24/7/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017; thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của trường và những chứng cứ để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, CBQL, giáo viên, giảng viên, HSSV và người sử dụng lao động; phân công các đơn vị viết phiếu đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn sau đó tổng hợp thành báo cáo chung.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thành lập hội đồng kiểm định chất lượng GDNN;

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng GDNN;
- Hướng dẫn các đơn vị trong trường thực hiện tự kiểm định chất lượng GDNN và viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng GDNN của đơn vị, bao gồm:
 - + Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.
 - + Các đơn vị được phân công viết Báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí.
 - + Thông qua Hội đồng KĐCLGDNN.
 - + Viết báo cáo Tự đánh giá chất lượng trường.
 - + Lấy ý kiến về báo cáo tự đánh giá.
 - + Chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh báo cáo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường về Tổng cục GDNN.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt/Không đạt chất lượng</i>
	Tổng điểm	100	99
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	1
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	1	1
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết	1	1

	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	1	1
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật	1	1
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát	1	1
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	17
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết	1	1
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	1

Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1	1
Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	1	1
Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1
Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt	1	1
Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại 1 đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	1	1
Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	1	1
Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	1	1
Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	1	1

	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan	1	1
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết	1	1
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường	1	1

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định	1	1
Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo	1	1
Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy	1	1
Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo	1	1
Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	0
Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo	1	1
Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao	1	1
Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được miễn nhiệm, bổ nhiệm theo quy định	1	1
Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	1
Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý	1	1

	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	15
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành	1	1
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	1	1
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối	1	1

	với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học		
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức	1	1
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	1	1
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1	1
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	15
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học	1	1

	chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo		
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo		
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành	1	1
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó	1	1
	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường	1	1
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất;	1	1

	hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định		
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng	1	1
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in	1	1
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học	1	1
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)	1	1
	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế	1	1
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn	1	1

	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
7	Tiêu chí 7: Tài chính và quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai	1	1
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	1	1

	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập	1	1
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	1	1
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học	1	1
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	1	1
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường	1	1
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	1	1
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng	1	1
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức,	1	1

phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường		
Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định	1	1
Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có	1	1
Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

* Mở đầu:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa luôn xác định rõ sứ mạng của mình, từ đó định ra các mục tiêu cơ bản trong từng giai đoạn để hoàn thành các nhiệm vụ Giáo dục và Đào tạo được giao, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Năm 2011 nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn đến năm 2020. Kế hoạch đã xác định sứ mạng của trường là: *"Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thông qua giáo dục và đào tạo góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển bền vững xã hội, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời Trường còn là Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống, phục vụ có hiệu quả đối với cộng đồng xã hội và xây dựng nền kinh tế tri thức"*.

Năm 2016 nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn đến năm 2035. Kế hoạch chiến lược đã xác định sứ mạng của trường là: *"Cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội"*.

Nhà trường đã xác định cụ thể các ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích bối cảnh và tầm nhìn, để triển khai thực hiện mục tiêu của nhà trường và xây dựng hệ thống các văn bản quy định về cơ cấu tổ chức, trách nhiệm quyền hạn của các đơn vị theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Để nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã duy trì và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng, phân công bộ phận chuyên trách thực hiện và đảm bảo hiệu quả hoạt động này.

Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên là hạt nhân nòng cốt trong công tác lãnh đạo, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường, đã triển khai xây dựng quy chế phối hợp giữa các tổ chức và nhà trường nhằm tạo điều kiện cho

các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ trường Cao đẳng.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống kiểm tra và giám sát nhằm duy trì công tác đảm bảo chất lượng và triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi và bình đẳng giới.

*** Những điểm mạnh:**

Tuyên bố sứ mạng của nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển trường, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, được phổ biến rộng rãi trong toàn trường và ngoài xã hội. Các ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo cho 25 ngành, nghề cao đẳng và 20 ngành, nghề trung cấp của trường dựa trên phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, các công ty, doanh nghiệp và các đơn vị tuyển dụng lao động.

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý, các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và trung tâm trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên trong nhà trường phát huy tốt vai trò lãnh đạo, hoạt động theo đúng điều lệ và theo quy định của pháp luật.

Đã xây dựng quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hiệu trưởng, Hiệu trưởng với công đoàn và đoàn thanh niên, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Trường có Ban điều hành ISO để vận hành hệ thống ĐBCL theo quy định và ban hành đầy đủ các quy định kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, phổ biến, triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với CBVC, HSSV đồng thời thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

*** Những tồn tại:**

Chưa thành lập xong Hội đồng trường.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trong năm 2018, rà soát cập nhật bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường, tiếp tục đề nghị công nhận Hội đồng trường và tổ chức hoạt động Hội đồng trường theo quy định.

a) Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai

1. Mô tả

Sứ mạng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã được xác định trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn đến năm 2020 và chiến lược phát triển trường giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn đến 2035 [1.1.01] đồng thời trong quyết định thành lập trường năm 2005 [1.1.02]. Sứ mạng này được công bố công khai trên Website www.tic.edu.vn [1.1.03] với nội dung " *Cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội*".

Nội dung của sứ mạng phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực ngành Công Thương giai đoạn 2011-2020 [1.1.04] và văn bản phê duyệt đề án "Tổ chức, sắp xếp các

cơ sở đào tạo thuộc Bộ đến năm 2020" [1.1.05]. Ngoài ra, nhà trường còn căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Phú Yên giai đoạn 2015-2020 do Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra [1.1.06] đồng thời căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2015-2020 của Đảng bộ nhà trường [1.1.07]. Nhà trường còn căn cứ văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định và ban hành [1.1.08] để xây dựng quy định về tổ chức và quản lý của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.09] và quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.10] để thực hiện sứ mạng của mình.

2. Những điểm mạnh

Sứ mạng của trường đã được công bố công khai, trong đó trang website của nhà trường là một địa chỉ thuận tiện nhất cho mọi người muốn tìm hiểu về trường.

Sứ mạng của trường được xây dựng phù hợp với khả năng của trường và đáp ứng được nhu cầu nhân lực của khu vực và của địa phương trước mắt cũng như lâu dài.

Sứ mạng của trường có nội dung rõ ràng, dễ nhớ, có tính khả thi và được phổ biến, quán triệt trong cán bộ viên chức, học sinh sinh viên thông qua nhiều kênh thông tin.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục phổ biến rộng rãi trong toàn trường và ngoài xã hội về tuyên bố sứ mạng của nhà trường. Giao cho ban quản trị chiến lược nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu sứ mạng đến năm 2022, đồng thời xác định rõ các giải pháp cụ thể, có tính khả thi để thực hiện tốt sứ mạng của mình.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp

1. Mô tả

Trên cơ sở nhu cầu nhân lực theo từng ngành nghề của các nhà tuyển dụng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức thảo luận, phân tích đánh giá nhân lực từng ngành nghề đào tạo và phân bổ chỉ tiêu cho từng ngành đào tạo trên cơ sở chỉ tiêu đề xuất từ các khoa [1.2.01] (dựa trên đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị,...).

Nhà trường đã hoàn thành việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Trong năm 2017, nhà trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp đăng ký hoạt động đào tạo cho 25 ngành, nghề cao đẳng và 20 ngành, nghề trung cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 201/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 29/6/2017 [1.2.02], [1.2.03].

Ngành, nghề và quy mô đào tạo của nhà trường và tại giấy chứng nhận phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương và khu vực. Học sinh, sinh viên của trường khi tốt nghiệp không đủ số lượng đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.

2. Những điểm mạnh

Các ngành, nghề đào tạo của nhà trường đa dạng, nhiều lĩnh vực thuận lợi cho người học lựa chọn lĩnh vực để học tập.

Việc xác định chỉ tiêu và ngành, nghề phù hợp với nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực của địa phương và khu vực nên đảm bảo đầu ra cho người học.

3. Những tồn tại

Việc mở rộng quy mô tuyển sinh, đào tạo bậc đại học và thay đổi phương thức tuyển sinh thông thoáng, tâm lý người học e ngại học nghề, gây khó khăn công tác tuyển sinh ở bậc học cao đẳng, trung cấp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tập trung đầu tư, triển khai xây dựng các nghề trọng điểm để đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tham gia lao động trong khu vực và quốc tế, có khả năng hội nhập làm tiền đề thúc đẩy người học tham gia học nghề.

Tuyên truyền người học và phụ huynh nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng đào tạo Giáo dục nghề nghiệp để tham gia học nghề ngày càng nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa được thành lập theo quyết định 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [1.1.02]. Trên cơ sở quy định của Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BLDTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.09] theo đó, nhiệm vụ, quyền hạn của trường được quy định tại Điều 5 của thông tư số 46/2016/TT-BLDTBXH.

Cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng, và được cụ thể hóa trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa và Quy chế làm việc của trường [1.1.10]. Trường đã sắp xếp bộ máy tổ chức của trường thành ba cấp:

- Trường (Ban Giám hiệu)
- Phòng/Khoa /Trung tâm
- Bộ môn, Trung tâm thuộc khoa

Trong năm 2017 nhà trường đã tiến hành sắp xếp lại các phòng, khoa, trung tâm theo hướng tinh gọn [1.3.01], hiện nay, các đơn vị trong toàn trường còn 8 khoa, 06 phòng, 04 trung tâm trực thuộc trường.

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, như Quy chế chi tiêu nội bộ

[1.3.02], Quy chế thi đua khen thưởng [1.3.03], Quy chế làm việc của trường [1.1.10], Quy định đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động [1.3.04], Quy chế dân chủ cơ sở [1.3.05], Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.3.06], Quy chế làm việc của nhà giáo [1.3.07], Quy định nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động của Trường [1.3.08],...

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng và Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật giáo dục đại học.

3. Những tồn tại

Nhà trường đã xây dựng Dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa cho phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định Điều lệ trường cao đẳng của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trình Bộ Công Thương nhưng chưa được bộ phê duyệt, lý do Bộ Công Thương đang tiến hành rà soát, sắp xếp các đơn vị thuộc Bộ nên sẽ ban hành sau.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm 2018 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, trên cơ sở đó sẽ tiếp tục ban hành chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, khoa, trung tâm của nhà trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết

1. Mô tả

Trên cơ sở tình hình thực tế về nhân sự và yêu cầu của việc tổ chức hoạt động và quy định của Điều lệ trường cao đẳng, quy định về thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Tổng cục, Cục và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương [1.4.01]. Nhà trường tiến hành rà soát và phân công điều chỉnh chức năng nhiệm vụ hoặc bổ sung thêm nhiệm vụ của các phòng, khoa thuộc thẩm quyền. Trong năm 2017 nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.09], thực hiện việc sáp nhập, chia, tách thành lập mới một số đơn vị [1.3.01], phân công công việc cụ thể các thành viên trong Ban Giám hiệu [1.4.02].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động theo quy định.

3. Những tồn tại

Từ năm 2017 công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực GDNN được giao về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, nên công tác rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018 chỉ đạo các đơn vị trong nhà trường cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật để tham mưu cho Ban Giám hiệu điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường cho kịp thời.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

đ) Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường

1. Mô tả

Hệ thống quản lý trường được phân thành ba cấp: Cấp trường (Ban Giám hiệu); Phòng/Khoa/Trung tâm; Bộ môn, Trung tâm thuộc khoa. Chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa, trung tâm và các đơn vị trực thuộc được phân cấp và phân công cụ thể tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Quy chế tổ chức và hoạt động [1.1.09] của trường và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Ban, Trung tâm, Khoa và Bộ môn [1.5.01]. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý và thực hiện các mặt công tác của trường, theo phân cấp của Hiệu trưởng.

Các khoa và các bộ môn trực thuộc trường, các bộ môn trực thuộc khoa có nhiệm vụ tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, học tập và các hoạt động giáo dục khác như chương trình đào tạo, quản lý GV, cán bộ, nhân viên, HSSV. Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị còn được cụ thể hóa trong hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001: 2015 của trường. Số lượng ngành phụ trách đào tạo và trình độ đào tạo cụ thể của từng khoa được quy định rõ trong văn bản này. Mỗi khoa có số lượng giảng viên và các tổ bộ môn được phân công tương ứng với số lượng HSSV được bố trí đào tạo trong từng đơn vị phù hợp với cơ cấu ngành, nghề và mục tiêu của trường.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có các phòng, khoa, bộ môn và trung tâm trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

3. Những tồn tại

Do Bộ Công Thương chưa ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường, nên nhà trường chưa ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, khoa, trung tâm theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm 2018, Giao phòng Tổ chức - Hành chính tiếp tục phối hợp với các phòng, khoa rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả

1. Mô tả

Nhà trường đã xúc tiến các thủ tục để thành lập Hội đồng trường từ tháng 11/2017 trình Bộ Công Thương, nhưng đến thời điểm hiện nay Bộ Công Thương chưa ra quyết định thành lập. Đối với các Hội đồng tư vấn khác Nhà trường đã thành lập theo từng năm học theo đúng quy định như: Hội đồng khoa học và đào tạo [1.6.01], hội đồng tuyển sinh [1.6.02], Hội đồng thi đua khen thưởng [1.6.03], Hội đồng tuyển dụng viên chức [1.6.04], Hội đồng lương [1.6.05],... nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động [1.1.09] của trường và được nêu cụ thể trong quyết định thành lập.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ các hội đồng đã đề xuất các ý kiến tư vấn cho Hiệu trưởng trong từng lĩnh vực cụ thể, liên quan đến việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường.

Đối với các phòng, khoa, trung tâm và các đơn vị trực thuộc trường, định kỳ hàng năm nhà trường tổ chức đánh giá thông qua báo cáo kết quả hoạt động của từng đơn vị để xét thi đua khen thưởng cuối năm và báo cáo tổng kết năm học của trường [1.6.06]. Kết quả đánh giá cho thấy quả các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

2. Những điểm mạnh

Các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

3. Những tồn tại

Đã hoàn tất thủ tục nhưng chưa được Bộ chủ quản ra quyết định thành lập Hội đồng trường.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm 2018, tiếp tục đề nghị Bộ Công Thương xem xét ra quyết định thành lập Hội đồng trường theo quy định.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

g) Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Điều lệ trường Cao đẳng theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội [1.7.01] và quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.5.01]. Để duy trì công tác ĐBCL giáo dục trong năm 2015 nhà trường đã thành lập ban xây

dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đã ban hành áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn trường nhằm thực hiện hoạt động rà soát, đánh giá chất lượng và cải tiến theo quy định [1.7.02].

Trong năm 2017, nhà trường tiếp tục triển khai kế hoạch chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015 và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng [1.7.03]. Định kỳ hàng năm, phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học xây dựng, triển khai kế hoạch ĐBCL giáo dục [1.7.04] và thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá tổng kết hàng năm [1.7.05]. Bên cạnh đó nhà trường còn xây dựng chính sách chất lượng của trường [1.7.06], mục tiêu chất lượng của trường [1.7.07] và mục tiêu chất lượng của các đơn vị [1.7.08]. Thực hiện rà soát kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của trường và của các đơn vị bằng hoạt động đánh giá nội bộ [1.7.09]. Sau khi kết thúc đánh giá nội bộ nhà trường tiến hành họp xem xét của lãnh đạo [1.7.10] nhằm cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thành lập Ban điều hành ISO để vận hành hệ thống ĐBCL giáo dục theo quy định.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Giao Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học tiếp tục nghiên cứu đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng vận hành hệ thống QLCL và ĐBCL giáo dục của nhà trường theo quy định của Bộ LĐTĐ&XH.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

h) Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo chất lượng giáo dục là yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra cho người học. Vì vậy, tháng 12/2010 Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Phòng Thanh tra và kiểm định Chất lượng giáo dục [1.8.01], có nhiệm vụ thanh tra nội bộ và chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong toàn trường. Ngày 26/7/2017 nhà trường ban hành quyết định số 354/QĐ-CĐCN-TCHC về việc thành lập phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học trên cơ sở sáp nhập Phòng Thanh tra và kiểm định Chất lượng giáo dục và Phòng QLKH &HTQT [1.8.02]. Cán bộ Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học là những giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy, có trình độ sau đại học [1.8.03], các cộng tác viên của Phòng là Ban Thanh tra nhân dân và Ủy ban kiểm tra Công đoàn, phối hợp thực hiện việc giám sát và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Định kỳ mỗi năm học, Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục [1.7.04], báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời phổ biến đến từng

khoa, từng cán bộ giảng dạy và các đơn vị có liên quan trong nhà trường để phối hợp thực hiện.

Căn cứ kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học phối hợp với các đơn vị có liên quan làm nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong kế hoạch đề ra. Cuối năm có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm tới [1.8.04], đồng thời thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các báo cáo liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Như vậy là từ năm 2010, Nhà trường có đơn vị chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, thực hiện đủ chức năng kiểm tra, giám sát, đảm bảo chuẩn đầu ra của người học.

2. Những điểm mạnh

Trường có bộ phận phụ trách về công tác ĐBCL giáo dục có đủ trình độ, năng lực thực hiện công tác ĐBCL giáo dục.

Trường đã có kế hoạch phát triển, từng bước hoàn chỉnh hệ thống và hình thành văn hóa chất lượng giáo dục trong nhà trường. Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức quản lý đào tạo và tổ chức thi các học phần đều thực hiện nghiêm túc theo đúng kế hoạch, đúng quy chế; điểm thi của học sinh, sinh viên đều được lưu giữ trong hệ thống máy tính và bằng văn bản tại các khoa và Phòng Quản lý Đào tạo.

Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đảm bảo được hoạt động thường xuyên góp phần tích cực duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo. Đội ngũ cán bộ có trình độ, có năng lực và tham gia đầy đủ các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và thực hiện có hiệu quả về đánh giá trong của nhà trường.

3. Những tồn tại

Đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng còn thiếu kinh nghiệm, chưa triển khai thường xuyên các hoạt động tự đánh giá nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm 2018, Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học tiếp tục nghiên cứu tích hợp hệ thống QLCL với hệ thống ĐBCL giáo dục của nhà trường theo quy định của Bộ LĐTĐ&XH.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

i) Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật

1. Mô tả

Đảng bộ Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Thành ủy Tuy Hòa, có 136 đảng viên [1.9.01] với 06 chi bộ trực thuộc [1.9.02], lãnh đạo toàn trường thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ cấp trên và vận dụng đúng đường lối

của Đảng trong giáo dục đào tạo, lập kế hoạch, định hướng các quyết sách cho sự ổn định và phát triển bền vững của nhà trường.

Ban chấp hành Đảng ủy Trường nhiệm kỳ 2015-2020 được bầu gồm 11 đồng chí để lãnh đạo và quyết định mọi hoạt động của trường theo đúng nguyên tắc và Điều lệ Đảng [1.9.03], duy trì đều đặn chế độ sinh hoạt Đảng ủy, sinh hoạt các chi bộ hàng tháng.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng ủy đối với mọi mặt công tác của nhà trường, Ngay từ đầu nhiệm kỳ 2015-2020, Ban chấp hành Đảng ủy Trường đã xây dựng và ban hành quy chế làm việc [1.9.04], quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy [1.9.05], phân công nhiệm vụ cho từng đảng ủy viên phụ trách các chi bộ [1.9.06]; Xây dựng chương trình và kế hoạch thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong Đảng [1.9.07] và thực hiện báo cáo 02 lần/năm cho Thành ủy Tuy Hòa theo quy định [1.9.08].

Nhằm kịp thời triển khai, quán triệt các văn bản của Đảng cấp đến toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân viên, đồng thời nghiên cứu, vận dụng vào triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan của Đảng bộ, đơn vị một cách thiết thực, hiệu quả, phù hợp, Đảng ủy xây dựng kế hoạch học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng như: Nghị quyết Hội nghị TW11 (Khóa XI) [1.9.09]; Nghị quyết Hội nghị TW4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ [1.9.10]; các Nghị quyết Hội nghị TW5 [1.9.11], TW6 (khóa XII) [1.9.12]; Triển khai kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề hàng năm và theo chỉ thị 05/CT-TW, ngày 15/5/2016 của Bộ chính trị [1.9.13]; Triển khai các chi bộ sưu tầm và giới thiệu những mẫu chuyện về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trước buổi chào cờ đầu tuần [1.9.14].

Đảng ủy họp định kỳ hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị tháng trước và xây dựng, chỉ đạo kế hoạch, chương trình thực hiện nhiệm vụ tháng tiếp theo [1.9.15]. Công tác xây dựng và phát triển đảng luôn được Đảng ủy chú trọng, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, nhất là công tác phát triển đảng trong học sinh, sinh viên, đạt 100% chỉ tiêu Thành ủy Tuy Hòa giao hàng năm. Trong giai đoạn 2015-2017, Đảng bộ đã tổ chức kết nạp được 60 đảng viên, trong đó có 12 đảng viên là học sinh, sinh viên đứng vào hàng ngũ của Đảng [1.9.16].

Hàng năm, Đảng ủy chỉ đạo, hướng dẫn các chi bộ tổ chức kiểm điểm, đánh giá chất lượng TCCS Đảng và đảng viên theo quy định Điều lệ Đảng [1.9.17]; Ban hành các Quyết định công phân loại đánh giá và khen thưởng đối với đảng viên và các chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [1.9.18], [1.9.19]. Đảng ủy trường đã thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, qua đó đã xây dựng được đội ngũ cán bộ đảm bảo số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu [1.9.20].

Để phát huy dân chủ cơ sở, đẩy mạnh các phong trào thi đua và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao, Đảng ủy phân công các Chi bộ phụ trách các đoàn thể quần chúng ở các phòng, khoa, trung tâm trực thuộc [1.9.21]. Qua đó, năng lực lãnh đạo

và sức chiến đấu của Đảng bộ được thể hiện toàn diện, khách quan, minh chứng qua kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm [1.9.22].

Với những thành tích đạt được, liên tục trong nhiều năm qua, Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa được Thành ủy Tuy Hòa công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh [1.9.23], được Thành ủy Tuy Hòa khen thưởng là TCCS Đảng "tiêu biểu 5 năm liền "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" 5 năm liền 2011 – 2015 [1.9.24].

2. Những điểm mạnh

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ Trường ngày càng trưởng thành và không ngừng được phát huy, thể hiện tốt vai trò là hạt nhân chính trị, lực lượng nòng cốt hoạt động theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong toàn trường, xây dựng nhà trường nhiều năm liền là Tập thể lao động xuất sắc, được Bộ Công Thương, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Phú Yên tặng bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhà trường không ngừng phát triển, việc làm và đời sống cán bộ viên chức luôn đảm bảo và ổn định.

3. Những tồn tại

Do đặc điểm công tác và hoạt động của cán bộ, đảng viên là kiêm nhiệm cho nên lịch sinh hoạt định kỳ đôi lúc chưa thực hiện đúng.

Một số Chi bộ trực thuộc chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo thường xuyên đối với các đoàn thể quần chúng cùng cấp nên đôi lúc chưa tạo được tính đồng bộ và hiệu quả cao.

Ban Chấp hành Đảng bộ có vài sự thay đổi về nhân sự do nghỉ hưu, chuyển công tác nên chưa tạo được sự ổn định trong việc phân công chỉ đạo các hoạt động.

Công tác sinh hoạt chuyên đề của các Chi bộ chưa đồng bộ do chưa được tập huấn, hướng dẫn cụ thể nên hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Đảng bộ nhà trường tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng, duy trì đúng lịch sinh hoạt định kỳ hàng tháng, hàng quý theo quy định.

Tổ chức họp Đảng bộ 02 lần/năm để tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, đồng thời phát huy dân chủ, trí tuệ của toàn Đảng bộ trong việc xây dựng và phát triển nhà trường trong giai đoạn mới.

Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ lý luận chính trị của Ban chấp hành Đảng ủy. Tăng cường hoạt động của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đối với các Chi bộ trực thuộc.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

k) Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường

1. Mô tả

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa trực thuộc Công đoàn Công Thương Việt Nam [1.10.01] có 226 đoàn viên (124 nam, 102 nữ), là người đại diện dân chủ của cán bộ công chức, đã đáp ứng được tâm tư nguyện vọng của quần chúng, góp ý về các giải pháp cho sự phát triển của nhà trường, đề đạt ý kiến về quyền lợi người lao động và giải quyết khiếu nại của công dân.

Ban chấp hành Công đoàn Trường hoạt động theo điều lệ, nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ; phối hợp với lãnh đạo trường [1.10.02] có quy chế cụ thể [1.10.03].

Phối hợp với chính quyền, duy trì việc triển khai các cuộc vận động cuộc vận động “*Mỗi nhà giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo*” [1.10.04], “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” [1.10.05], kết hợp với các kế hoạch thi đua ngắn ngày [1.10.06], thi đua năm học [1.10.07]. Đa dạng hóa các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ thể thao, sinh hoạt câu lạc bộ học thuật,... và nhiều hoạt động trong các tổ công đoàn để tăng cường giao lưu, rèn luyện trí và thể lực phục vụ tốt cho công tác chuyên môn [1.10.08]. Qua đó, Công đoàn trường đã thể hiện tốt vai trò vận động, giúp đỡ cán bộ viên chức hăng hái đăng ký thi đua, đạt các danh hiệu giáo viên dạy giỏi [1.10.09] và đạt giải các kỳ thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Phú Yên [1.10.10].

Ban Chấp hành Công đoàn xây dựng báo cáo công tác công đoàn hàng quý [1.10.11], công tác công đoàn hàng năm [1.10.12] để đánh giá kết quả đã đạt được, đồng thời xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm cho quý/năm tiếp theo trên cơ sở bám sát các hoạt động của nhà trường.

Để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, ngoài việc xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường [1.3.05], Quy chế tiếp công dân của lãnh đạo trường [1.10.13], hàng năm, Công đoàn phối hợp tốt với chính quyền tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động kịp thời [1.10.14] để cán bộ viên chức tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển Trường, qua đó quyền và lợi ích chính đáng của người lao động được đảm bảo theo quy định của Pháp luật.

Thông qua hoạt động phong trào, Công đoàn trường đã bồi dưỡng, giới thiệu kết nạp được 50 công đoàn viên ưu tú vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam. Liên tục trong nhiều năm qua, Công đoàn trường được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc [1.10.15], được Tổng Liên đoàn, Công đoàn Công Thương Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Phú Yên tặng Cờ và nhiều Bằng khen [1.10.16].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường trực thuộc Tỉnh đoàn Phú Yên [1.10.17] có vai trò tập hợp lực lượng, giáo dục cán bộ viên chức trẻ và toàn bộ học sinh, sinh viên tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, thi đua học tập, chấp hành tốt nội quy, quy chế [1.10.18].

BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường có quy chế hoạt động cụ thể [1.10.19], duy trì sinh hoạt đều đặn [1.10.20], xây dựng chương trình hoạt động hàng năm [1.10.21]. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể triển khai, tổ chức nhiều hoạt động giao

lưu văn hóa, thể thao, hội thi phù hợp với tuổi trẻ, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia như chiến dịch tình nguyện “*Tiếp sức mùa thi*”, “*Mùa hè xanh*”, [1.10.22], *Tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng*” [1.10.23] các hội thi tài năng khóa học trẻ [1.10.24], kỳ thi nghiêm túc [1.10.25],... và nhiều hoạt động có ý nghĩa khác. Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức, lý tưởng cho học sinh, sinh viên mà còn góp phần gắn kết chặt chẽ nhà trường với đời sống xã hội và cộng đồng, lan tỏa uy tín và thương hiệu nhà trường được nâng cao.

Với những thành tích nổi bật, Đoàn trường Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã được tỉnh Đoàn Phú Yên, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng nhiều bằng khen [1.10.26] .

Ban nữ công công đoàn Trường gồm 08 ủy viên [1.10.27] chỉ đạo 08 tổ nữ công với tổng số 102 nữ cán bộ viên chức, có vai trò tham mưu cho Ban Thường vụ Công đoàn trường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động cán bộ viên chức tham các hoạt động về Bình đẳng giới, công tác DS - KHHGĐ, các vấn đề liên quan đến gia đình và trẻ em, nhất là có chính sách khen thưởng đối với con CBVC đạt thành tích cao các kỳ thi học sinh giỏi các cấp [1.10.28], thực hiện chế độ chính sách và chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của lao động nữ thông qua các hoạt động kỷ niệm Ngày Quốc tế phụ nữ 08/3; Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 hàng năm [1.10.29].

Đặc biệt, Ban Nữ công đã tích cực vận động các chị em thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “*Giỏi việc nước, đảm việc nhà*” trong nữ CNVCLĐ gắn với phong trào thi đua “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*”. Kết quả trong giai đoạn từ 2013-2017, toàn trường có 327 lượt chị em đạt danh hiệu phụ nữ Hai giỏi [1.10.30].

Để chăm lo đời sống nữ CBVC, đặc biệt là CBVC có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, ốm đau, thai sản,... được kịp thời, thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, Ban Nữ công trường đã duy trì nguồn Quỹ do các chị em tự nguyện đóng góp, xây dựng [1.10.31].

Những phong trào trên đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của nữ CBVC, góp phần khích lệ tinh thần không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ gắn với các phong trào thi đua: Lao động giỏi, lao động sáng tạo...; góp phần xây dựng nhà trường ngày càng phát triển. Ghi nhận những thành tích trên, năm 2015, Công đoàn Công Thương Việt Nam đã tặng bằng khen chuyên đề “*Giỏi việc nước, đảm việc nhà*” giai đoạn 2010-2015 cho Ban Nữ công công đoàn Trường [1.10.32].

2. Những điểm mạnh

Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban Nữ công Công đoàn,... và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy hoạt động theo Điều lệ, có quy chế cụ thể, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của pháp luật với mục tiêu chung là không ngừng đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

3. Những tồn tại

Các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong Trường chưa thực sự phát huy được sự sáng tạo, chủ động và nhạy bén của các đơn vị thành viên trong việc đề xuất các phương thức hoạt động mới để thu hút đội ngũ CBVC, lực lượng giáo viên trẻ và đoàn viên, hội viên, học sinh, sinh viên vào thực hiện các phong trào, các cuộc vận động; còn nặng về tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Các phương thức hoạt động của các đoàn thể vẫn còn đơn điệu, rập khuôn máy móc nên chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới và sự phát triển của nhà trường và nâng tầm với yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Các tổ chức đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hướng về cơ sở, phát huy vai trò, trí tuệ của các đơn vị thành viên (các Công đoàn bộ phận, Tổ Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội) trong việc tham mưu xây dựng các kế hoạch cụ thể, chi tiết cho mọi hoạt động; đề xuất và đa dạng hóa các hoạt động phong trào nhằm động viên CBVC và thanh niên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và tham gia tích cực các hoạt động công tác xã hội và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

l) Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động, nhà trường đã triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra. Hoạt động này được triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 5 Điều lệ trường Cao đẳng [1.7.01] và quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.5.01]. Nhà trường vận hành HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 áp dụng các quy trình để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của toàn bộ cán bộ, giảng viên, giáo viên và HSSV.

Việc đánh giá hoạt động giảng viên, giáo viên được thực hiện qua quy trình quản lý hoạt động giảng dạy và hồ sơ dạy học [1.11.01], quy trình tổ chức thi và kiểm tra [1.11.02], quy trình đánh giá nội bộ [1.11.03], thông qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi hàng năm [1.11.04] nhằm giúp nhà trường có được thông tin phản hồi của người học để giúp giảng viên, giáo viên cải tiến phương pháp dạy phù hợp hơn.

Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học có bộ phận chuyên trách về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát giúp nhà trường kiểm soát tất cả các mặt hoạt động của trường. Hàng năm xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, giám sát [1.11.05] việc thực hiện kiểm tra, giám sát được thực hiện theo kế hoạch chuyên môn [1.11.06], [1.11.07], [1.11.08]. Sau kết thúc thời gian kiểm tra, tiến hành đánh giá, chấn chỉnh tình hình hoạt động đào tạo [1.11.09], [1.11.10], [1.11.11], [1.7.10]. Ngoài ra trên cơ sở các kiến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá Quatechnic, nhà trường triển khai rút kinh nghiệm và cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát theo hướng dẫn của chuyên gia [1.11.12].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học nhằm để nâng cao chất lượng đào tạo. Thực hiện cải tiến các phương pháp kiểm tra, đánh giá kịp thời.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Giao Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học, Quản lý đào tạo và các Khoa trong năm 2018 đề xuất cải tiến các quy định về kiểm tra giám sát các hoạt động của nhà trường theo các quy định của Bộ LĐTĐ&XH.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

m) Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định

1. Mô tả

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người học. Cụ thể: Hàng năm, có văn bản hướng dẫn cho HSSV thực hiện trình tự thủ tục làm hồ sơ vay vốn để trang trải chi phí học tập [1.12.01], đồng thời, phối hợp ngân hàng chính sách Xã hội tỉnh Phú Yên thực hiện kiểm tra, báo cáo khi có yêu cầu.

Bên cạnh đó, nhà trường triển khai, thông báo và thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ miễn, giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập đến người học theo Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài Chính, hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập; Thông tư số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC, ngày 16/6/2016 hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học Cao đẳng, Trung cấp [1.12.02].

Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV đã được chuẩn hóa trong bộ quy trình ISO của nhà trường, danh sách HSSV được miễn-giảm học phí, hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập trong từ năm 2014 đến 2017 đã công khai trên Website của Trường [1.12.03]. Hàng năm, nhà trường có thống kê đầy đủ để báo cáo Bộ chủ quản [1.12.04].

Chức năng của nhà trường là: đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường,... theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội.

Sứ mạng của nhà trường là: *“Cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội”*. Do đó, nhà trường tuyển sinh và đào tạo HSSV không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân [1.12.05]. HSSV khi tham gia học tại trường đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng như nhau. Đối với HSSV ở ký túc xá cần phải thực hiện nội quy chung của ký túc xá, không có trường hợp phân biệt hay ưu tiên nào [1.12.06].

Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà trường đều hướng tới HSSV nói chung, không có trường hợp phân biệt hay đối xử bất bình đẳng. Nhà trường luôn duy trì bình đẳng giới thông qua các hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ [1.12.07]. Các hoạt động của Ban này hướng tới hỗ trợ nữ giới trong Nhà trường, đối với HSSV thường chú trọng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới tính, sức khỏe sinh sản,...

2. Những điểm mạnh

Nhà trường tuyển dụng và tuyển sinh khắp mọi vùng miền đất nước, CBVC và HSSV đa dạng thành phần nhưng đều tôn trọng lẫn nhau, chưa có trường hợp nào mâu thuẫn liên quan bất bình đẳng.

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người học, đảm bảo quyền lợi cho người học, giúp người học trang trải hoàn cảnh để an tâm học tập.

3. Những tồn tại

Công tác giải quyết chế độ cho HSSV còn chậm so với nhu cầu của HSSV nguyên nhân một phần do HSSV nhập học rải rác, một phần do HSSV nộp hồ sơ xét cấp chế độ chính sách không chính xác và chậm trễ.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Từ năm 2017, nhà trường triển khai cải thiện lưu trữ, làm giảm số lần nộp hồ sơ xét cấp chế độ chính sách của HSSV. Công tác xét chính sách cần dứt khoát, đúng thời hạn, nhưng triển khai nhiều lần để đảm bảo quyền lợi cho HSSV.

Vẫn giữ như trạng thái hiện nay, kiên quyết không thực hiện các quyết định tạo ra sự bất bình đẳng.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

*** Mở đầu:**

Hoạt động đào tạo đóng vai trò rất quan trọng trong nhà trường, bao gồm từ tuyển sinh đến quản lý trong quá trình đào tạo và tổ chức xét tốt nghiệp.

Đầu năm 2017, trường được chuyển đổi cơ quan quản lý nhà nước về GDNN từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Dựa vào hướng dẫn Quy chế tuyển sinh 2017 của Bộ LĐTBXH, Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2017 và tổ chức tuyển sinh theo đúng các quy định hiện hành. Theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chuyển đổi chương trình đào tạo, Nhà trường đã tổ chức biên soạn và chuyển đổi chương trình đào tạo cho 25 ngành, nghề trình độ cao đẳng, 20 ngành, nghề trình độ trung cấp. Về phương thức đào tạo trình độ cao đẳng thực hiện theo học chế tín chỉ từ năm 2009, nên đào tạo theo phương thức tín chỉ theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội được thực hiện dễ dàng hơn.

Để phục vụ cho việc quản lý hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ, thì việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đóng vai trò rất quan trọng, nhà trường đã mua phần mềm quản lý nhằm quản lý các hoạt động của trường từ tuyển sinh, quản lý quá trình đào tạo, xét tốt nghiệp bằng công cụ máy tính, giúp cho việc quản lý được thuận lợi, chính xác mang lại hiệu quả cao.

Nhà trường đang xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, đáp ứng yêu cầu vừa làm vừa học (VLVH) nhằm nâng cao trình độ của người học. Trường cũng đã liên kết với Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp Hồ Chí Minh đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học, đã giải quyết được nhu cầu học tập vào các ngày cuối tuần của người học.

*** Những điểm mạnh:**

Trường đã ban hành các Quy định về quản lý đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo theo phương thức học chế tín chỉ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Đa số giáo viên, giảng viên nhà trường nhiều năm đào tạo theo học chế tín chỉ bậc cao đẳng, nên có kinh nghiệm trong việc vận hành giảng dạy và quản lý theo phương thức này.

*** Những tồn tại:**

Công tác tuyển sinh từ năm 2015 có xu hướng giảm do việc mở rộng quy mô bậc đại học và phương thức xét tuyển thông thoáng hơn dẫn đến tuyển sinh các bậc thấp hơn gặp nhiều khó khăn.

Việc thay đổi thường xuyên các quy định, quy chế tuyển sinh, đào tạo, quản lý người học gây khó khăn cho công tác quản lý, điều chỉnh phần mềm.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tổ chức rà soát chương trình đào tạo và điều chỉnh thường xuyên nhằm phù hợp với nhu cầu tuyển dụng và cập nhật kiến thức mới, sự tiến bộ của khoa học, công nghệ vào chương trình.

Tổ chức kết nối, hợp tác sâu rộng với doanh nghiệp nhằm kết hợp xây dựng chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kết hợp hướng dẫn thực hành, thực tập có sự tham gia của doanh nghiệp và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp.

Tổ chức hội nghị đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực nhằm phát huy tối đa tính sáng tạo của người học.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý có chất lượng bằng phần mềm quản lý đào tạo trong quá trình thực hiện các quy trình đào tạo, kết hợp với quy trình ISO 9001: 2015 tăng cường khả năng quản lý, giúp công tác quản lý đào tạo thực hiện công bằng, khách quan hơn.

a) Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã được Tổng cục dạy nghề cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 201/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 29/6/2017 gồm 25 ngành Cao đẳng và 20 ngành Trung cấp. Trước năm 2017, các ngành, nghề hoạt động của nhà trường thực hiện theo giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động dạy nghề số 43/2010/GCN-ĐKHĐDN ngày 30/8/2010 của Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) [1.2.02].

Nhà trường đã chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn số 136/TCDN-DMCQ ngày 19/01/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và có quyết định ban hành chương trình đào tạo cho 25 ngành, nghề cao đẳng; 20 ngành, nghề trung cấp được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp [2.1.01].

Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra cho từng chương trình đào tạo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ. Ngoài chuẩn đầu ra về chuyên môn, nhà trường còn quy định chuẩn đầu ra về Tin học, Ngoại ngữ và Kỹ năng mềm. Theo đó, mỗi HSSV tốt nghiệp phải đạt được kỹ năng mềm, trình độ Tin học phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin – Truyền thông. Đồng thời, sinh viên Cao đẳng đạt trình độ tối thiểu TOEIC 350-400 hoặc có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2(A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [2.1.02].

100% chương trình đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho sinh viên ngay từ đầu khóa. Ngoài ra, nhà trường đã công bố thông tin chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra trên website của trường tại địa chỉ: <http://daotao.tic.edu.vn> để sinh viên biết [2.1.03].

2. Những điểm mạnh

Trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được Tổng cục dạy nghề cấp, nhà trường có căn cứ để tiến hành các hoạt động giáo dục liên quan đến các ngành nghề được cấp phép.

Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của tập thể giảng viên, cán bộ quản lý của trường và đại diện các nhà tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực và cả nước.

Việc xây dựng chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo là cơ sở nền tảng để tập thể cán bộ viên chức nỗ lực hoàn thành mục tiêu đào tạo và sinh viên có các kỹ năng cần thiết đáp ứng được yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

3. Những tồn tại

Chưa có báo cáo đánh giá cụ thể chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ, Kỹ năng mềm có phù hợp với yêu cầu công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Xác định kỹ năng mềm, ngoại ngữ là điểm yếu của sinh viên trong quá trình tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, với mong muốn nâng cao lợi thế cạnh tranh với các trường khác, nhà trường thực hiện đổi mới phương pháp đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định

1. Mô tả

Công tác tuyển sinh của Trường hàng năm được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo đúng quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, Trường xây dựng và cập nhật quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh hàng năm theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và đào tạo, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp [2.2.01].

Đến năm 2017, cũng như các trường Cao đẳng khác (không đào tạo khối ngành Sư phạm), Trường cũng đã cập nhật thay đổi phương thức tuyển sinh bậc Cao đẳng, Đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ lao động và thương binh xã hội. Nội dung quy chế tuyển sinh của trường đúng với quy định tại Thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng [2.2.02]

2. Những điểm mạnh

Cập nhật thông tư, quy chế tuyển sinh bậc Cao đẳng, Trung cấp được Trường thực hiện thường xuyên, liên tục, nhanh chóng.

3. Những tồn tại

Từ năm 2015 đến nay, việc mở rộng số lượng trường, tăng quy mô tuyển sinh bậc đại học cùng với phương thức tuyển sinh cho bậc học này được mở rộng với nhiều hình thức xét tuyển, kể cả xét tuyển bằng học bạ nên gây khó khăn trong tuyển sinh các bậc học thấp hơn

Đào tạo giáo dục nghề nghiệp trong nhiều năm qua đã được tuyên truyền, phổ biến nhưng chưa tạo được niềm tin và nhận thức đúng đắn ở bậc học này. Nhiều học sinh và gia đình còn tâm lý sĩ diện nên lựa chọn học đại học dù năng lực bản thân không đảm

bảo, không quan tâm đến nhu cầu của nhà tuyển dụng và khả năng tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp dẫn đến giáo dục nghề nghiệp còn khó khăn trong công tác tuyển sinh.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Phối hợp với địa phương và các cấp ngành giáo dục tuyên truyền sâu rộng đối với người học và phụ huynh về những ưu điểm nổi bật của giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT.

Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong kết hợp tuyển sinh, đào tạo và cam kết giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Tăng cường quảng bá hình ảnh nhà trường, những ngành, nghề trọng điểm và nhu cầu tuyển dụng của xã hội đối với bậc học giáo dục nghề nghiệp tạo ra nhận thức đúng đắn về các bậc học này trong xã hội để thu hút người học.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan

1. Mô tả

Hàng năm, trong hội nghị tổng kết tuyển sinh của nhà Trường, Hội đồng tuyển sinh tổng kết công tác tuyển sinh năm hiện tại và đề xuất kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh cho năm kế tiếp. Tổ chức xây dựng và thông qua hội đồng trường đề án tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh cho cơ quan quản lý giáo dục cấp trên là Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương (cơ quan chủ quản) [2.2.01], [2.3.01].

Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường cũng đã họp và phân tích đánh giá nhu cầu tuyển dụng của địa phương, khu vực nhằm xác định ngành, nghề đào tạo cần mở mới, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành cho phù hợp [1.2.01].

Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch tuyển sinh từng năm làm căn cứ để tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đúng kế hoạch [2.3.03]. Nhằm đảm bảo khách quan, công bằng cho người học và tuyên truyền, quảng bá hình ảnh ngành, nghề đào tạo, Nhà trường đã thực hiện thông báo tuyển sinh trên các phương tiện truyền thống như tờ rơi, banner và các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, truyền thanh, báo và đặc biệt đăng thông tin trên website trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.tic.edu.vn> [2.3.04]. Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh theo đúng quy định. Hội đồng tuyển sinh làm việc đúng nguyên tắc, họp chỉ đạo, định hướng công tác tuyển sinh kịp thời [2.3.05].

Quy trình tuyển sinh được Nhà trường xây dựng và hoàn thiện hàng năm. Năm 2016 và 2017, quy trình tuyển sinh cũng đã đăng ký và thông qua đơn vị đánh giá ISO ngoài . Quy trình này bao gồm các bước: Đăng ký (có thể đăng ký trực tuyến)– Làm hồ sơ đăng ký xét tuyển – Công bố danh sách trúng tuyển – Cấp giấy báo nhập học – Hướng dẫn làm hồ sơ nhập học. Hồ sơ đăng ký học nghề (<http://www.tuyensinh.tic.edu.vn>), hồ sơ xét tuyển học Cao đẳng được lưu giữ đúng quy định tại Kho lưu trữ của Nhà trường [2.3.06].

Kết quả thi và danh sách trúng tuyển, phương án xét tuyển được Trường thông báo công khai tại trường, trên báo và website của trường tại địa chỉ <http://www.tic.edu.vn>. Năm 2016 đến nay, Trường hoàn thiện website và có chuyên trang tuyển sinh <http://www.tuyensinh.tic.edu.vn> và trang facebook [2.3.07].

Công tác tuyển sinh của Trường được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và năm học 2017-2018 theo đúng quy định của Bộ Lao động thương binh và Xã hội. Về công tác báo cáo, ngoài thực hiện các báo cáo kết quả tuyển sinh gửi Bộ GD&ĐT (nay gửi Bộ LDDTB&XH) sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường thực hiện báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh theo từng năm [2.3.08]. Qua đó, đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh của năm, đưa ra các giải pháp khắc phục những khó khăn trong tình hình hiện nay.

Trong những năm qua, công tác tuyển sinh của Trường luôn thực hiện đúng quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ lao động thương binh và xã hội. Hàng năm, kết thúc đợt tuyển sinh, phòng Thanh tra và Kiểm định CLGD thực hiện công tác thanh, kiểm tra theo quy định hiện hành [2.3.09].

Học sinh sau khi trúng tuyển và làm thủ tục nhập học được phân lớp và có quyết định thành lập lớp theo quy định hiện hành [2.3.10]

2. Những điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Trường được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hình thức, chỉ tiêu, đối tượng, kết quả tuyển sinh ... được Trường thông báo công khai.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục, Trường sẽ thường xuyên phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục địa phương và khu vực để tư vấn nghề nghiệp và định hướng việc làm cho học sinh phổ thông. Đồng thời tổ chức quảng bá tốt nhất hình ảnh của nhà trường đến với mọi người có nhu cầu học tập.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học

1. Mô tả

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người học; đồng thời phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội của vùng duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung, trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo. Tính đến năm 2017, bên cạnh các loại hình đào tạo truyền thống như cao đẳng (25 mã ngành), trung cấp (20 mã ngành), đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng (11 mã ngành), nhà trường còn đào tạo các lớp chứng chỉ ngắn hạn, bồi dưỡng theo chuyên đề nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên các doanh nghiệp; tổ chức liên kết với trường đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM,

trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM đào tạo đại học hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học và sau đại học,... Nhà trường cũng đã tổ chức khảo sát nhu cầu người học để linh hoạt thay đổi phương thức đào tạo phù hợp, tạo thuận lợi nhất cho người học [2.3.01].

Trong quá trình đào tạo nhà trường cũng đã phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức cho HSSV tham quan công nghệ sản xuất, thực tập sản xuất đúng chuyên ngành đào tạo tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cửa hàng dịch vụ; đặc biệt đã tiến hành triển khai mô hình thực tập tại doanh nghiệp với các đối tác chiến lược (Cty CP Cơ khí Vina Nha Trang, Cty CP H&T,...) [2.4.02], [2.4.03]. Trong quá trình thực tập, các giáo viên ngoài việc kiểm tra quá trình thực tập, còn tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại, cách thức quản lý để có những đề xuất điều chỉnh, cập nhật, thay đổi nội dung chương trình, bổ sung môn học, trang bị thêm kỹ năng mềm cho HSSV.

Căn cứ các mục tiêu đào tạo đã đề ra, trường đã tổ chức thu thập ý kiến định kỳ hằng năm, thông qua hội nghị CBCC, thông qua nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nhận học sinh thực tập tốt nghiệp, các giáo viên hướng dẫn thực tập tiếp xúc trực tiếp cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp, ghi nhận ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy, thông qua phiếu khảo sát để đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, người học về chất lượng của các phương thức đào tạo, kết quả có: 75% đánh giá tốt, 20% đánh giá khá và 5% đánh giá đạt mức độ trung bình. Bên cạnh đó nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp với học sinh, sinh viên. Thông qua đối thoại nhà trường nắm bắt được các luồng thông tin hữu ích giúp nhà trường điều chỉnh hoạt động dạy và học, các dịch vụ phục vụ người học ngày một tốt hơn [2.4.04].

2. Những điểm mạnh

Các phương thức tổ chức đào tạo linh hoạt phù hợp với điều kiện vừa sản xuất vừa học tập, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của đơn vị doanh nghiệp.

Thông qua mối quan hệ các doanh nghiệp, hội cựu học sinh trường, các trung tâm giới thiệu việc làm, người sử dụng lao động, là điều kiện thuận lợi thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu người học, người sử dụng lao động.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong những năm tới, trường tổ chức hội thảo định kỳ lấy ý kiến của các doanh nghiệp, cán bộ quản lý, giáo viên, HSSV tốt nghiệp ra trường về phương thức đào tạo của nhà trường ứng với thực tế sản xuất.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

đ) Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng cho 25 ngành theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp cho 20 ngành theo Luật Giáo dục nghề nghiệp [2.1.03].

Căn cứ chương trình đào tạo, nhà trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề theo từng học kỳ [2.5.01]. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

2. Những điểm mạnh

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo chi tiết được xây dựng trên cơ sở Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Thời khóa biểu được sắp xếp theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học trong việc lựa chọn môn học, giáo viên giảng dạy, sắp xếp lịch học, phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo tín chỉ.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Định kỳ sau một khóa học trường tổ chức lấy ý kiến của sinh viên và sau một năm lấy ý kiến một lần của các nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo. Hội đồng khoa học và đào tạo thường xuyên tham mưu cho lãnh đạo trường bổ sung, điều chỉnh chương trình để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt

1. Mô tả

Căn cứ kế hoạch và tiến độ đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu từng môn học cho từng khóa học theo học kỳ [2.5.01].

Sau khi tổ chức cho học sinh sinh viên đăng ký chọn thời khóa biểu cá nhân, nhà trường thông báo cho người học biết các môn học đủ điều kiện mở lớp. Giảng viên/giáo viên lên lớp đảm bảo theo đề cương chi tiết môn học và lịch trình giảng dạy. Lịch trình giảng dạy dùng để theo dõi quá trình học tập của học sinh sinh viên và giảng dạy của giảng viên/giáo viên trong một môn học. Lịch trình do giảng viên quản lý trong quá trình lên lớp và nộp lại cho Khoa vào ngày 24,25 hàng tháng và nộp lưu trữ khi kết thúc môn học [2.6.01].

Phòng Thanh tra & Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là phòng Quản lý chất lượng & Quản lý khoa học) kết hợp với phòng Quản lý đào tạo kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và báo cáo với Ban Giám hiệu tình hình thực hiện quy chế và tổ chức đào tạo đối với từng môn học. Sau mỗi đợt kiểm tra, phòng Quản lý chất lượng & Quản lý khoa học đều có biên bản kiểm tra về công tác đào tạo [2.6.02].

2. Những điểm mạnh

Việc tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo đều nghiêm túc theo đúng kế hoạch, đúng quy chế. Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đảm bảo được hoạt động thường xuyên góp phần tích cực duy trì, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Một bộ phận nhỏ giáo viên ít tham gia hoạt động sản xuất nên chưa gắn công tác giảng dạy vào thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

Tổ chức giáo viên tham gia thực tế sản xuất tại doanh nghiệp tối thiểu 4 tuần/1 năm nhằm trải nghiệm thực tế sản xuất, tiếp thu các công nghệ mới từ doanh nghiệp góp phần đưa hoạt động đào tạo gần thực tiễn hơn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

g) Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

1. Mô tả

Trong kế hoạch đào tạo của mình, nhà trường đã chủ động phối hợp cùng doanh nghiệp trong công tác đào tạo, gắn với giải quyết việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ chương trình đào tạo đã được thẩm định và ban hành, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo với mục tiêu và nội dung cụ thể cho từng học kỳ, năm học và đã được hiệu trưởng phê duyệt [2.5.01]. Tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học [2.7.01].

Để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, Phòng quản lý đào tạo và các khoa, tổ bộ môn chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy [2.7.02], giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hằng tháng và đột xuất qua các biện pháp như: kiểm tra kế hoạch giáo viên, lịch trình giảng dạy, dự giờ giáo viên,... [2.7.03].

Trong quá trình đào tạo nhà trường cũng đã hợp tác với các doanh nghiệp nhằm đưa học sinh sinh viên thực tập thực tế tại các doanh nghiệp. Trên cơ sở kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập tại các công ty, doanh nghiệp sản xuất đúng chuyên ngành đào tạo như công ty cổ phần cà phê Vina Nha trang, công ty H & T Nha trang, công ty lắp máy E &C,... qua đó các doanh nghiệp cam kết nhận HSSV thực tập và vào làm việc sau khi ra trường [2.7.04] [2.7.5], (*danh sách sinh viên khóa 38 thực tập tại công ty Vina Nha Trang, Công ty H&T Nha trang*) [2.7.05], (*hình ảnh đi thực tập, thực hành*). Trong quá trình học sinh thực tập nhà trường cử giáo viên tham gia thực tế để kiểm tra quá trình thực tập của học sinh và tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại, cách

thức quản lý nhằm có những đề xuất điều chỉnh, cập nhật, thay đổi nội dung chương trình, bổ sung môn học, trang bị kỹ năng mềm cho học sinh [2.7.06], *danh sách giáo viên khoa cơ khí đi thực tế tại doanh nghiệp sản xuất*).

Thông qua nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nhận học sinh thực tập tốt nghiệp, các giáo viên hướng dẫn thực tập tiếp xúc trực tiếp cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp, ghi nhận ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy, thông qua phiếu nhận xét thực tập tại đơn vị sản xuất [2.7.07].

2. Những điểm mạnh

Kế hoạch đào tạo được xây dựng khoa học, tiến độ thực hiện trong năm học, công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo đã được thực hiện thường xuyên và có sự tham gia của giáo viên, học sinh trong quá trình đào tạo.

Có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động

3. Những tồn tại

Việc phối hợp đào tạo, gửi học sinh thực tập ở một số doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ, một số doanh nghiệp chưa thực sự muốn hợp tác với nhà trường trong đào tạo nghề cho người học,...

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018, tổ chức hội thảo thu thập ý kiến đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo trong nhà trường, lên kế hoạch tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo chặt chẽ đảm bảo chất lượng và hiệu quả đạt mục tiêu đề ra.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

h) Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, bao gồm các khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thời lượng thực hành nghề chiếm từ 70% - 75% thời gian đào tạo [2.1.03]

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Toàn thể GV tham gia giảng dạy tại trường luôn nghiêm túc giờ giấc lên lớp theo qui định, thực hiện đúng với thời khóa biểu do Phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các khoa lên kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ đào tạo đã đề ra. Đảm bảo các tiết giảng đạt chất lượng như soạn lịch trình giảng dạy,... theo các biểu mẫu qui định [2.8.01].

Nhà trường đã thực hiện việc soạn thảo giáo trình cụ thể hóa được các yêu cầu về nội dung kiến thức kỹ năng cần đạt trong chương trình dạy nghề tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực thu thập những ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học về phương pháp dạy học tích cực của giáo trình thể hiện qua phiếu góp ý của học sinh về chất lượng tài liệu giảng dạy, nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo

viên về lịch trình giảng dạy thông qua các buổi thảo luận chuyên môn ở các khoa, bộ môn [2.7.03].

Trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của GV thông qua việc triển khai hoạt động dự giờ, việc tổ chức dự giờ ở các Bộ môn được thực hiện thường xuyên. Đầu học kỳ, các đơn vị lập kế hoạch dự giờ GV [2.8.05] tiến hành dự giờ theo kế hoạch, mỗi giảng viên được dự giờ năm học/một lần và thông qua dự giờ để đánh giá khả năng giảng dạy của giảng viên và tiến cử giảng viên tham gia Hội thi cấp trường [2.8.06], đồng thời cũng là cơ hội học tập chuyên môn nghiệp vụ cho các giảng viên khác, nhằm đưa ra phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm [2.8.07].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có quy định về hoạt động của người dạy thông qua các chương trình đào tạo, đề cương chi tiết và nhận kết quả phản hồi từ phía người học.

Nhà trường và các khoa, bộ môn đã tiến hành đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên bằng nhiều hình thức phù hợp: Kiểm tra hồ sơ chuyên môn; biên soạn giáo án; dự giờ, nhận xét giờ giảng dạy,... Cơ bản tạo được nền nếp trong chuyên môn, tổ chức nghiêm túc quá trình đào tạo ở các khoa, bộ môn trong toàn trường.

Tổ chức các hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của HSSV, từng bước áp dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại. Hàng năm, Tổ chức Hội thi giáo viên giỏi, Hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đổi mới từ phương pháp giảng dạy truyền thống sang tiếp cận theo năng lực người học.

3. Những tồn tại

Việc tổ chức giảng dạy tích hợp mặc dù đã được triển khai nhưng chưa được phát triển sâu rộng trong toàn trường .

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường giảng dạy tích hợp đối với các môn học chuyên ngành, gắn giảng dạy với thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đưa hoạt động giảng dạy gần hơn với thực tiễn sản xuất.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

i) Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy

1. Mô tả

Từ những năm cuối thế kỷ trước, nhà trường đã đẩy mạnh đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động đào tạo, trong dạy và học. Việc đầu tư luôn được cập nhật theo hướng hiện đại hơn, thông minh hơn. Hiện nay, việc quản lý hoạt động dạy và học trong toàn trường được thực hiện bằng phần mềm PMT-EMS với nhiều phân hệ quản lý đầy đủ các chức năng của một hệ thống quản lý đào tạo [2.9.01].

Tất cả các chuyên ngành đào tạo đều có hình thức dạy học trên nền tảng máy tính với các phần mềm chuyên ngành [2.9.02].

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính khách quan và chính xác nhà trường đã đầu tư đưa vào vận hành hệ thống thi và chấm thi trắc nghiệm trên máy tính [2.9.03].

Ngoài ra, để thực hiện đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, nhà trường còn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị multi media để hỗ trợ cho hoạt động dạy và học [2.9.04].

2. Những điểm mạnh

Có đầy đủ cơ sở vật chất phần cứng lẫn phần mềm đảm bảo thực hiện đầy đủ các chức năng dạy và học chất lượng cao.

3. Những tồn tại

Hình thức dạy học trực tuyến đang là xu thế của dạy học hiện đại, nhà trường chưa triển khai hình thức này.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và đa dạng hóa hình thức dạy học, tăng lựa chọn cho người học, trong tương lai gần nhà trường sẽ đầu tư và phát triển hình thức đào tạo trực tuyến.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

k) Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch

1. Mô tả

Nhằm kiện toàn quy định kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động, nhà trường thường xuyên điều chỉnh quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị. Qua đó, quy định chức năng của từng đơn vị trong thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động giảng dạy của nhà trường [1.5.01].

Trong kế hoạch đào tạo của mình, hàng kỳ, hàng năm nhà trường thực hiện tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch [2.10.01].

Hàng kỳ căn cứ vào kế hoạch dự giờ khoa kết hợp phòng KĐCL và NCKH dự giờ giáo viên. Qua đó đánh giá sự thay đổi nội dung, phương pháp giảng dạy của giáo viên có phù hợp với đối tượng người học cũng như nhu cầu thực tế hiện nay hay không. Trao đổi rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của khoa nói riêng của nhà trường nói chung [2.10.03].

Tổng kết công tác kiểm tra công tác dạy và học, phòng QLCL và NCKH có những báo cáo đánh giá cụ thể đối với từng giáo viên. Thông qua đó giáo viên nắm bắt tình hình để có những điều chỉnh cho phù hợp ở các kỳ học tiếp theo. Điều này cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường [2.10.04].

2. Những điểm mạnh

Kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác dạy và học được xây dựng khoa học, đúng tiến độ thực hiện trong năm học, công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo đã được thực hiện thường xuyên và có sự tham gia của giáo viên, học sinh trong quá trình đánh giá.

Có sự phối hợp giữa các đơn vị trong việc kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan.

3. Những tồn tại

Việc tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động dạy và học còn hạn chế, giới hạn thông qua dự giờ, phiếu khảo sát. Quy trình đánh giá chưa đồng bộ, phương pháp đánh giá chưa thật sự khách quan, đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018, phối kết hợp với các đơn vị bên ngoài để có những đánh giá khách quan hơn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

l) Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết

1. Mô tả

Căn cứ Thông tư 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra cơ sở giáo dục đại học, trường trung cấp chuyên nghiệp, thông tư 39/2013/ TT-BGDĐT ngày 5/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục, thông tư 23/2016/TT- BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi, hằng năm nhà trường đều có kế hoạch tự kiểm tra, giám sát [2.10.02] và kế hoạch kiểm tra hồ sơ giảng dạy, tài liệu phục vụ giảng dạy của từng học kỳ [2.11.01].

Từ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học [2.10.04]; nhà trường đã kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

2. Những điểm mạnh

Việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học thường xuyên giúp nhà trường kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu nên có thể tìm ẩn rủi ro mẫu không đại diện cho tổng thể.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường thực hiện kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời điều chỉnh hoặc đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

m) Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

1. Mô tả

Năm 2013 Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã ban hành Quyết định số 516/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/8/2013 về việc ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy, liên thông theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa” [2.12.01]. Quyết định này được áp dụng cho bậc đào tạo cao đẳng từ khóa 36 đến khóa 39. Đối với bậc trung cấp chuyên nghiệp nhà trường đang áp dụng theo thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ giáo dục Đào tạo ban hành quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp [2.12.02].

Năm 2017, theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã ban hành Quyết định số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp khóa 40 [2.12.03].

2. Những điểm mạnh

Các quy định, quy chế được ban hành kịp thời, có sự thống nhất khi áp dụng giữa các khoa, các khóa.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục hoàn thiện các biểu mẫu đào tạo tín chỉ, tiếp tục tuyên truyền, phổ biến rộng rãi quy chế học tập để người học biết và thực hiện đúng quy định.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

n) Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có

1. Mô tả

Gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp là xu thế chung của các trường Đại học, Cao đẳng trong giai đoạn hiện nay. Trong xu thế chung đó, Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã không ngừng tìm kiếm giải pháp, hiện thực hóa, gắn kết ngày càng sâu rộng với các doanh nghiệp. Thực hiện ký kết hợp tác với hơn 50 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong đó có 3 doanh nghiệp ký kết hợp tác toàn diện [2.13.01].

Ngoài ra, nhà trường đã có sự chuyển hướng vượt bậc trong công tác đánh giá kết quả học tập của HSSV, đó là sự tham gia của người sử dụng lao động trong việc đánh giá thực hiện đánh giá kết quả học tập của người học. Cụ thể là sự tham gia đánh giá của Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Thát, Công ty Cổ phần Cơ khí VINA Nha Trang, Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp điện Thế Minh,... [2.13.2].

2. Những điểm mạnh

Tạo mối liên hệ giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa và các doanh nghiệp trong việc đào tạo, hướng nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Học sinh, sinh viên được các doanh nghiệp hỗ trợ lương trong quá trình thực tập và nhận làm việc khi ra trường.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Đẩy mạnh hơn nữa việc gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tăng cường sự tham gia doanh nghiệp trong việc thực hiện đánh giá kết quả học tập của người học. Đưa việc dạy học trở thành mô hình sản xuất hoặc gia công thành phẩm cho các doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

o) Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan

1. Mô tả

Việc tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được thực hiện nghiêm túc, khách quan theo Quyết định số 516/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/8/2013 đối với sinh viên cao đẳng [2.12.01] và thông tư 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ giáo dục Đào tạo đối với học sinh bậc trung cấp [2.12.02]. Đối với các khóa học tuyển sinh từ năm 2017 thực hiện theo quyết định số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp [2.12.03].

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch tự kiểm tra giám sát, trong đó có thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo, tiến độ thực hiện của các đơn vị và cá nhân trong toàn trường; thanh tra, kiểm tra các kỳ thi đối với tất cả các hệ đào tạo trong trường, thường xuyên giám sát việc thực hiện quy chế thi đối với GV và HSSV [2.11.01]. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, phòng QLCL&NCKH đều có biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra [2.14.01].

2. Những điểm mạnh

Việc thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện đảm bảo khách quan, nghiêm túc theo các quy định đã ban hành.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời ngăn chặn, phát hiện và xử lý những sai sót trong việc tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, cấp phát văn bằng chứng chỉ.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

p) Tiêu chuẩn 2.15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra,

thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết

1. Mô tả

Căn cứ quyết định 43/2007/TT-BGDĐT ngày 15/8/2007 và thông tư 57/2012/ TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy, liên thông theo hệ thống tín chỉ, Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã ban hành Quyết định số 516/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/8/2013 về việc ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy, liên thông theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa”. Quyết định này được áp dụng cho bậc đào tạo cao đẳng từ khóa 36 đến khóa 39. Đối với bậc trung cấp chuyên nghiệp nhà trường đang áp dụng theo thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ giáo dục Đào tạo ban hành quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp.

Nhà trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và đã kịp thời điều chỉnh. Trường đã ban hành quyết định số 539/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 11/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ kèm theo quyết định 516/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/8/2013 [2.15.01].

Năm 2017, theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã ban hành Quyết định số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp khóa 40 [2.12.03].

Như vậy, nhà trường căn cứ vào các quyết định và thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để xây dựng bộ quy chế phù hợp với nhà trường theo từng giai đoạn.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã kịp thời điều chỉnh theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Rà soát, cập nhật thường xuyên các văn bản hướng dẫn của Bộ, Ngành để thực hiện đúng, kịp thời và đảm bảo quyền lợi cho người học.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

q) Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định

1. Mô tả

Thực hiện VBHN số 02 thông tư 55/2012/TT-BGDĐT và TT 08/2015/TT-BGDĐT ngày 05/08/2015 của Bộ GD & ĐT [2.16.01], nhà trường đã ban hành các chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng [2.1.01].

Từ năm 2017, nhà trường áp dụng theo Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp [2.16.02].

Chỉ tiêu đào tạo liên thông được phê duyệt hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2017, chỉ tiêu liên thông được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp phê duyệt trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động [2.16.03].

Sau khi có kết quả trúng tuyển, hội đồng xét tuyển sinh xem xét và công nhận kết quả chuyển đổi đối với người học liên thông.

2. Những điểm mạnh

Thực hiện đúng văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ, Ngành chức năng.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Rà soát, xây dựng chương trình liên thông linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và đối tượng người học theo nguyên tắc đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

r) Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả

1. Mô tả

Nhà trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của trường rất chặt chẽ theo đúng các quy định từ đầu vào cho đến đầu ra theo quy trình ISO 9001: 2015 [2.17.01] thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT [2.17.02] và từ năm 2017, thực hiện theo quy định tại quyết định số: số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp khóa 40 [2.12.03].

Ngoài ra nhà trường còn xây dựng cơ sở dữ liệu về học sinh, sinh viên gồm: quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên, quản lý điểm và quản lý cựu HSSV [2.17.04]...[2.17.08].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có cơ sở dữ liệu chi tiết, đầy đủ về hoạt động đào tạo của nhà trường.

3. Những tồn tại

Chưa có bộ dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của HSSV sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm học tới nhà trường cần phải thực hiện những công việc sau: Thông qua mạng lưới Cựu HSSV của trường, tiến hành thu thập và xây bộ dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của cựu HSSV.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

*** Mở đầu**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa hiện có 223 CBVC (121 nam và 102 nữ), là trường có lực lượng lao động với trình độ chuyên môn cao, hầu hết cán bộ làm công tác giảng dạy đều có trình độ thạc sĩ trở lên, cụ thể hiện nay trường có 170 giáo viên, giảng viên chiếm tỷ lệ 76,23% tổng CBVC, trong đó có 17 tiến sĩ, 121 thạc sĩ, 26 cử nhân đại học và 6 người có trình độ khác. Đây là kết quả của chính sách khuyến khích giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn những năm trước đây.

Để có thể quản lý CBVC, người lao động toàn trường, nhà trường đã ban hành và tổ chức thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch, khách quan các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho CBVC, người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.

Hàng năm, toàn thể cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường được đánh giá, phân loại viên chức, từ đó chỉ ra các mặt mạnh để phát huy, mặt yếu kém để khắc phục, đồng thời có chính sách khen thưởng, động viên những viên chức có thành tích trong công việc.

Ban Giám hiệu và đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn, được bổ nhiệm theo đúng quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng.

*** Những điểm mạnh**

Với trình độ chuyên môn cao, trường đã có đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên hợp lý về cơ cấu; đảm bảo về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, quy mô đào tạo và công tác nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ CBVC, người lao động có tuổi đời trẻ, năng động, sáng tạo, trường có 176 CBVC tuổi đời từ 31 – 45tuổi, chiếm tỷ lệ 77,88% tổng CBVC.

Ban Giám hiệu và đội ngũ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn, được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, Ban Giám hiệu và 1 số cán bộ quản lý được bồi dưỡng thêm về kiến thức quản lý giáo dục nghề nghiệp. Đội ngũ quản lý nhà trường có đầy đủ năng lực, trình độ để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao.

*** Những tồn tại**

Hiện nay, giáo viên trường chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề. Thời gian gần đây, do khó khăn trong công tác tuyển sinh, trường không hỗ trợ kinh phí cho CBVC đi học tập từ trình độ thạc sĩ trở xuống.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Khuyến khích, lập kế hoạch cho đội ngũ giáo viên trường đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh,...

Với phương châm “Chất lượng là sứ mệnh, Thành công là đích đến”, trường đang tập trung mọi nguồn lực thực hiện mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành đơn vị đào tạo chất lượng cao của cả nước, uy tín trong khu vực.

a) Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định

1. Mô tả

Với bề dày gần 40 năm hình thành và phát triển, trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa không ngừng hoàn thiện về thể chế, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC, đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học của tập thể giáo viên, giảng viên và HSSV.

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, cụ thể:

Để thống nhất quy trình tuyển dụng viên chức, nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng viên chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [3.1.01].

Trong quá trình sử dụng viên chức, trường đã ban hành một số quy định: Chuẩn các chức danh nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [3.1.02], Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.3.06], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên [1.3.07]...

Mặc dù những năm gần đây, công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, làm công tác đào tạo, bồi dưỡng cho CBVC có hạn chế nhưng nhà trường vẫn hết sức chú trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Nhà trường đã ban Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức [3.1.03].

Để làm căn cứ cho việc đánh giá, phân loại, từ năm 2016, trường đã ban hành Quy định đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.3.04]. Trước năm 2016, công tác đánh giá, phân loại CBVC được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Bộ Công thương [3.1.04].

Ngoài ra, trường đã xây dựng các quy trình ISO 9001 : 2015, đó có quy trình tuyển dụng viên chức, quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức, quy trình xét nâng bậc lương thường xuyên... nhằm đưa các quy định áp dụng thống nhất trong toàn trường.

Khi ban hành các quy định, quy chế của Trường, nhà trường đã căn cứ trên các Luật hiện hành của cấp trên như:

- Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2012;
- Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển;
- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính Phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;...
- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc duyệt số lượng người làm việc năm 2014, 2015, 2016 và năm 2017 đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ [3.1.05].
- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Công Thương [3.1.06].
- Quyết định của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, Danh mục vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công nghiệp tuy Hòa [3.1.07].

Như vậy, trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có hệ thống các Quy định, Quy chế đầy đủ, được xây dựng căn cứ trên các văn bản quy định của cơ quan cấp trên, từ đó làm căn cứ để triển khai các hoạt động của Trường.

2. Những điểm mạnh

Các quy định, quy chế.. được xây dựng căn cứ vào tình hình thực tế tại trường và các quy định của pháp luật hiện hành nên khi triển khai thực hiện có tính rõ ràng, minh bạch đảm bảo công bằng, dân chủ;

Các văn bản thể hiện kết quả tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm được thực hiện và lưu trữ đúng theo quy định.

3. Những tồn tại

Hệ thống pháp luật của cả nước nói chung và trong ngành giáo dục nói riêng trong những năm gần đây có nhiều thay đổi nên việc sửa đổi, bổ sung các quy định quy chế đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục tiến hành rà soát, lược bỏ, chỉnh sửa các văn bản không còn phù hợp, xây dựng mới quy định, quy chế....phù hợp với tình hình thực tế của trường và đúng theo các quy định của pháp luật.

Khi ban hành các Quy định, Quy chế sẽ triển khai thông báo rộng rãi đến các đơn vị, quán triệt các đơn vị thông báo cho CBVC đơn vị nắm được nội dung Quy định, Quy chế.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có hệ thống các Quy định, Quy chế tương đối đầy đủ làm căn cứ để triển khai các hoạt động của Trường.

Số lượng CBVC trường được quản lý của Bộ Công Thương; căn cứ vào nhu cầu của Trường và được sự phê duyệt của Bộ Công Thương, Trường tiến hành tuyển dụng viên chức, từ năm 2016 việc tuyển dụng được thực hiện theo quy trình ISO. Từ năm 2014 đến năm 2016, Trường đã tuyển dụng 06 CBVC, trong đó có 01 giáo viên. Các thủ tục tuyển dụng viên chức được thực hiện đầy đủ [3.2.01].

Năm 2017 trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa tiến hành rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự. Từ đó, Trường tiến hành miễn nhiệm, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các vị trí cán bộ quản lý cho phù hợp. Từ năm 2014 đến nay, Trường đã tiến hành 67 lần bổ nhiệm [3.2.02], 46 lần miễn nhiệm [3.2.03].

Công tác chuyển đổi chức danh nghề nghiệp cho CBVC được nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo quyền lợi cho CBVC, đồng thời chuẩn hóa và nâng cao năng lực đội ngũ CBVC nhà trường. Trong năm 2016, trường đã tiến hành đề nghị bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp cho 45 giảng viên, 02 giảng viên chính, chuyển vị trí, chức danh nghề nghiệp cho 68 CBVC [3.2.04].

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện hàng năm, có công văn, tờ trình, báo cáo liên quan đến việc quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cho Bộ Công Thương và Thành ủy Tuy Hòa [3.2.05].

Những năm gần đây, mặc dù gặp khó khăn về tài chính, Trường vẫn cử CBVC đi học nâng cao trình độ, đồng thời tiến hành cử giáo viên trường đi thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất... Tính từ năm 2014, trường đã cử 09 CBVC đi nghiên cứu sinh tiến sĩ [3.2.06], 37 CBVC đi đào tạo thạc sĩ [3.2.07], 07 CBVC học đại học, 01 CBVC học cao đẳng [3.2.08] và cử nhiều đợt giáo viên đi đào tạo ngắn hạn [3.2.09].

Công tác đánh giá, phân loại viên chức được thực hiện hàng năm sau khi kết thúc năm học. Đây là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với công chức, viên chức và lao động hợp đồng, việc đánh giá, phân loại viên chức được triển khai tại các đơn vị trong toàn trường thông qua Phiếu đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động [3.2.10]; được Hội đồng đánh giá, phân loại viên chức họp xét, thông qua; kết quả đánh giá, phân loại viên chức được thông báo rộng rãi cho CBVC toàn trường biết và báo cáo cho Bộ Công Thương [3.2.11].

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có đầy đủ các văn bản thể hiện kết quả tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm.

Việc thực hiện chế độ, chính sách cho CBVC nhà trường được thực hiện đầy đủ theo các quy định, các Luật hiện hành như:

- CBVC được xét nâng lương [3.2.12], thâm niên [3.2.13] theo quy định và gửi báo cáo về Bộ Công Thương [3.2.14];

- CBVC được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn theo nguyện vọng[3.2.06] [3.2.07] [3.2.08] [3.2.09]; hàng năm trường có Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho CBVC [3.2.15].

- CBVC làm các công việc độc hại sẽ có phụ cấp độc hại, làm thêm giờ có phụ cấp làm thêm giờ, cán bộ quản lý có phụ cấp chức vụ... các khoản phụ cấp này được thể hiện ngay trong Quy chế chi tiêu nội bộ [1.3.02].

- CBVC được phát biểu ý kiến, góp ý, phản ánh theo quy định của Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.3.05].

- Các chế độ hưu trí, chuyển công tác, nghỉ việc được thực hiện đúng quy định...

Việc thực hiện đúng các chế độ, chính sách cho CBVC, người lao động đã đảm bảo quyền lợi của tập thể CBVC và người lao động Trường.

Không có kết luận thanh tra, kiểm tra về việc sai phạm trong quá trình thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động; trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách cho CBVC nhà trường.

2. Những điểm mạnh

- Công tác triển khai thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại GV, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan.

- Nhà trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

3. Những tồn tại

- Trong thời gian vừa qua, trường đã tạo điều kiện cho CBVC đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phục vụ lâu dài tại trường, từ đó góp phần nâng cao trình độ đội ngũ, nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nhà trường. Tuy nhiên, một số CBVC khi mới được cử đi học về đã làm đơn xin nghỉ việc, gây khs khăn cho nhà trường.

Những năm gần đây, do khó khăn trong công tác tuyển sinh, dẫn đến tài chính eo hẹp, nhà trường không hỗ trợ được cho CBVC đi học ở trình độ Thạc sĩ.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động, thực hiện chế độ, chính sách cho CBVC nhà trường đúng quy định.

- Việc đánh giá đội ngũ cán bộ viên chức sẽ được thực hiện hàng tháng, lấy kết quả để cuối năm học đánh giá và phân loại viên chức, nhằm động viên giáo viên làm tốt và cũng giúp việc đánh giá và nhắc nhở kịp thời cán bộ viên chức làm chưa tốt.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hành khác nếu có

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa hiện có 171 cán bộ giảng dạy [3.3.01], trong đó có 46 giáo viên kiêm nhiệm, hầu hết giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên: 18 tiến sĩ chiếm tỷ lệ 10,53%, 118 thạc sĩ chiếm tỷ lệ 69,01%, 30 cử nhân đại học chiếm tỷ lệ 17,54% và 5 người có trình độ khác chiếm tỷ lệ 2,92%. Hiện nay Trường có 12 giáo viên đang theo học Thạc sĩ, 9 nghiên cứu sinh, nhiều giáo viên được cử đi bồi dưỡng ngắn hạn. Đối với trường cao đẳng dạy đa ngành, đa nghề, nhiều bậc học như Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thì cơ cấu giáo viên phù hợp với Luật Giáo dục và Điều lệ trường Cao đẳng về trình độ chuẩn của giảng viên.

Đội ngũ giảng viên, giáo viên của trường có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp ngành nghề giảng dạy [3.3.02]. 5 giáo viên có trình độ khác gồm 1 giáo viên cao đẳng sư phạm kỹ thuật, 3 công nhân kỹ thuật cơ khí và 1 sĩ quan dự bị tốt nghiệp trường Quân sự Quân khu V đảm nhiệm hướng dẫn thực hành. Giáo viên trường có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trừ 01 giáo viên mới tuyển dụng cuối năm 2016. Giảng viên, giáo viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bậc 2 hoặc nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên cao đẳng, đại học, hoặc tốt nghiệp từ các trường sư phạm. Hiện nay, Trường đang khuyến khích giáo viên trường đi thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. Giáo viên trường có trình độ tin học cơ bản hoặc nâng cao, 100% giáo viên có thể sử dụng tin học để soạn giáo án, bài giảng, ứng dụng tin học trong giảng dạy. Hầu hết giáo viên có trình độ ngoại ngữ từ bậc 2 trở lên, trong đó có nhiều giáo viên đạt trình độ tiếng Anh, tiếng Hoa, tiếng Pháp để giao tiếp và nghiên cứu sinh nước ngoài.

Danh sách trích ngang nhà giáo họ tên, mô-đun môn học đang giảng dạy, lớp giảng dạy, kết quả giảng dạy... được quản lý bằng phần mềm đào tạo chuyên dụng; văn bằng, chứng chỉ... của mỗi nhà giáo được quản lý, theo dõi tại phòng Tổ chức – Hành chính [3.3.01].

Đội ngũ nhà giáo được thường xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng: như được kiểm tra hồ sơ giảng dạy [1.11.09], dự giờ định kỳ, đột xuất [1.11.10] [2.7.03], tiến độ giảng dạy cũng được theo dõi, kiểm tra hàng tháng [1.11.11].

Phòng Tổ chức – Hành chính quản lý tập trung hồ sơ nhà giáo cũng như CBVC trường, theo định kỳ mỗi năm, hồ sơ được cập nhật, bổ sung các giấy tờ liên quan đến chế độ, chính sách, phiếu đánh giá phân loại, bằng cấp mới phát sinh...

2. Những điểm mạnh

- Đội ngũ giáo viên trường có trình độ chuyên môn cao, chuẩn về trình độ tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo của nhà trường.
- Đội ngũ nhà giáo được tổ chức đánh giá hàng năm, từ đó kịp thời khắc phục những khuyết điểm.

3. Những tồn tại

GV dạy thực hành và tích hợp của trường chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Trình độ ngoại ngữ của một số giáo viên còn hạn chế đặc biệt là kỹ năng giao tiếp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Từ năm 2018 lập kế hoạch và cử GV dạy thực hành và tích hợp tham gia các kỳ thi chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch để tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học cho cán bộ giáo viên.

5. Tự đánh giá: 0 điểm

d) Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa hiện có 223 nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (gồm 121 nam, 102 nữ), trong đó có 170 nhà giáo [3.3.01], 48 cán bộ quản lý (46 cán bộ kiêm nhiệm) [3.4.01] và 53 người làm công tác phục vụ [3.4.02]. CBVC và người lao động đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. Cụ thể:

- Giảng viên được bố trí giảng dạy đúng biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học [3.4.03], bên cạnh đó giáo viên còn được phân công nhiệm vụ chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập [3.4.04], được sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy, thiết bị giảng dạy tại Thư viện, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; được lựa chọn phương pháp và các phương tiện dạy học phù hợp chuyên môn nhằm phát huy năng lực cá nhân, đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- CBVC được hưởng các quyền lợi theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ [1.3.02]. Nhà trường tạo mọi điều kiện để cán bộ giáo viên được đi học nâng cao trình độ như nghiên cứu sinh, học cao học, đại học [3.2.06] [3.2.07] [3.2.08] và nhiều CBVC được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [3.2.09].

- Thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường [1.3.05], CBVC tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho các chủ trương, kế hoạch trường qua Hội nghị cán bộ viên chức cấp phòng, khoa hàng năm. Hội nghị CBVC cấp trường đều được thông qua biên bản và Nghị quyết [1.10.14]. Bên cạnh các hội nghị CBVC, CBVC trường còn tham gia và đóng góp ý kiến cho nhiều Hội nghị khác như: Hội nghị nâng cao chất lượng đội ngũ CBVC 2017, Hội nghị tìm kiếm giải pháp tạo nguồn thu 2017, Hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo 2017, Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh 2017...

Hàng năm, sau khi kết thúc năm học, toàn thể CBVC gồm cả cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được tổ chức đánh giá, phân loại theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật Lao động. CBVC có quyền nhận xét đánh giá cá nhân khác và được CBVC khác nhận xét, đánh giá. Phiếu nhận xét đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động [3.2.10] được lưu vào hồ sơ cá nhân.

2. Những điểm mạnh

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực và trách nhiệm, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, chức trách phù hợp với thực tiễn của nhà trường. Quyền lợi, nghĩa vụ của CBVC được nhà trường đảm bảo đúng theo Điều lệ trường cao đẳng và được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ để cho mọi người cùng thực hiện và giám sát.

Đảm bảo công khai minh bạch, công bằng dân chủ trong trường học từ quyền lợi đến chế độ, nghĩa vụ của người lao động, tạo nhiều cơ hội cho người lao động phát biểu chính kiến và tham gia xây dựng nhà trường, do đó đã tạo nên sự đoàn kết và đồng thuận trong toàn trường.

3. Những tồn tại

- Vẫn còn có không ít cán bộ, giáo viên, người lao động có biểu hiện thờ ơ chưa toàn tâm, toàn ý với công việc với. Nhiều CBVC còn có thái độ làm cho xong nhiệm vụ, chứ không phải là để đạt nhiệm vụ tốt nhất, việc chung thì làm còn hời hợt, không đúng tiến độ. Trong nội bộ một số đơn vị chưa có sự đồng lòng cao, vì vậy triển khai công việc dẫn đến chậm trễ và chất lượng công việc không cao.

Tỷ lệ giáo viên chủ trì đề tài NCKH trên tổng số giáo viên còn thấp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch và đột xuất để có biện pháp xử lý, chấn chỉnh kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các cá nhân và đơn vị.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

đ) Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có 170 giáo viên cơ hữu [3.3.01] trong đó giảng viên có trình độ sau đại học là 136 người chiếm 79,54% lực lượng giảng viên, vì vậy trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. Đội ngũ giảng dạy của trường có trình độ chuyên môn cao, mỗi ngành, nghề giảng dạy trình độ cao đẳng đều có giảng viên trình độ thạc sỹ trở lên và chủ yếu do giáo viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy.

Trường có ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên [1.3.07] quy định về tổng số giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác của giảng viên.

Hàng năm, Phòng Quản lý đào tạo lập kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy cho từng học kỳ và từng khóa học thông qua tiến độ học tập, thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp học, từng ngành [3.4.03] [2.5.01].

Các lớp học đều có danh sách cụ thể được phòng Quản lý đào tạo quản lý, theo dõi trên phần mềm chuyên dụng.

Cuối mỗi năm học, nhà trường thống kê lại khối lượng giảng dạy của giảng viên làm căn cứ xét thi đua, lập bảng thanh toán khối lượng vượt giờ [3.5.01].

Quy mô đào tạo hiện nay của trường là 1908 HSSV, tỷ lệ quy đổi 20 HSSV/GV, tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu của mục d khoản 2 Điều 14 Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ. Đội ngũ GV của trường đảm nhận 100% khối lượng chương trình của 09 ngành cao đẳng, 12 ngành trình độ trung cấp bao gồm kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn nghiệp vụ, ngoài ra đội ngũ GV của trường đủ khả năng giảng dạy 100% khối lượng kiến thức văn hóa phổ thông theo quy định.

2. Những điểm mạnh

Trường có lực lượng giảng viên cơ hữu có trình độ, có chuyên môn đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy, có tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học cao thuận lợi cho việc chuẩn hóa đội ngũ giảng dạy.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục tuyển dụng và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ GV, từ đó chuẩn hóa đội ngũ giảng dạy.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo

1. Mô tả

Hàng năm, Phòng Quản lý đào tạo lập kế hoạch đào tạo [3.4.03] và phân công giảng viên giảng dạy cho từng học kỳ và từng khóa học, có danh sách giáo viên giảng dạy mỗi môđun, môn học [2.5.01] làm căn cứ cho các khoa triển khai giảng viên giảng dạy. Thời khóa biểu được phòng Quản lý đào tạo quản lý và được niêm yết trên trang web trường, trên bảng tin, giảng viên và HSSV sẽ thực hiện theo đúng thời khóa biểu.

Giảng viên được giảng dạy theo đúng chuyên môn, mỗi môn học đều có đầy đủ tài liệu học tập, giáo viên lên lớp có sổ lên lớp, có sổ tay nhà giáo, giáo án được soạn đầy đủ và được tổ bộ môn, khoa phê duyệt trước khi lên lớp [2.6.01]. Sổ lên lớp, giáo án của giảng viên sau khi kết thúc môn học được tập hợp lưu tại văn phòng các khoa để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu sau này.

Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên [1.3.07]. Đồng thời, mỗi năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV. Mỗi giảng viên đều đảm bảo thực hiện theo nội dung, mục tiêu và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Phòng Quản lý chất lượng & NCKH, phòng Quản lý đào tạo kết hợp trưởng các đơn vị kiểm tra công tác giảng dạy, có biên bản dự giờ định kỳ và đột xuất [1.11.10] [2.7.03] nhằm đảm bảo nhà giáo thực hiện đúng nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Những điểm mạnh

- Đội ngũ giảng dạy có chuyên môn cao, đảm bảo thực hiện theo nội dung, mục tiêu và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên đảm bảo nhà giáo thực hiện đúng nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng giảng dạy.

3. Những tồn tại

- Chương trình đào tạo của nhà trường chưa tổ chức được nhiều sự tham gia góp ý kiến của các chuyên gia giáo dục, nhà tuyển dụng... cần đa dạng hơn nữa đối với các môn tự chọn, chương trình đào tạo được xây dựng chưa chú trọng đào tạo sâu về chuyên ngành, song ngành.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục cập nhật biên soạn bài giảng chương trình môn học mới theo kế hoạch của nhà trường. GV vừa giảng dạy vừa tự nghiên cứu để tích lũy kinh nghiệm GDNN.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

g) Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy

1. Mô tả

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên là công tác hết sức quan trọng. Công tác này được tiến hành theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [3.2.15], căn cứ Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức [3.1.03]. Mỗi giáo viên đều có kế hoạch riêng tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm qua bản đăng ký thi đua cá nhân từng năm học [3.7.01].

Mặc dù tình hình tài chính khó khăn, trường vẫn sắp xếp cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn theo kế hoạch của trường hoặc nguyện vọng cá nhân [3.2.06] [3.2.07] [3.2.08] [3.2.09].

Cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn được hưởng các chính sách theo Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức như: Đối với CBVC đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được bố trí nghỉ làm việc để đi ôn dự thi, đi học; được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của TIC; thời gian đi đào tạo, bồi dưỡng được tính là thời gian công tác liên tục, được xét nâng lương, thâm niên... Đối với CBVC được trường đồng ý cho đi học theo nguyện vọng được sắp xếp về mặt thời gian, được công nhận kết quả đào tạo...

Hàng năm, trường đều tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi [3.7.02] [1.10.09], từ đó chuẩn bị lực lượng tham gia giáo viên dạy nghề giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia. Tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi, giáo viên thu được nhiều kinh nghiệm quý báu đồng thời động viên, khuyến khích giáo viên sáng tạo, học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

Kết quả giáo viên học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy được tổng kết trong các Báo cáo tổng kết năm học [3.7.03], Báo cáo Hội nghị CBVC hàng năm [1.10.14].

Để theo kịp tốc độ phát triển chung mà hiện nay là thời đại cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngoài việc được trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng, toàn thể CBVC, giảng viên nhà trường không ngừng phấn đấu tự trau dồi học tập và rèn luyện, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, về các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học... nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy trong thời đại mới.

2. Những điểm mạnh

- Vì lực lượng CBVC, giảng viên nhà trường có tuổi trung bình trẻ, xấp xỉ 37 tuổi nên có ý thức, tinh thần và nhu cầu học tập, nâng cao trình độ cao.

Trường có chủ trương, kế hoạch và tạo điều kiện để CBVC được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cụ thể, thiết thực phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Những tồn tại

Những năm gần đây, do khó khăn trong công tác tuyển sinh, tài chính khó khăn, nên nhà trường không có điều kiện hỗ trợ kinh phí cho CBVC đi học ở trình độ thạc sĩ.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Chuẩn hóa và phát triển đội ngũ CBVC (đặc biệt là đội ngũ giáo viên) đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: có chính sách khuyến khích và cử giáo viên thi chứng chỉ nghề quốc gia, tiếp tục nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học cho đội ngũ cán bộ giảng dạy (theo lộ trình chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 – 2022 tầm nhìn đến 2035 và các đề án đã ban hành [1.1.01]).

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ cán bộ theo vị trí việc làm, theo chức danh quy hoạch, đặc biệt chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ; đào tạo tại nước ngoài giáo viên các ngành, nghề trọng điểm.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

h) Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo

1. Mô tả

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBVC luôn được nhà trường xác định là khâu quan trọng, thể hiện trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [3.2.15]. Căn cứ vào nhu cầu, vị trí công việc đảm nhiệm, nhà trường sắp xếp cho CBVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Từ năm 2014 đến nay, trường đã cử 9 CBVC đi nghiên cứu sinh tiến sĩ [3.2.06], 37 CBVC đi đào tạo thạc sĩ [3.2.07], 7 CBVC học đại học, 1 CBVC học cao đẳng [3.2.08] và 93 lượt CBVC tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn [3.2.09].

TT	Năm	Cử đi đào tạo				Cử đi bồi dưỡng NV
		NCS	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	
1	2014	3	13	2	0	26
2	2015	4	14	4	1	34

3	2016	0	6	1	0	13
4	2017	2	4	0	0	20

Các lớp ngắn hạn CBVC tham gia như: tập huấn đào tạo nghiệp vụ về Quản lý nhà hàng, khách sạn, Thuyết minh du lịch, nghiệp vụ Bar... cho giảng viên tổ du lịch, tập huấn nghiệp vụ hành chính văn phòng, văn thư – lưu trữ cho cán bộ, nhân viên phòng TCHC, nghiệp vụ bảo vệ an ninh trật tự cho nhân viên tổ bảo vệ, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động cho giảng viên các ngành cơ khí, điện, điện tử, bồi dưỡng nghiệp vụ đầu thầu ...

CBVC đi đào tạo, bồi dưỡng được phòng TCHC quản lý, theo dõi, sau khi hoàn thành khóa học, CBVC phải nộp văn bằng, chứng chỉ về phòng TCHC để bổ sung vào hồ sơ CBVC [3.3.02].

Thực hiện yêu cầu đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Các Bộ môn, các Khoa tổ chức dự giờ giảng viên mỗi học kỳ người/ một lần và tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Khoa mỗi năm học một lần. Thông qua dự giờ và Hội thi để đánh giá khả năng giảng dạy của giảng viên và tiến cử giảng viên tham gia Hội thi cấp trường [3.7.02], đồng thời cũng là cơ hội học tập chuyên môn nghiệp vụ cho các giảng viên khác. Ở cấp trường, mỗi năm học tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi một lần, để đánh giá và suy tôn giảng viên giỏi cấp cơ sở hàng năm.

Ngoài ra, trường còn tổ chức Hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo [3.8.01] nhằm thảo luận, đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó có nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực của đội ngũ giảng viên và đổi mới phương pháp giảng dạy.

2. Những điểm mạnh

- Trường có chủ trương, kế hoạch cụ thể và tạo điều kiện để CBVC được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cụ thể, thiết thực phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Từ năm 2018, nhà trường sẽ tiếp tục tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ cán bộ theo vị trí việc làm, theo chức danh quy hoạch, đặc biệt chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ; đào tạo tại nước ngoài giáo viên các ngành, nghề trọng điểm.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

i) Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

1. Mô tả

Trường có danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn của ngành/ngành đào tạo và được quản lý bằng phần mềm chuyên dụng [3.3.01].

Thực hiện chính sách kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp, đào tạo gắn với thực tế đơn vị sử dụng lao động, hiện nay nhà trường đẩy mạnh việc cử đội ngũ giảng viên đi thực tế tại các đơn vị sản xuất. Nhà trường mở rộng quan hệ, hợp tác với các doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi đưa giảng viên, HSSV của trường đi thực tế, thực tập tại đơn vị sản xuất đồng thời tạo đầu ra cho HSSV trường.

Từ năm 2015, thông qua thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, trường đã cử một số đoàn giảng viên và HSSV đi thực tế tại các đơn vị [3.9.01] [3.9.02]:

TT	Họ và tên GV	Đơn vị	Đơn vị sản xuất	Mục đích đi	Ghi chú
1	Võ Quốc Dũng	Khoa Điện – Điện tử	Nhà máy đường KCP Sơn Hòa	Làm việc, quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập thực tế tại đơn vị sản xuất	
2	Vũ Đình Thái	Khoa Tài nguyên môi trường	Trung tâm Tin học Trắc địa và Bản đồ	Đi khảo sát thực tế	
3	Cao Quang Vũ	Khoa Cơ khí	Công trình Khách sạn Đầm Già, Nha Trang	Làm việc, quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập thực tế tại đơn vị sản xuất	
4	Phạm Minh Tốt	Khoa Tài nguyên môi trường	Dự án hầm đường bộ Cù Mông và Hải Vân	Làm việc, quản lý, hướng dẫn HSSV thực tập thực tế tại đơn vị sản xuất	
5	Lê Thị Kim Huyền	Khoa Công nghệ Hóa	Viện xúc tác Leibniz, ĐH Rostock, Đức	Chương trình nghiên cứu, trao đổi	
6	Bùi Thị Thanh Mai	Khoa Kế toán và Tài chính	Công ty Cổ phần FADO Việt Nam	Đi thực tế, tham quan tìm hiểu tại đơn vị sản xuất	
7	Đào Quốc Khánh Võ Quốc Dũng Nguyễn Thanh Vân	Khoa Cơ khí Khoa Điện & TĐH	Công ty Cổ phần Cơ khí Vina Nha Trang	Đi thực tế kết hợp công tác đào tạo thêm cho HSSV các kỹ năng nghề	
8	Đỗ Thị Thanh Lan Lê Thị Khánh Như	Khoa Kế toán và Tài chính	Công ty TNHH Tín Nhã	Đi thực tế, tham quan tìm hiểu tại đơn vị sản xuất	
9	Nguyễn Hồng Hạnh	Khoa Kế toán và Tài chính	Công ty Cổ phần Quản lý và sửa chữa đường bộ Phú Yên	Đi thực tế, tham quan tìm hiểu tại đơn vị sản xuất	
10	Lê Thị Chi	Khoa Kế toán và Tài chính	Công ty Cổ phần Quản lý và sửa chữa đường bộ Phú Yên	Đi thực tế, tham quan tìm hiểu tại đơn vị sản xuất	

Giảng viên đi thực tế của các đơn vị sản xuất được tiếp xúc trực tiếp thực tế, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất từ đó nâng cao hiểu biết về chuyên môn, thành thạo về tay nghề....

- Bên cạnh việc cử giáo viên đi thực tại các đơn vị sản xuất, nhà trường cử nhiều giảng viên tham quan học tập mô hình sản xuất hoặc cùng HSSV thực tập [3.9.01]

2. Những điểm mạnh

Nhà trường tổ chức phối hợp với các công ty, DN tạo điều kiện cho GV cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, phối hợp với các sở ngành nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm 2018 và các năm tiếp theo, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động liên kết với DN, tạo điều kiện cho nhiều GV tham gia hoạt động thực tế tại DN.

5. Tự đánh giá: 0 điểm

k) Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo

1. Mô tả

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo là công tác được nhà trường chú trọng. Để có đội ngũ giảng viên với trình độ chuyên môn vững vàng hiện tại, từ nhiều năm trước, nhà trường đã cử rất nhiều giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.

Trên cơ sở quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBVC [3.1.03] đã ban hành, mỗi nhà giáo được nhà trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải thực hiện việc báo cáo kết quả sau khi kết thúc về cho đơn vị trong đó nêu rõ khả năng triển khai, ứng dụng sau tập huấn, bồi dưỡng [3.10.01]. Hàng năm, trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo [3.7.03] [1.10.14], đồng thời đưa vào xét xếp loại đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua khen thưởng cuối năm [3.10.02] [3.2.11]. Qua đó, trường tổng kết được những mặt đã đạt được, những mặt còn tồn tại và lên kế hoạch cho tương lai.

2. Những điểm mạnh

Hàng năm, trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục triển khai công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ GV và cán bộ quản lý các phòng, khoa phù hợp với quy hoạch, vị trí việc làm của từng GV. Thực hiện tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động này.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

l) Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao

1. Mô tả

Ban giám hiệu nhà trường gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng do Bộ Công Thương bổ nhiệm [3.4.01]. Ban giám hiệu trường là những giảng viên có uy tín, có năng lực, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tất cả đều có kinh nghiệm quản lý giáo dục trên 5 năm [3.11.01]. Việc bổ nhiệm Ban giám hiệu do Bộ Công Thương thực hiện theo đúng quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức. Đảm bảo quy định về độ tuổi, thời gian công tác và chuẩn trình độ. Hiệu trưởng của trường có trình độ tiến sĩ, 02 phó hiệu trưởng 01 có trình độ tiến sĩ và 01 trình độ thạc sĩ, đã tham gia công tác giảng dạy nhiều năm và giữ các chức vụ quản lý lĩnh vực GDNN trên 05 năm đáp ứng tiêu chuẩn quy định theo khoản 2 Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2014, khoản 2 Điều 15 và Điều 19 Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng. Như vậy, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường đều đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và được bổ nhiệm theo đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

Quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo trường được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động (Điều 7, 8) của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.09]; trong Quy chế làm việc (Điều 3,4) của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.10].

Việc phân công nhiệm vụ của các thành viên trong lãnh đạo trường được thể hiện bằng văn bản cụ thể [1.4.02]. Sự phân công rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm đã tạo điều kiện cho các thành viên Ban Giám hiệu phát huy năng lực và tính chủ động, sáng tạo trên từng lĩnh vực công tác được giao, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường.

Hàng năm, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương...

Dưới sự điều hành của lãnh đạo trường, các hoạt động trong nhà trường luôn được thực hiện đúng kế hoạch, có hiệu quả và đạt nhiều thành tích cao. Trường đã thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ viên chức và học sinh sinh viên, triển khai thực hiện tốt quy chế chuyên môn, công tác nghiên cứu khoa học. [3.7.03]. . Hàng năm nhà trường đều tổ chức đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động [3.2.10] theo đúng quy định, trong đó có nhận xét, đánh giá đối với Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng.

2. Những điểm mạnh

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có uy tín, có trình độ, có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định.

- Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng trong lãnh đạo nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018 và các năm tiếp theo Nhà trường xây dựng kế hoạch để Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đi học tập, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn trong và ngoài nước để học tập và nâng cao năng lực quản lý.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

m) Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được miễn nhiệm, bổ nhiệm theo quy định

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có quy chế tổ chức, hoạt động [1.1.09] phù hợp quy định tại Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH (Quy định về điều lệ trường Cao đẳng).

Trường có 48 cán bộ quản lý (trong đó có 46 cán bộ kiêm nhiệm) [3.4.01]

Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.3.06]. Việc bổ nhiệm dựa đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, xuất phát từ yêu cầu và nhiệm vụ của trường, Hiệu trưởng thực hiện việc bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng, phó các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường theo phân cấp về quản lý của Bộ Công Thương [1.4.01]. Trên cơ sở văn bản quy hoạch các chức danh lãnh đạo đã được Đảng ủy và Ban giám hiệu thông qua [3.2.05], khi có yêu cầu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phòng Tổ chức Hành chính tiến hành hoàn tất các thủ tục theo quy định, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm [3.2.02] [3.2.03]. Công tác bổ nhiệm miễn nhiệm cán bộ còn được thực thực hiện theo quy trình ISO 9001:2015. Tất cả các hồ sơ có liên quan đến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được lưu trữ trong hồ sơ bổ nhiệm CBCCVC.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý được thực hiện đúng quy định của trường và đúng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng.

2. Những điểm mạnh

- Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định..

3. Những tồn tại

- Một số cán bộ quản lý chưa tham dự chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý GDNN, lý luận chính trị. theo quy định.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018 Nhà trường tổ chức cử cán bộ quản lý tham gia bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ Quản lý giáo dục nghề nghiệp và bồi dưỡng lý luận chính trị các cấp.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

n) Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường hiện có 48 người [3.4.01], trong đó cán bộ nữ là 14 người chiếm 29,17%, nam 34 người chiếm 70,83%; có 15 tiến sĩ chiếm 31,25%, 29 thạc sĩ chiếm 60,42%, 4 đại học chiếm 8,33%; có 41 người là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; tuổi đời đội ngũ quản lý còn rất trẻ, độ tuổi từ 30 – 40 có 25 người chiếm 52,08%.

Tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ khi bổ nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị của trường căn cứ vào Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng, Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.09] và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.3.06], đội ngũ cán bộ quản lý của trường đều đạt và vượt chuẩn trình độ chuyên môn. Kế toán trưởng được Bộ Công Thương bổ nhiệm [3.13.01].

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ quản lý thực hiện các nghĩa vụ và các quyền theo khoản 1 Điều 15, khoản 6 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Điều lệ trường cao đẳng, quy định cụ thể các nghĩa vụ và các quyền của cán bộ quản lý, tại Điều 26, Điều 27 Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [1.1.09].

Định kỳ, nhà trường tổ chức họp giao ban 01 lần/tháng. Trước cuộc họp giao ban lãnh đạo các đơn vị phải đánh giá kết quả đã thực hiện và đề ra kế hoạch dự kiến cho tháng tiếp theo. Kết luận cuộc họp Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ quản lý từng đơn vị, kịp thời giải quyết các vấn đề cán bộ quản lý, GV và nhân viên phản ánh. Việc đánh giá, phân loại [3.2.10] và bình xét thi đua hàng năm cho thấy 100% cán bộ quản lý đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Nhiều lượt cán bộ quản lý đạt các danh hiệu: chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, bằng khen của Hiệu trưởng, của Công đoàn...

Hàng năm, trường đều có báo cáo tổng kết năm học và đề ra phương hướng năm học mới [3.7.03], trường tổ chức Hội nghị CBVC hàng năm [1.10.14] trên cơ sở tổng hợp Hội nghị CBVC các phòng khoa, từ đó đánh giá được trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

2. Những điểm mạnh

- Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm và uy tín, có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý có tuổi đời trẻ, năng động, sáng tạo.

3. Những tồn tại

- Một số các bộ quản lý trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, nên trong giải quyết công việc đôi khi còn lúng túng, chưa quyết đoán

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường tổ chức cử cán bộ quản lý tham gia học tập nâng cao trình độ, tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước; nghiệp vụ Quản lý giáo dục nghề nghiệp; bồi dưỡng lý luận chính trị các cấp...

5. Tự đánh giá: 1 điểm

o) Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý

1. Mô tả

Hàng năm, trường có Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho CBVC nói chung và cán bộ quản lý nói riêng [3.2.15], trường cử cán bộ quản lý tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các khóa bồi dưỡng ngắn hạn như: tập huấn một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các đơn vị hành chính sự nghiệp, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp...[3.2.09]

Dựa trên kế hoạch phát triển của nhà trường, hướng tới trường nghề chất lượng cao, trường vẫn đang tăng cường kỹ năng quản lý, lãnh đạo, hệ thống thông tin quản lý, nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp, quản lý nhà nước, lý luận chính trị... cùng các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin... cho đội ngũ quản lý.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường chủ động trong việc lập kế hoạch và cử cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu định hướng phát triển của Trường.

3. Những tồn tại

Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý còn lệ thuộc chỉ tiêu và việc mở khóa đào tạo của các Bộ, Ngành và các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh Phú Yên.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018, cần chủ động xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý. Cử cán bộ quản lý tham dự các lớp bồi dưỡng năm 2018 và lớp bồi dưỡng chức vụ lãnh đạo đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

p) Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ

1. Mô tả

Đội ngũ viên chức, người lao động trường [3.4.02] đủ về số lượng, tính đến tháng 11/2017 số lượng CBVC của trường là 226 người, trong đó có 210 người ký theo Hợp đồng làm việc, hợp đồng theo Nghị định 68 có 16 người. Trường có 171 giáo viên, 48 cán bộ quản lý và 53 nhân viên làm công tác phục vụ.

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc. Hiện nay, Nhà trường có 19 viên chức có trình độ tiến sĩ, 129 viên chức có trình độ thạc sĩ, 54 viên chức có trình độ đại học.

Hàng năm, đội ngũ viên chức, người lao động trường được tổ chức đánh giá phân loại viên chức [3.2.11], qua đó đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đều được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỷ lệ được đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hay đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua...

Đội ngũ viên chức, người lao động được nhà trường quan tâm cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm [3.2.06] [3.2.07] [3.2.08] [3.2.09].

CBVC được cử đi học tập, bồi dưỡng có báo cáo kết quả học tập gửi về trường theo định kỳ [3.15.01] và khi kết thúc khóa học [3.10.01].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Hàng năm, nhà trường đều xét cử VC-GV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu định hướng phát triển của trường.

3. Những tồn tại

Có một ít kỹ thuật viên chưa có trình độ đại học cho nên còn hạn chế trong phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018 tiếp tục xây dựng kế hoạch cử đội ngũ viên chức, người lao động của trường học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuẩn hóa về chức danh nghề nghiệp để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu công việc.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

*** Mở đầu**

Hiện nay nhà trường đang tuyển sinh đào tạo 25 ngành trình độ cao đẳng, 20 ngành trình độ trung cấp, việc xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) được thực hiện theo quy định Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH.

100% CTĐT của trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Các CTĐT của trường đảm bảo thực hiện các yêu cầu và cấu trúc, mục tiêu theo hướng thực hành ứng dụng nghề nghiệp. Việc xây dựng CTĐT được thực hiện thông qua các Hội đồng xây dựng CTĐT từng ngành do đội ngũ giáo viên các khoa thực hiện được thẩm định bởi hội đồng thẩm định, có sự tham

gia của doanh nghiệp. Trên cơ sở các CTĐT đã ban hành, nhà trường xây dựng kế hoạch biên soạn bài giảng dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo.

Việc chỉnh sửa bổ sung, điều chỉnh CTĐT còn dựa trên cơ sở tham khảo các ý kiến phản hồi từ các sở ngành thông qua các Hội nghị sơ kết kế hoạch phối hợp đào tạo tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn. Để đảm bảo đa dạng hóa và có đầy đủ giáo trình và bài giảng dùng chung cho tất cả các học phần thuộc CTĐT, nhà trường đã tiến hành thẩm định giáo trình ngoài để bổ sung giáo trình chưa biên soạn kịp. Nhà trường đã xây dựng xong thư viện điện tử với hơn 40.000 tài liệu số hóa nhằm bổ sung thư viện truyền thống giúp người học thuận tiện cho việc tham khảo tài liệu mọi lúc, mọi nơi.

*** Những điểm mạnh**

Tất cả các ngành đào tạo của trường được biên soạn, thẩm định và được Bộ LĐTBXH cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Các CTĐT của trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định, được cập nhật, bổ sung theo định kỳ trên cơ sở góp ý của các doanh nghiệp đảm bảo tính liên thông. Có đầy đủ giáo trình thông qua việc biên soạn và thẩm định giáo trình ngoài.

*** Những tồn tại**

Mức độ tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng chương trình còn hạn chế, một số doanh nghiệp chưa gắn kết với các cơ sở giáo dục trong hoạt động phối hợp đào tạo.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tăng cường xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu giáo ý chương trình đào tạo, giáo trình giúp cán bộ, giáo viên, HSSV và các doanh nghiệp thuận tiện trong đóng góp xây dựng chương trình gắn với thực tiễn, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

a) Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã được Tổng cục dạy nghề cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quyết định số 201/2017/GCNĐKHĐ-TCĐN ngày 29/6/2017 gồm 25 ngành Cao đẳng và 20 ngành Trung cấp [2.1.01].

Nhà trường đã ban hành quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng cho 25 ngành theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp cho 20 ngành theo Luật Giáo dục nghề nghiệp [2.1.04]. Các chương trình đào tạo ban hành trên được triển khai áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017. Tên các ngành, nghề trong chương trình đào tạo đúng theo thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH.

2. Những điểm mạnh

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo các ngành nghề mà trường đào tạo.

3. Những tồn tại

Một số chương trình đào tạo của trường chưa chú trọng đến việc phát triển kỹ năng cho người học.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường sẽ tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, học sinh, sinh viên về tính hợp lý của chương trình đào tạo. Từ đó sẽ định ra hướng điều chỉnh cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

1. Mô tả

Các chương trình đều được xây dựng trên cơ sở thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn [4.2.01]; có sự tham gia góp ý của các giảng viên thông qua các cuộc họp của các bộ môn thảo luận [4.2.02], có đánh giá của Hội đồng thẩm định và nghiệm thu [4.2.03] và ra quyết định ban hành các chương trình [4.2.04].

Căn cứ vào Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 03/2017/TT – LĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nên các chương trình đào tạo đều được xây dựng, điều chỉnh theo chương trình khung của Bộ LĐTBXH [4.2.05].

Các chương trình chi tiết được xây dựng có sự tham gia của giáo viên chuyên môn từ các khoa, tổ bộ môn phản biện, nghiệm thu và được Hiệu trưởng phê duyệt [2.1.01].

2. Những điểm mạnh

Tất cả các chương trình dạy nghề của nhà trường đảm bảo có đủ chương trình chi tiết, trong đó đã xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo các mẫu định dạng chung.

Trường đã có đầy đủ các chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, kế hoạch đào tạo toàn khóa trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTBXH.

Các chương trình đều được xây dựng trên cơ sở đóng góp của các giảng viên và cán bộ quản lý từ cấp bộ môn, khoa và cấp trường và cuối cùng thông qua HĐKH&ĐT.

Trường đã chủ động xây dựng các chuyên ngành mới nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và của xã hội.

Chương trình đã xây dựng dựa trên cơ sở đào tạo theo mô đun và liên thông từ sơ cấp nghề lên trung cấp nghề và từ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề. Đồng thời xây dựng cơ chế tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt giáo trình.

Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương luôn đổi mới về khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

3. Những tồn tại

Một số chương trình đào tạo của trường chưa chú trọng đến việc phát triển kỹ năng cho người học.

Tiếp tục tăng cường tổ chức biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Định kỳ 3 năm/lần nhà trường rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của người học, người sử dụng lao động để xem xét tính phù hợp của các chương trình, phương thức đào tạo.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

1. Mô tả

Nhà trường lựa chọn các chương trình đào tạo, cụ thể là chương trình chi tiết các mô-đun, môn học. Biên bản họp thông qua chương trình đào tạo của hội đồng khoa, nhà trường [4.3.01] [2.1.01].

Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH đáp ứng được khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ sơ cấp [4.3.02].

Chương trình đào tạo của trường được Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa thực hiện việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh chương trình đang áp dụng sau khi kết thúc 1 khóa đào tạo dựa trên cơ sở thực tế giảng dạy của khoa, các ý kiến đóng góp từ các doanh nghiệp, người sử dụng lao động [4.3.03].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo cho tất cả các nghề hiện nay mà trường đang đào tạo. Trung cấp có 20 nghề và Cao đẳng có 25 nghề thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp của nhà trường đáp ứng được khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu đối, Yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ sơ cấp là 03 (ba) mô – đun đào tạo, với thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ, được thực hiện từ 03 (ba) tháng đến dưới 01 (một) năm học. Khi được phân công biên soạn điều chỉnh chương trình các khoa, tổ bộ môn đã tham khảo các chương trình tương ứng của các trường dạy nghề trong và ngoài nước để biên soạn nhằm cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo hoàn chỉnh chương trình nghề phù hợp với thực tế đào tạo của đơn vị mình .

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Hàng năm cần rà soát, chỉnh sửa nội dung các môn học phù hợp thay đổi theo thông tư, quy định và yêu cầu thực tế.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

1. Mô tả

Căn cứ thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, nhà trường đã tổ chức xây dựng chương trình đào tạo với sự tham gia của các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động. Cụ thể, nhà trường đã ra quyết định số 111A/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 02/3/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và quyết định số 252A/ QĐ-CĐCN-ĐT ngày 22/5/2017 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp [4.2.01], [4.2.03].

Kết quả của quá trình xây dựng, chuyển đổi, thẩm định chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng cho 25 ngành theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp cho 20 ngành theo Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các chương trình đào tạo ban hành trên được triển khai áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 [2.1.01].

2. Những điểm mạnh

Các chương trình đều được xây dựng trên cơ sở đóng góp của các giảng viên và cán bộ quản lý từ cấp bộ môn, khoa, cấp trường, tham vấn các đơn vị sử dụng lao động và cuối cùng thông qua HĐKH&ĐT.

3. Những tồn tại

Các doanh nghiệp đóng góp xây dựng chương trình đào tạo còn hạn chế, ở một số doanh nghiệp, người đóng góp cho chương trình ít am hiểu về đào tạo nên hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Thu thập nhiều đóng góp của doanh nghiệp về chương trình đào tạo để có hướng điều chỉnh gần với thực tiễn hơn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

đ) Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

1. Mô tả

Do nhu cầu sử dụng lao động đòi hỏi phải phù hợp với thực tiễn, từ các năm 2015 đến 2017 nhà trường tiến hành chỉnh lý chương trình đào tạo, thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cho tất cả các ngành nghề tổ chức đào tạo tại trường. Trên cơ sở Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa tiến hành chỉnh lý chương trình đào tạo và xây dựng chuẩn đầu ra các ngành thuộc hệ Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng tín chỉ, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề. Hội đồng đã tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục đào tạo; thêm một số học phần, cũng như bỏ các học phần không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất và đã được Hiệu trưởng ký ban hành.

Chương trình đào tạo của trường được thiết kế rõ ràng bao gồm cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ giáo dục đào tạo và Bộ Lao động thương binh xã hội ban hành. Chương trình có cấu trúc hợp lý, có hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần, tính liên thông giữa các bậc học [2.3.01].

Khi xây dựng chương trình có được sự cộng tác của nhà tuyển dụng, được thảo luận và nhất trí trong các cuộc họp tổ chuyên môn và hội đồng khoa học trường. Chương trình đào tạo được phổ biến công khai, thông báo cho sinh viên trong các buổi sinh hoạt đầu khóa học, đầu năm học và công bố trên website của trường tại địa chỉ www.tic.edu.vn.

Từ năm 2017, nhà trường đã kết hợp thực tập tốt nghiệp của HSSV với thực tế sản xuất tại các doanh nghiệp dựa vào biên bản ghi nhớ giữa nhà trường và doanh nghiệp [2.13.01].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được thiết kế mềm dẻo, phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của người học và thị trường lao động.

Các chương trình đào tạo và đề cương chi tiết có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể rõ ràng, hợp lý; cấu trúc nhiều thành phần (phần chương trình bắt buộc và phần chương trình tự chọn), đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trong khu vực.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi từ phía người học và việc lấy ý kiến từ phía các nhà tuyển dụng góp ý cho chương trình đào tạo của trường còn hạn chế.

Chưa tổ chức được các diễn đàn trao đổi về chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần của các khóa học trên website của trường.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tổ chức nhiều hội nghị tiếp nhận ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo từ sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên trực tiếp giảng dạy. Đặc biệt là ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp sản xuất.

Hàng năm, trong chương trình Sinh hoạt công dân đầu năm học, các khoa tổ chức trao đổi và tiếp thu ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo để điều chỉnh hợp lý, phù hợp nhất với người học và sát với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định

1. Mô tả

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo hệ trung cấp và cao đẳng nhà trường đặc biệt chú trọng thiết kế linh hoạt cho việc liên thông từ trung cấp lên cao đẳng trên cơ sở đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra, linh hoạt trong việc tổ chức đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của người học [2.1.03].

Dựa trên cơ sở các chương trình khung do Bộ LĐTB&XH và Bộ GD&ĐT (trước đây) ban hành, phòng quản lý đào tạo và các khoa, tổ bộ môn tiến hành phân công các giáo viên có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, vững chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo liên thông các nghề phù hợp với điều kiện thực tiễn, đảm bảo đúng quy định hiện hành. Nhà trường đã tổ chức cuộc họp các khoa, tổ bộ môn lấy ý kiến đóng góp cho các chương trình để đảm bảo tính đồng bộ, hợp lý giữa các môn cơ sở và các môn chuyên ngành [4.6.01].

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, các khoa, tổ bộ môn được Nhà trường tạo điều kiện đi đến các công ty, xí nghiệp, cơ sở đào tạo, các đối tác chiến lược để tham quan, trao đổi góp ý xây dựng cho chương trình đào tạo, sao cho phù hợp thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục những hạn chế của các chương trình đào tạo trước đó.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo có sự tham gia đóng góp ý kiến của các giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các Khoa, tổ bộ môn, Hiệu trưởng trường phê duyệt. Các chương trình được các chuyên gia, cán bộ ngoài trường tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và phản biện nên phù hợp thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhà trường tổ chức nhiều hội nghị tuyển sinh, hội nghị học tốt, các buổi trao đổi làm việc với các doanh nghiệp, hội chợ việc làm; qua đó thường xuyên có những điều chỉnh hợp lý đối với chương trình đào tạo của Nhà trường.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Định kỳ 3 năm/lần tổ chức hội thảo với doanh nghiệp về chương trình đào tạo, các nhu cầu của doanh nghiệp và trao đổi kinh nghiệm cũng như cập nhật các công nghệ kỹ thuật mới.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

g) Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành

1. Mô tả

Nhà trường tổ chức đào tạo chương trình sơ cấp dựa trên thông tư số 42/2015/BLĐ-TBXH và có bản hành chương trình [4.7.01].

Chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp của trường được Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa thực hiện cập nhật và chỉnh lý để phù hợp với sự phát triển khoa học công nghệ và nhu cầu xã hội. Từ năm 2015, nhà trường tổ chức điều chỉnh chương trình phù hợp với nhu cầu thực tiễn của hoạt động sản xuất, kinh doanh và cập nhật kiến thức mới cho người học [2.1.05].

Đến năm 2017, thực hiện theo Luật giáo dục nghề nghiệp, nhà trường tiếp tục chuyển đổi chương trình phù hợp với Luật và thực tiễn sản xuất, đồng thời rà soát, cập nhật các kiến thức khoa học, công nghệ mới nhằm đảm bảo người học có kỹ năng sử dụng thiết bị cần thiết khi làm việc [2.1.01].

2. Những điểm mạnh

Các cán bộ giáo viên trường có nhiều kinh nghiệm trong việc biên soạn chương trình, do được tập huấn từ Dự án, TCDN. Định kỳ hằng năm đều được đóng góp ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu HSSV đã tốt nghiệp.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của người học, người sử dụng lao động để xem xét tính phù hợp của các chương trình, phương thức đào tạo.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

h) Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài

1. Mô tả

Sau mỗi học kỳ, trường tổ chức thu thập ý kiến phản hồi từ cơ sở (Bộ môn và khoa) về chương trình đào tạo. Các Bộ môn và các khoa căn cứ vào thực tế giảng dạy, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, trong đó có 02 nội dung chính là kế hoạch đào tạo và chương trình chi tiết. Những vấn đề còn bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và các đơn vị có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra [2.1.05]. Bên cạnh đó, nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, hằng năm sau mỗi đợt thực tập tốt nghiệp của HSSV, trường đã tổ chức tổng kết trong đó có nội dung đánh giá về chương trình đào tạo của trường từ phía các nhà tuyển dụng.

Thông qua việc đánh giá chương trình đào tạo, trường đã thực hiện cải tiến chất lượng, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nguồn nhân lực của ngành và của địa phương. Nội

dung của chương trình sau khi chỉnh sửa, bổ sung thể hiện cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo [2.1.01].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo của trường được đánh giá theo định kỳ làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận doanh nghiệp, kết hợp học tập và sản xuất phù hợp hơn nữa. Đặc biệt, các chương trình đào tạo phải cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ liên quan ngành nghề đào tạo.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

i) Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học

1. Mô tả

Nhà trường lựa chọn các chương trình đào tạo liên thông, cụ thể là chương trình chi tiết các mô-đun, môn học (Theo Quyết định ban hành số 891 – 897 /QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/11/2015).

Chương trình đào tạo liên thông của trường được Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa thực hiện việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh chương trình đang áp dụng sau khi kết thúc 1 khoá đào tạo dựa trên cơ sở thực tế giảng dạy của khoa, các ý kiến đóng góp từ các doanh nghiệp, người sử dụng lao động [4.2.02].

Chương trình đào tạo liên thông được các khoa và các tổ bộ môn rà soát và thống nhất các môn học từ chương trình hệ trung cấp lên hệ cao đẳng. Dựa trên cơ sở chương trình khung do Bộ BLĐTBXH ban hành (theo QĐ số 58/2007/QĐ-BLĐTBXH), Trường chỉ đạo các khoa, tổ bộ môn tiến hành phân công các giáo viên có nhiều kinh nghiệm, chuyên môn và nhất là những người trực tiếp tham gia giảng dạy xây dựng chương trình đào tạo liên thông các nghề phù hợp với điều kiện thực tiễn, đảm bảo đúng qui định của Bộ ban hành. Nhà trường đã tổ chức cuộc họp các khoa, tổ bộ môn lấy ý kiến đóng góp cho các chương trình để đảm bảo tính đồng bộ, hợp lý giữa các môn cơ sở và các môn chuyên ngành [4.9.01], [1.2.02].

2. Những điểm mạnh

Khi được phân công biên soạn điều chỉnh chương trình liên thông các khoa, tổ bộ môn đã tham khảo các chương trình tương ứng của các trường dạy nghề để biên soạn nhằm cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo. Hiệu trưởng chỉ đạo phòng đào tạo kết hợp với các khoa tổ chức hội thảo, điều chỉnh chương trình đào tạo liên thông của các nghề có đào tạo phù hợp với thực tế người học.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Rà soát và điều chỉnh chương trình linh hoạt, đa dạng hơn về phương thức tổ chức đào tạo nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

k) Tiêu chuẩn 4.10 : Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo

1. Mô tả

Nhà trường đã đăng ký hoạt động nghề nghiệp với 25 ngành đào tạo trình độ cao đẳng và 20 ngành đào tạo hệ trung cấp. Danh sách các chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được tổng cục dạy nghề cấp theo số 201/2017/GCNDKHH-TCDN [2.1.02].

Có danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành [4.10.01].

Mỗi học phần có một giáo trình chính (giáo trình được xuất bản) và ít nhất một bài giảng (do giáo viên biên soạn) hoặc giáo trình lưu hành nội bộ của trường (đã được Hội đồng thẩm định) để tham khảo [4.10.02]. Hệ thống thư viện nhà trường hiện đại, diện tích: 2.765 m², số lượng sách hơn 55.000 (*Website thư viện trường*). Nhà trường đã triển khai xây dựng thư viện điện tử và bước đầu lập được hơn 40.000 tài liệu được số hóa phục vụ cho nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên.

2. Những điểm mạnh

Trường có đủ các chủng loại sách phong phú, đủ số lượng đáp ứng về cơ bản yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của cán bộ, giáo viên và HSSV, đáp ứng mục tiêu đào tạo. Tất cả các chương trình dạy nghề của nhà trường đảm bảo có đủ chương trình chi tiết, có đầy đủ giáo trình các môn học để người học tham khảo.

3. Những tồn tại

Số lượng giáo trình biên soạn còn hạn chế, chủ yếu sử dụng giáo trình ngoài qua thẩm định.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm học 2017 – 2018, trường tăng cường đầu tư mua sắm thêm sách, đặc biệt là các mã ngành mới, tăng cường biên soạn giáo trình và đẩy mạnh hoạt động NCKH của cán bộ, giáo viên và HSSV đáp ứng mục tiêu của các học phần, môn học.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

l) Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức

1. Mô tả

Hàng năm nhà trường luôn thống kê toàn bộ giáo trình giảng dạy của giáo viên.

Tên các giáo trình phải đúng với chương trình đào tạo, năm biên soạn và đơn vị ban hành phải được thể hiện rõ trên giáo trình và trong danh sách thống kê [4.10.01].

Các chương trình đào tạo đã qua kiểm duyệt có quyết định ban hành, hội đồng chuyên môn sẽ tiến hành soạn giáo trình theo chương trình đã được ban hành với các kiến thức cập nhật theo nhu cầu thực tế. Sau đó các giáo trình được ban hành dưới dạng các bản in và được truyền tải đến người học. Các bản in được kiểm tra hàng năm thông qua phòng thanh tra, khoa, tổ bộ môn [4.7.01].

Toàn bộ giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo sơ cấp được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH [4.3.02].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường luôn dựa và các quy định về biên soạn giáo trình của BLĐT BXH để làm tiêu chuẩn trong công tác biên soạn giáo trình hàng năm.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong những năm đến, nhà trường biên soạn thêm các giáo trình, tài liệu tham khảo để phục vụ công tác dạy và học của giáo viên và người học, các giáo trình, tài liệu tham khảo được biên soạn luôn bám sát các quy định của BLĐT BXH.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

m) Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo đã qua kiểm duyệt có quyết định ban hành, hội đồng chuyên môn sẽ tiến hành soạn giáo trình nội bộ hoặc lựa chọn giáo trình ngoài đáp ứng được các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo [2.4.01].

Nhà trường đã có quy định số 402/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 05/6/2015 ban hành quy định lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình. Việc tổ chức biên soạn giáo trình phải tuân thủ quy định này. Đối với những môn học chưa có giáo trình nội bộ, các khoa, tổ bộ môn trực thuộc chủ trì tổ chức nghiên cứu, chọn lọc giáo trình ngoài phù hợp với từng ngành học, học phần của khoa và nộp lại danh sách giáo trình đề xuất làm tài liệu tham khảo [4.12.01], [4.12.02], [4.12.03].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có văn bản qui định về việc biên soạn chương trình giáo trình, tổ chức thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình. Giáo trình được biên soạn nội bộ hoặc giáo trình ngoài đều phải đáp ứng được yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

3. Những tồn tại

Giáo trình được cập nhật định kỳ nhưng chưa kịp thời, nhất là các kiến thức, công nghệ mới để hỗ trợ người học tham khảo.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Định kỳ thực hiện rà soát, cập nhật, chỉnh sửa các nội dung trong giáo trình biên soạn nội bộ hoặc lựa chọn những giáo trình ngoài khác phù hợp nhất với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

n) Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

1. Mô tả

Nhà trường lựa chọn các chương trình đào tạo, cụ thể là chương trình chi tiết các mô-đun, môn học có áp dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm để giáo viên giảng dạy [2.1.03].

Khi các chương trình đào tạo đã qua kiểm duyệt có quyết định ban hành, hội đồng chuyên môn sẽ tiến hành soạn giáo trình theo chương trình đã được ban hành với các kiến thức cập nhật theo nhu cầu thực tế. Sau đó các giáo trình được ban hành dưới dạng các bản in và được truyền tải đến người học [4.12.01].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc biên soạn chương trình giáo trình, tổ chức thẩm định, phê duyệt ban hành và định kỳ rà soát, điều chỉnh theo quy trình chặt chẽ với mục đích tích cực hóa phương pháp giảng dạy.

3. Những tồn tại

Việc áp dụng giáo trình ngoài còn nhiều bất cập, nhất là khi điều chỉnh chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong những năm đến, trường tiếp tục triển khai biên soạn giáo trình và tài liệu tham khảo, các tài liệu và giáo trình phản ánh được những thành tựu của KH&CN trong giai đoạn hiện nay. Những kiến thức trong giáo trình, tài liệu sẽ được truyền tải đến người học thông qua những phương pháp dạy học tích cực với mục đích người học dễ dàng tiếp thu toàn bộ nội dung trong giáo trình và tài liệu.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

o) Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

1. Mô tả

Khi xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết của các nghề đều được giáo viên trong các khoa, tổ bộ tham gia xây dựng, có sự tham gia của giáo viên các trường và cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp [2.1.03].

Thông qua mối liên hệ với các doanh nghiệp giáo viên các khoa, tổ bộ môn định

kỳ hằng năm đều đến các công ty, xí nghiệp gửi các HSSV thực tập tốt nghiệp kết hợp lắng nghe sự góp ý xây dựng cho chương trình đào tạo, sao cho phù hợp thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời mời giáo viên các trường bạn, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình cho phù hợp [2.14.01].

Thông qua mối quan hệ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người sử dụng lao động, nhất là các đơn vị tiếp nhận HSSV đến thực tập tốt nghiệp, nhà trường tiếp thu nhận xét đánh giá về chương trình đào tạo cũng như trình độ tay nghề của HSSV ra trường. Đồng thời sau mỗi khóa học nhà trường khảo sát ý kiến của HSSV ra trường để điều chỉnh chương trình phù hợp với thực tế sản xuất [2.14.02].

Trường tổ chức hội nghị tuyển sinh và phân luồng sau THCS, THPT. Qua đó có mời các doanh nghiệp tham gia hội nghị. Qua hội nghị các doanh nghiệp cũng có những tham luận đánh giá về chất lượng tay nghề của HSSV sau đào tạo đã đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất. Đồng thời cũng có những ý kiến đóng góp nhằm giúp nhà trường hoàn thiện hơn nữa trong công tác đào tạo của từng nghề [2.14.02].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo có sự tham gia đóng góp ý kiến của các giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các Khoa, tổ bộ môn, Hiệu trưởng trường phê duyệt. Các chương trình được các chuyên gia, cán bộ ngoài trường tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và phản biện nên phù hợp thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Các cán bộ giáo viên trường có nhiều kinh nghiệm trong việc biên soạn chương trình, do được tập huấn từ Dự án, TCDN. Định kỳ hằng năm đều được đóng góp ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu HSSV đã tốt nghiệp.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Định kỳ 3 năm/lần tổ chức hội thảo với doanh nghiệp về chương trình đào tạo, các nhu cầu của doanh nghiệp và trao đổi kinh nghiệm cũng như cập nhật các công nghệ kỹ thuật mới.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

p) Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định

1. Mô tả

Chương trình đào tạo của trường được Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa thực hiện việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh chương trình đang áp dụng sau khi kết thúc 1 khóa đào tạo dựa trên cơ sở thực tế giảng dạy của khoa, các ý kiến đóng góp từ các doanh nghiệp, người sử dụng lao động [2.1.03].

Khi được phân công biên soạn điều chỉnh chương trình các khoa, tổ bộ môn đã tham khảo các chương trình tương ứng của các trường dạy nghề trong và ngoài nước để biên soạn nhằm cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến

nghề đào tạo, hoàn chỉnh chương trình nghề phù hợp với thực tế đào tạo của đơn vị mình [2.7.07].

Thông qua mối quan hệ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người sử dụng lao động, nhất là các đơn vị tiếp nhận HSSV đến thực tập tốt nghiệp, nhà trường tiếp thu nhận xét đánh giá về chương trình đào tạo cũng như trình độ tay nghề của HSSV ra trường. Đồng thời sau mỗi khóa học nhà trường khảo sát ý kiến của HSSV ra trường để điều chỉnh chương trình phù hợp với thực tế sản xuất [2.15.01].

Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ tổ chức cho các khoa tiến hành chỉnh lý giáo trình để phù hợp với chương trình đào tạo sau điều chỉnh.

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên nhà trường với hơn 70% có trình độ sau đại học nên thuận lợi công tác biên soạn chỉnh lý chương trình, giáo trình.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của người học, người sử dụng lao động để xem xét tính phù hợp của các chương trình, phương thức đào tạo.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

*** Mở đầu**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH như: Thư viện, phòng đọc, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên đề và các trang thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ khác, . . . Thư viện của Trường có từ ngày thành lập trường (1978) và đã được tin học hóa, hình thành Thư viện điện tử. Hệ thống phòng chuyên dụng và hệ thống máy tính kết nối mạng nội bộ và mạng Internet của Trường đáp ứng được nhu cầu cơ bản và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và HSSV.

Nhà trường đang đầu tư xây dựng cơ sở mới trên diện tích 13.6 ha, từng bước bảo đảm các chỉ tiêu về cơ sở vật chất cho người học; liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp và chủ thể ngoài trường để HSSV thực tập chuyên môn; KTX và các cơ sở dịch vụ phục vụ có hiệu quả, đảm bảo chất lượng cho sinh hoạt của người học.

*** Những điểm mạnh**

Trường có qui hoạch tổng thể phát triển khoa học, đồng bộ. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được đầu tư, xây dựng mới khang trang, trang thiết bị được đầu tư mua sắm mới hàng năm đảm bảo chất lượng, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

*** Những tồn tại**

Nguồn vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch không đáp ứng được tiến độ quy hoạch đề ra.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Đầu tư mua sắm trang thiết bị theo hướng hiện đại phù hợp cho công tác đào tạo các ngành nghề trọng điểm theo chuẩn Quốc tế, khu vực và trong nước.

Huy động tối đa các nguồn lực thực hiện xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.

a) Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng Trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa được nâng cấp trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa theo quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 3339/QĐ-BCN ngày 13/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa.

Địa điểm cơ sở 1: Số 261, đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Địa điểm cơ sở 2: Số 01, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên [5.1.01].

Vị trí nằm trong thành phố, cao ráo, không bị ngập úng, tiếp giáp với các trục đường chính của thành phố nên thuận tiện cho việc đi lại và cung cấp các dịch vụ về điện, nước, dịch vụ viễn thông,... Các giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành nằm sâu bên trong nên đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập.

2. Những điểm mạnh

Vị trí xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung mạng lưới các cơ sở GDNN, nằm gần trung tâm thành phố, tiếp giáp với các tuyến đường lớn nên rất thông thoáng, nhiều cây xanh, không bị nhiễm khí thải, chất thải công nghiệp độc hại từ các khu công nghiệp.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường tiếp tục trồng mới nhiều vườn hoa, cây xanh để tạo thêm cảnh quan và thoáng mát trong khuôn viên trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có hai trụ sở đào tạo:

Trụ sở 1: Tổng diện tích đất: 25.432 m²

Đã được đầu tư hoàn chỉnh các công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường (khu hành chính, khu học tập, xưởng thực hành, khu vệ sinh, khu để xe, ký túc xá, khu thể thao, thư viện và hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Sân đường nội bộ, cấp điện, cấp nước,).

Trụ sở 2: Tổng diện tích đất: 130.606 m²

Khu đất đã được lập và phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể phát triển Trường từ năm 2007 đến năm 2020 theo quyết định số 1709/QĐ-BCN ngày 17/5/2007 của Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công Thương [5.2.01]. Gồm:

- Khu làm việc hiệu bộ với 02 công trình chính là nhà làm việc Ban giám hiệu, các phòng, ban, trung tâm và văn phòng các khoa của Trường.

- Nhà Hội trường và thư viện với chức năng như một Trung tâm thông tin dữ liệu với đủ các đầu sách và tạp chí phục vụ cho giáo viên và học sinh, sinh viên tham khảo.

- Xây dựng hệ thống giảng đường, phòng học và phòng thí nghiệm bao gồm các nhà học lý thuyết, thí nghiệm A1, A2, A3; A4, A5, A6 tại cơ sở 2 theo các tiêu chuẩn hiện đại, đảm bảo trong quá trình học học sinh, sinh viên sẽ được tiếp xúc với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật tiên tiến. Hệ thống các phòng học lý thuyết nhỏ và các giảng đường lớn phục vụ cho các buổi học tập trung.

- Xây dựng 4 nhà xưởng thực hành, thực nghiệm B1, B2, B3, B4 và sản xuất có đủ các thiết bị cần thiết phục vụ công tác giảng dạy và kinh doanh dịch vụ của trường.

- Xây dựng hệ thống các ký túc xá và nhà khách phục vụ nhu cầu ở của sinh viên và học sinh, phục vụ nhu cầu ở của số lượng giáo viên ở nơi khác đến thỉnh giảng và các chuyên gia đến trường nghiên cứu và giảng dạy,...

- Xây dựng đồng bộ hệ thống các công trình phục vụ rèn luyện sức khỏe, giáo dục thể chất như: Sân vận động, nhà đa năng, sân thể thao và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường được Ban Quản lý đầu tư xây dựng lưu trữ hàng năm [5.2.01].

- Diện tích khu đất toàn trường:

Nhà trường hiện có 02 cơ sở với tổng diện tích đất là: **156.038 m²** . Trong đó:

Diện tích khuôn viên đất cơ sở 1: 25.431,7 m², bao gồm 03 khu: đất tại cơ sở 1, đất tại khu nhà ký túc xá và đất tại khu nhà khách (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ sở 1: BA709918, cấp ngày 16 tháng 11 năm 2010, diện tích: 20.401,0 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà ký túc xá: BA709919, cấp ngày 17 tháng 11 năm 2010,

diện tích: 4.151,0 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Nhà khách : BA 912846, cấp ngày 21 tháng 9 năm 2010, diện tích: 879,7 m²) [5.2.02].

Diện tích khuôn viên đất cơ sở 2: 130.605,8 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ sở 2: BA 352545, cấp ngày 05 tháng 5 năm 2010, diện tích 130.606 m²) [5.2.03].

Cơ sở 1 của trường có diện tích cây xanh, lưu không: 18.127 m². Mặt trước giáp với vườn cây xanh giữa đường Nguyễn Tất Thành và đường giao thông nội bộ nên luôn thoáng mát. Cơ sở 2 của trường có diện tích cây xanh, lưu không: 104.346 m², được trồng nhiều cây xanh và cách khu rừng phòng hộ ven biển dưới 1 km nên không khí luôn trong lành, thoáng mát đảm bảo tốt điều kiện học tập của học sinh, sinh viên.

2. Những điểm mạnh: Trường có qui hoạch tổng thể phát triển khoa học, đồng bộ.

3. Những tồn tại

Nguồn vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch chưa đáp ứng được tiến độ quy hoạch đề ra.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Huy động các nguồn lực thực hiện xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

1. Mô tả:

* Trụ sở 1:

- Diện tích xây dựng: 7.305 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng (m ²)
1	Khu hiệu bộ	1070	
2	Phòng học lý thuyết	4644	
3	Xưởng/Phòng thực hành	5820	
4	Khu phục vụ	10886	
4.1	Thư viện	2400	
4.2	Ký túc xá	3160	
4.3	Nhà ăn	306	

4.4	Trạm y tế	20	
4.5	Khu thể thao	5000	
5	Khác	2991	467
5.1	Nhà khách	1488	
5.2	Nhà để xe	500	
5.3	Vườn thực nghiệm	433	467
5.3	Vườn khoan địa chất	570	

* Trữ sở 2:

- Diện tích xây dựng: 26.260 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng (m ²)
1	Khu hiệu bộ		
2	Phòng học lý thuyết	10062	
3	Xưởng/Phòng thực hành	7200	
4	Khu phục vụ	170	
4.1	Thư viện	150	
4.2	Trạm y tế	20	
5	Khác	23250	
5.1	Nhà để xe	500	
5.2	Trạm xử lý nước thải	750	
5.3	Sân đường nội bộ + hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước	22000	

- Các hạng mục thuộc quy hoạch được duyệt nhưng chưa đầu tư:

- + Nhà học lý thuyết, thí nghiệm A4, A5, A6: Cao 5 tầng, diện tích sàn 10235 m²
- + Xưởng thực hành B3, B4 : Cao 3 tầng, diện tích sàn 7200 m²
- + Nhà thi đấu đa năng: cao 1 tầng, diện tích sàn 1500 m²
- + Nhà làm việc, hiệu bộ C1: Cao 9 tầng, diện tích sàn 7260 m²
- + Nhà hội trường C2: Cao 1 tầng, diện tích sàn 1800 m²
- + Nhà thư viện - Trung tâm thông tin C3: Cao 6 tầng, diện tích sàn 6000 m²
- + Nhà căn tin - dịch vụ D1: Cao 3 tầng, diện tích sàn 4200 m²
- + Ký túc xá: Cao 8 tầng, diện tích sàn 65460 m²

Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường [5.2.01] được lưu trữ tại kho lưu trữ của trường.

2. Những điểm mạnh

Trường có đủ các khu vực hoạt động.

3. Những tồn tại

Các hạng mục quy hoạch được duyệt nhưng một số hạng mục chưa đầu tư.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Thời gian tới nhà trường tiếp tục đầu tư mới các hạng mục nhằm tăng cường cơ sở vật chất.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định

1. Mô tả

Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại cơ sở trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa được phê duyệt theo Quyết định số 1395/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Công Thương [5.4.01].

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được thiết kế và thi công đồng bộ với khối các công trình giảng dạy và học tập, thực hành, đảm bảo thuận tiện, an toàn cho tất cả các mặt hoạt động của nhà trường từ đào tạo cho đến cung ứng các dịch vụ thiết yếu cho người học.

Các hồ sơ nghiệm thu đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường: đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy (Hồ sơ hoàn công) được lưu trữ [5.4.02].

Công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy:

Trường có 03 đội PCCC thực hiện nhiệm vụ PCCC tại cơ sở 1, cơ sở 2 và Nhà khách TIC. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Phú Yên đã huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cấp chứng chỉ về an toàn PCCC cho các thành viên của đội PCCC của trường [5.4.03]. Đồng thời công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất trang thiết bị PCCC cũng được thực hiện, các công trình xây dựng mới đều được nghiệm thu an toàn về PCCC trước khi đưa vào sử dụng. Qua các đợt kiểm tra trường được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đảm bảo yêu cầu về PCCC [5.4.04].

Để đảm bảo phát huy hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhà trường phê duyệt các quy trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật [5.4.05] và tổ chức duy tu, bảo trì bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ.

2. Những điểm mạnh

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được thiết kế xây dựng theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Lập kế hoạch bảo trì duy tu thường xuyên và định kỳ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường nhằm phát huy hiệu quả trong các mặt hoạt động của trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

đ) Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo

1. Mô tả

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được đầu tư xây dựng, hiện tại cơ sở 1 các công trình được xây dựng với diện tích 3.375m², diện tích sàn 10.236 m² gồm nhà học lý thuyết A1, A2, A3, nhà xưởng C1, C2, C3, nhà xưởng động lực, nhà xưởng máy công cụ, phòng học chuyên ngành khoan. Cơ sở 2 các công trình được xây dựng với diện tích 4.740 m², diện tích sàn 17.435 m² gồm học lý thuyết và thí nghiệm A1, A2, A3; xưởng thực hành B1, xưởng thực hành B2. Chi tiết theo bảng thống kê số lượng, diện tích, vị trí của phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo [5.5.01].

Tất cả các công trình trên được thiết kế và thi công đồng bộ theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió. Hệ thống các phòng học lý thuyết và các xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, các phòng thiết bị đầu tư mua sắm được trang bị đồng bộ, công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu thí nghiệm, thực hành [5.5.02].

Năm 2017 trường tổ chức đánh giá lại tài sản toàn trường để đánh giá thực trạng tài sản và kịp thời điều chỉnh, bổ sung các điều kiện cần thiết [5.5.03].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Hàng năm lập kế hoạch bảo trì hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm để phát huy hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất của trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo

1. Mô tả

Để đảm bảo yêu cầu khai thác sử dụng thiết bị có hiệu quả, nhà trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo [5.6.01]. Trong các phòng máy tính, phòng thí nghiệm, thực hành đều có bảng nội quy [5.6.02]. Để công tác vận hành thiết bị đúng quy trình, tránh gây hỏng hóc và đảm bảo an toàn, tại các phòng thí nghiệm thực hành, các thiết bị chuyên dùng có quy trình vận hành cho từng loại thiết bị cụ thể [5.6.03].

Thiết bị đào tạo với đầy đủ các thông tin về xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất, hồ sơ thiết bị được kiểm kê theo định kỳ và lưu trữ hàng năm [5.6.04].

Hàng năm, các bộ phận, khoa có kế hoạch bảo trì, sửa chữa trang thiết bị. Phòng Quản trị phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra tình trạng của trang thiết bị, triển khai công tác sửa chữa bảo dưỡng để đảm bảo an toàn, vận hành, phục vụ kịp thời trong công tác đào tạo nghề. Công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị được thực hiện theo qui trình ISO 9001: 2015 đã được ban hành [5.6.05]. Hồ sơ bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị được các đơn vị lưu trữ tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành [5.6.06].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy trình về bảo trì bảo dưỡng thiết bị trường học theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

3. Những tồn tại

Công tác kiểm tra việc khai thác trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018 nhà trường có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc khai thác, sử dụng trang thiết bị đào tạo tại các đơn vị.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

g) Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành

1. Mô tả

Hệ thống phòng học lý thuyết, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo của trường [5.5.01]. Với hệ thống phòng học, phòng thực hành này đã đảm bảo được yêu cầu đào tạo các ngành nghề cho cả 2 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp mà trường đã đăng ký hoạt động.

Nhà trường còn phân bổ các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm, giảng đường về cho các khoa tự quản lý, sử dụng đúng mục đích [5.7.01] giúp cho việc dạy, học, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động chung của nhà trường được chủ động, linh hoạt hơn. Bên cạnh đó, nhà trường còn ban hành nội qui sử dụng phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm [5.6.02].

Để việc khai thác, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành mang lại hiệu quả. Nhà trường quy định việc sắp xếp phòng thực hành, thí nghiệm theo bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S [5.7.02].

2. Những điểm mạnh

Hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm được thiết kế thông thoáng, đảm bảo ánh sáng đầy đủ. Các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính đều có nội qui định quản lý, sử dụng.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường phân công cán bộ thường xuyên kiểm tra giám sát, có tình trạng hư hỏng kịp thời báo cáo để sửa chữa đáp ứng công tác dạy, học của nhà trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

h) Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

1. Mô tả

Hiện tại, các trang thiết bị đào tạo chính trong trường đều đạt trình độ tương đương với công nghệ sản xuất của ngành, đảm bảo về chất lượng và chủng loại, đảm bảo mỹ thuật, đảm bảo yêu cầu về sức khỏe, an toàn vệ sinh trong quá trình sử dụng [5.6.04].

Do đặc thù của trường đào tạo khối ngành liên quan đến lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật, một số ngành còn thiếu về chủng loại thiết bị theo danh mục thiết bị dạy nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật cao, suất đầu tư lớn. Nhà trường thực hiện đưa HSSV đến các doanh nghiệp có liên kết với trường để thực hành, thực tập [2.13.01].

Hàng năm nhà trường thống kê số lượng người học của chương trình đào tạo [5.8.01].

Phòng QLĐT thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo [5.8.02].

Nhà trường có kế hoạch lên lớp trong đó thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường [5.8.03].

2. Những điểm mạnh

Thiết bị đào tạo của trường cơ bản đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành do Bộ Lao động-TB&XH quy định. Đảm bảo đủ cho việc phân nhóm thực hành từ 20 – 25 HSSV/nhóm.

3. Những tồn tại

Còn một số thiết bị có yêu cầu kỹ thuật cao, suất đầu tư lớn nhà trường phải liên kết với doanh nghiệp cho HSSV thực hành, thực tập.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường liên kết với DN trong việc đưa HSSV thực hành thực tập và đầu tư mua sắm trang thiết bị theo hướng hiện đại để đào tạo các ngành chất lượng cao.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

i) Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường

1. Mô tả

Trang thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm thực hành được được các khoa, bộ môn bố trí hợp lý theo từng chủng loại, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân.

Phòng thí nghiệm Hóa có bố trí máy hút để sử dụng trong trường hợp pha chế các hóa chất độc hại, tại các phòng thí nghiệm đều bố trí khu vực rửa dụng cụ và vệ sinh đảm bảo an toàn vệ sinh, các khu vực có sử dụng nước đều có khu vực thu hút nước thải trước khi thải vào hệ thống chung của trường.

Để việc khai thác, sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành mang lại hiệu quả. Nhà trường ban hành quy định việc sắp xếp phòng thực hành, thí nghiệm theo bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S [5.9.01].

Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo [5.9.02].

Các thiết bị, dụng cụ được thiết kế, lắp đặt và có hồ sơ quản lý [5.9.03].

2. Những điểm mạnh

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của trường được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh, vệ sinh môi trường.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Từ năm 2018 nhà trường thực hiện bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

k) Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo

1. Mô tả

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành được bố trí hợp lý từng khu vực, theo từng phòng thí nghiệm, thực hành.

Trường đã ban hành quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Trường thành lập Tổ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị theo quyết định số 147/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 27/12/2015. Ngoài công tác bảo trì, bảo dưỡng, các trường hợp hư hỏng đột xuất được xử lý kịp thời phục vụ cho các hoạt động đào tạo của trường [5.10.01].

Hàng năm nhà trường đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo [5.10.02].

2. Những điểm mạnh

Trong quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo nhà trường có nhấn mạnh đến việc đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

3. Những tồn tại

Chưa nhấn mạnh đến yếu tố nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo một cách cụ thể.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Cụ thể hóa yếu tố nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

l) Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định

1. Mô tả

Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ quản lý về nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng.

Trường ban hành quy trình sử dụng vật tư, trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 [5.11.01]. Qua đó theo dõi việc sử dụng trang thiết bị của các đơn vị [5.11.02].

Đối với thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành mua sắm mới, hợp đồng mua sắm có điều khoản về vận hành, hướng dẫn sử dụng và bảo hành theo quy định [5.11.03].

Trường tổ chức hội nghị để các giáo viên có bài phát biểu tham luận đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo [5.11.04].

2. Những điểm mạnh

Thiết bị đào tạo có xuất xứ, có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất.

3. Những tồn tại

Không.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2018 Trường đẩy mạnh các giải pháp nâng cao hiệu quả việc sử dụng thiết bị đã được trang bị tại các đơn vị.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

m) Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng

1. Mô tả

Nhà trường ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho các ngành đào tạo [5.12.01]

Công tác mua sắm, quản lý tài sản được thực hiện theo quy trình về mua sắm thiết bị trường học và quản lý tài sản theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 [5.12.02].

Vào đầu học kỳ của năm học các đơn vị đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo của đơn vị, phòng Quản trị tiến hành làm các thủ tục mua sắm và cấp phát cho các đơn vị. Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo có hệ thống sổ sách theo dõi, từ khâu nhập vật tư đến khâu cấp phát có biên bản giao nhận [5.12.02], hồ sơ kiểm kê [5.12.03].

Để công tác bảo quản vật tư được tốt, nhà trường bố trí cho các đơn vị kho vật tư tại các vị trí cao ráo, thoáng mát, thuận tiện cho các đơn vị sử dụng.

2. Những điểm mạnh

Trường có đầy đủ hồ sơ về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo. Công tác tiếp nhận, bàn giao các nguyên, nhiên, vật liệu được thực hiện công khai, rõ ràng. Vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng.

3. Những tồn tại: không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm 2018, ngoài định mức kinh tế kỹ thuật cho các ngành, nghề đào tạo, nhà trường còn xây dựng định mức kinh tế - Kỹ thuật cho các ngành, nghề đào tạo trọng điểm để đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất cho các ngành này.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

n) Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in

1. Mô tả

Trung tâm Thông tin thư viện tọa lạc trong khuôn viên của Trường tại tòa nhà 3 tầng, có diện tích phục vụ 1.500 m². Trung tâm Thông tin thư viện có 02 cơ sở với các phòng chức năng như sau: 02 phòng Đọc (150 chỗ ngồi), 02 phòng Mượn, 01 phòng Đa phương tiện (40 máy tính), phòng Nghiệp vụ, phòng Sinh hoạt chuyên đề, các phòng Tự học (100 chỗ ngồi), kho Lưu trữ [5.13.01].

Thư viện điện tử đủ đáp ứng cho HSSV khai thác và học tập. Danh mục chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt: Tên chương trình/giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử [5.13.02].

Để phục vụ bạn đọc, các chương trình, giáo trình được trường phê duyệt đã được in ấn [5.13.03].

2. Những điểm mạnh

Thư viện nhà trường có đủ tài liệu sách, báo, tạp chí để tham khảo và học tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Các giáo trình, bài giảng được đưa lên trang điện tử của thư viện, sinh viên ở nhà có thể truy cập vào trang web thư viện để tìm kiếm tài liệu.

3. Những tồn tại

Tuy tài liệu được trang bị đầy đủ đáp ứng được nhu cầu học tập của người đọc nhưng chưa khai thác triệt để.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Lập kế hoạch tuyên truyền, giới thiệu những danh mục sách mới nhằm giúp HSSV có thể khai thác, sử dụng tài liệu có hiệu quả nhất.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

o) Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học

1. Mô tả

Để thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu, trang thư viện điện tử tạo giao diện bạn đọc mượn sách [5.14.01], là giao diện phần mềm Thư viện <http://sach.tic.edu.vn/helix> – phân hệ bạn đọc.

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện cũng như thu hút bạn đọc đến với thư viện, hàng năm thư viện tổ chức các hội thảo, ngày hội đọc sách, thi giới thiệu sách [5.14.02]. Từ các hoạt động này giúp bạn đọc tích cực và hứng thú hơn trong công tác tìm kiếm tài liệu tại thư viện.

Hàng năm thư viện thực hiện các báo cáo tổng kết năm học; báo cáo khen thưởng thi đua [5.14.03].

2. Những điểm mạnh

Thường xuyên giới thiệu các loại sách, giáo trình mới, tài liệu mới và tham khảo ý kiến người đọc phù hợp với các ngành học trong trường.

3. Những tồn tại

HSSV chưa nhiệt tình tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Lập kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các khoa, Đoàn thanh niên trong việc thu hút bạn đọc tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

p) Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo

1. Mô tả

Giao diện thư viện điện tử tại địa chỉ <http://elib.tic.edu.vn> [5.15.01] giúp cho bạn đọc tra cứu tìm kiếm tài liệu dễ dàng.

Thư viện tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ thư viện. Tính đến 15/12/2017 Trung tâm có 8.012 tên sách với 34.796 bản sách đã được biên mục vào phần mềm Libol và phục vụ bạn đọc tra cứu tìm tài liệu bằng mục lục trực tuyến [5.15.02]. Thư viện sử dụng Khung phân loại thập phân Dewey (DDC) để phân loại và sắp xếp tài liệu theo từng chuyên ngành khoa học. Thư viện tổ chức kho sách phục vụ bạn đọc theo hình thức kho mở (*Kho tự chọn*). Bạn đọc vào kho trực tiếp chọn tài liệu trên giá rất dễ dàng và thuận tiện.

Thư viện đã sử dụng phần mềm nguồn mở DSPACE để xây dựng thư viện điện tử. Hiện nay đã xây dựng 09 bộ sưu tập với hơn 20.000 tài liệu điện tử. Toàn bộ thiết bị, máy tính và bàn ghế của thư viện được trang bị đồng bộ, chất lượng và có tính thẩm mỹ cao. Thư viện được trang bị phòng máy phục vụ bạn đọc [5.15.03].

2. Những điểm mạnh

Thư viện trường có trang bị phần mềm tra cứu tài liệu, có thư viện điện tử để giảng viên và HSSV đến tra cứu tài liệu, sử dụng học tập.

3. Những tồn tại

HSSV đến sử dụng chưa nhiều.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Thư viện sẽ phối hợp với cố vấn học tập khuyến khích HSSV đến thư viện nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

*** Mở đầu**

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ trọng tâm gắn liền với sứ mạng của Trường. Mặc dù, chỉ là Trường cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh, nhưng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa có một bề dày nghiên cứu khoa học có thể nói là rất đáng tự hào. Nhà trường luôn xác định sức mạnh tập thể trong những năm gần đây chính là đội ngũ cán bộ giảng dạy có thâm niên, trình độ cao với nhiều tiến sỹ, thạc sỹ thì việc nghiên cứu khoa học chính là khẳng định uy tín, thương hiệu của nhà trường.

Trong nhiều năm gần đây, hoạt động NCKH ngày càng có định hướng tập trung vào phát triển chiều sâu, tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, quản lý nhà trường. Bên cạnh đó, nghiên cứu ứng dụng để đưa các đề tài, sáng kiến ngày càng gần gũi với thực tế sản xuất, nâng cao tính thiết thực của công tác NCKH chính là trọng tâm phát triển của Trường.

Hoạt động HTQT được lãnh đạo nhà trường đặc biệt quan tâm, nhiều chương trình HTQT đã được ký kết và triển khai. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, nhà trường

đang tiến đến xây dựng Trường chất lượng cao, thì công tác HTQT đóng góp một phần không nhỏ cho sự phát triển hội nhập của Trường.

*** Những điểm mạnh**

Nhà trường có đội ngũ cán bộ có trình độ cao phù hợp cho công tác NCKH chuyên sâu. Ý thức được tầm quan trọng của NCKH&HTQT, Trường đã hoàn thiện được quy trình NCKH từ khâu xây dựng kế hoạch đến triển khai và nghiệm thu, chuyển giao sản phẩm cho các đề tài NCKH.

*** Những tồn tại**

Số lượng đề tài, sáng kiến hằng năm còn tập trung nhiều trong một bộ phận CBVC. Triển khai đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ còn hạn chế do ràng buộc về thủ tục hành chính, Nghiên cứu khoa học trong HSSV còn hạn chế, hoạt động HTQT chưa thật sự mang lại kết quả như mong muốn.

*** Kế hoạch hành động**

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc cải tiến thông qua kết quả tự đánh giá. Thực hiện tốt công tác định hướng trong NCKH, tích cực thúc đẩy hoạt động HTQT.

a) Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa với bề dày phát triển gần 40 năm, qua nhiều giai đoạn phát triển thăng trầm, có thể nói là một trường là một trong những cơ sở đào tạo có uy tín đào tạo nguồn nhân lực không nhỏ cho tỉnh Phú Yên nói riêng và Khu vực Miền trung Tây nguyên nói chung. Với mục tiêu phấn đấu trở thành một trong những trường chất lượng cao theo chuẩn khu vực và quốc tế, nhà trường đã nỗ lực không ngừng để phát huy tất cả khả năng của mình để phát triển.

Nghiên cứu khoa học, cụm từ nghe rất quen thuộc, tất cả các trường đều phải thực hiện, là nhiệm vụ bất khả thi của mọi trường cao đẳng, đại học. Nhưng với một trường ở khu vực tỉnh Phú Yên có thể nói là một nhiệm vụ không hề nhẹ. Nó là cả một sự cố gắng của tập thể thầy cô giáo ở của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa để đưa nhiệm vụ nghiên cứu khoa học không chỉ có số lượng mà còn là trách nhiệm, là sự khẳng định thương hiệu, uy tín góp phần vào sự phát triển nhà trường.

Cụ thể từ năm 2014 đến nay, các giảng viên có công trình nghiên cứu khoa học đều được tôn vinh thông qua quy chế thi đua khen thưởng [6.1.01]. Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp nhằm khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ hàng năm [6.1.02], kết quả thu được được sau nhiều nỗ lực của đội ngũ cán bộ Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa được công nhận và khen thưởng hàng năm cho cán bộ, giáo viên, giảng viên [6.1.03].

Ngoài ra, báo cáo kết quả hoạt động quản lý khoa học và hợp tác quốc tế [6.1.04],

[6.1.05], [6.1.06] cho thấy kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ đóng góp phần lớn đến đào tạo của trường; nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Đối với công tác nghiên cứu khoa học, nhà trường hiện nay đang sở hữu nguồn nhân lực tri thức với nhiều tiến sĩ, thạc sĩ là sự thuận lợi vô cùng to lớn. Trong những năm qua, nhà trường luôn có đơn đặt hàng cấp Bộ, cấp Tỉnh do các Tiến sĩ làm chủ nhiệm đề tài. Chính sách thi đua khen thưởng rõ ràng được điều chỉnh hằng năm là thước đo vô cùng quý giá để phát huy công tác nghiên cứu khoa học tại trường.

3. Những tồn tại

Một số CBVC còn e dè trong công tác nghiên cứu khoa học, ngoài ra công tác quản lý hoạt động KH&CN của trường thực hiện chưa thực sự tốt. Vẫn còn một số đề tài/sáng kiến thực hiện còn chậm tiến độ. Số đề tài Cấp tỉnh, Cấp bộ còn ít, kinh phí cấp cho hoạt động KH&CN còn thấp, chưa kịp thời, chưa tương xứng với đòi hỏi phát triển của trường. Còn nhiều quy chế ràng buộc đối với đề tài Cấp tỉnh, Cấp bộ, đề tài trong điểm cấp quốc gia,... nên số lượng đề tài còn hạn chế so với tiềm lực của trường.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Hiện nay một số đề tài trong điểm cấp quốc gia còn ràng buộc đào tạo thêm thạc sĩ, tiến sĩ. Số lượng đăng ký đề tài cấp bộ cho nhà trường còn hạn chế. Điều này đã làm hạn chế việc NCKH, vì vậy biện pháp của nhà trường đề ra là liên kết đào tạo với các trường đại học trong khu vực và các trường đại học trong nước để nâng cao chất lượng cũng như tháo bỏ những rào cản về pháp lý để tạo điều kiện cho cán bộ, tập thể giáo viên, giảng viên NCKH tốt hơn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo là hoạt động sống còn của bất kỳ một cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào. Trong công cuộc cách mạng đổi mới và phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa luôn lấy nhiệm vụ đào tạo gắn với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Thông qua danh sách đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên hàng năm [6.2.01], [6.2.02]. Với hồ sơ thuyết minh các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến hằng năm [6.2.03], [6.2.04], [6.2.05] thể hiện nhà trường luôn lấy mục tiêu nghiên cứu khoa học là để phục vụ hoạt động đào tạo. Ngoài ra kết quả thu được [6.1.04], [6.1.05], [6.1.06] còn cho thấy trường có nhiều hơn 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Để tồn tại và phát triển Trường đã không ngừng nỗ lực phát huy những điểm mạnh vốn có sẵn cũng như khắc phục những mặt yếu kém để ngày càng hoàn thiện hơn.

2. Những điểm mạnh

Các kết quả nghiên cứu khoa học của các đề tài, sáng kiến được ứng dụng ngay vào hoạt động giảng dạy, đào tạo và quản lý của nhà trường, góp phần chuẩn hóa công tác đào tạo của trường.

3. Những tồn tại

Đề tài, sáng kiến nghiên cứu khoa học tuy nhiều, Tuy nhiên chỉ tập trung một số bộ phận. Chưa phát huy mạnh mẽ các đề tài mang tính liên ngành.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ, giảng viên, giáo viên. Nhà trường làm tốt công tác định hướng nghiên cứu khoa học cho các đơn vị, nâng cao tính thiết thực cho các đề tài, sáng kiến, để công tác nghiên cứu khoa học ngày càng gần gũi thiết thực và thực sự đem lại hiệu quả trong công tác quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế

1. Mô tả

Từ năm 2011, nhà trường đã tiến hành xuất bản ấn phẩm khoa học như một cách cổ vũ khích lệ hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhà trường cũng đã cử CBVC tham gia NCS ở nhiều nước khác nhau, mang lại nguồn nhân lực về ngôn ngữ đa dạng. Được đánh giá cao và thường xuyên cọ xát về chuyên môn, CBVC nhà trường thường xuyên thực hiện các bài báo, ấn phẩm khoa học trong và ngoài nước [6.3.01], [6.3.02].

Số lượng bài báo đã tăng cả về chất và lượng, số lượng CBVC tham gia thực hiện các bài báo khoa học ngày càng được phát triển, trở thành lực lượng nghiên cứu nòng cốt của nhà trường.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường vẫn thường xuyên phát hành tập san Khoa học và Công nghệ của trường nên CBVC có được một sân chơi khoa học để thể hiện ý tưởng và kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Điều này khích lệ tinh thần NCKH rất lớn. Các hoạt động NCKH đều được đánh giá và khen thưởng kịp thời, được hưởng nhiều ưu đãi. Tiêu chí đóng góp cho hoạt động NCKH cũng được xem là một tiêu chí quan trọng để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua của CBVC hàng năm, do vậy CBVC luôn có tinh thần tự nỗ lực thực hiện hoạt động NCKH.

3. Những tồn tại

Kết quả thực hiện NCKH còn tập trung nhiều ở một số cá nhân có nền tảng mạnh trong hoạt động khoa học và công nghệ. Trong khi một số cá nhân khác còn e dè, ngại ngần vì chưa nắm được nguyên lý cơ bản khi tiến hành nghiên cứu, do đó còn hạn chế về thành phần tham gia trong các đề tài, hoạt động khoa học của nhà trường. Ngoài ra, ngoại ngữ cũng là một rào cản khá lớn đối với CBVC khi tiến hành tham gia các hoạt động khoa học có tầm quốc tế.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Với kế hoạch trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao, nhà trường đã tiến hành các hoạt động làm cơ sở thúc đẩy nghiên cứu khoa học và ngoại ngữ của CBVC như: xây dựng tiến trình hoàn thiện một bài báo khoa học bằng nhiều ngôn ngữ qua nhiều bước, mỗi năm thực hiện một bước; tăng cường giao lưu khoa học với các đơn vị trong và ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn

1. Mô tả

Thực tế hiện nay không chỉ riêng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa mà hầu hết ở nhiều Trường khác, khi nghiên cứu khoa học thường các đề tài tập trung vào lý thuyết hàn lâm mà bỏ qua tính ứng dụng thực tế. Khắc phục những khiếm khuyết đó trong những năm gần đây, nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng các đề tài nghiên cứu trong dạy học và trong các lĩnh vực có liên quan. Trong nhiều năm liền nhà trường xây dựng được mạng lưới ứng dụng chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học để nâng cao tính ứng dụng của đề tài, sáng kiến. Danh sách đề tài, sáng kiến cải tiến của trường từ khi trường nâng cấp thành trường Cao đẳng [6.2.01],[6.2.02].

Trong đó mỗi năm đều có kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo hoặc được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và được chuyển giao đến tận đơn vị sử dụng trong nhiều năm liền [6.4.01], [6.4.02], [6.4.03].

2. Những điểm mạnh

Nhiều đề tài mang tính ứng dụng thực tế được triển khai tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa và khả năng áp dụng các đề tài rất cao.

3. Những tồn tại

Giá trị lợi nhuận mang lại chưa cụ thể hóa thành con số được chính xác được, vì nhà trường chưa có chức năng kinh doanh nên các lợi nhuận thu được trong sản xuất thực tế chỉ đưa vào mục tiết kiệm. Một số ít đề tài còn chưa ứng dụng rộng rãi dù kinh phí thực hiện khá lớn, nguyên nhân đề tài thực tế, dự án cần phối hợp với các đơn vị doanh nghiệp sản xuất mới phát huy hết lợi ích của nó.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, kêu gọi các doanh nghiệp cùng hợp tác với nhà trường để phát huy được lợi ích thực sự của kết quả nghiên cứu khoa học. Tăng cường công tác quản lý đề tài, sáng kiến sau khi nghiệm thu để tăng tính hiệu quả của công tác nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa liên kết với Trường Đại học Bách khoa Côn Minh Trung Quốc (KUST) về đào tạo giáo viên, giảng viên. Hàng năm KUST xem xét và đề xuất Chính phủ Trung Quốc cấp học bổng NCS cho Giáo viên, Giảng viên của TIC. Kết quả cho đến nay số tiến sỹ ra trường từ chương trình này là 14 tiến sỹ và hiện 05 NCS đang học tập tại KUST. Cụ thể kèm theo các minh chứng [6.5.01], [6.5.02], [6.5.03], [6.5.04], [6.5.05], [6.5.06], [6.5.07], [6.5.08], [6.5.09], [6.5.10]. Chương trình này đã góp phần nâng cao đội ngũ nhân lực của nhà trường một cách đáng kể.

Nhà trường cũng tranh thủ sự viện trợ học bổng ngắn hạn và dài hạn của nước ngoài từ các đề án của nhà nước và cử CBGV tham gia [6.05.11], [6.05.12], [6.05.13], [6.05.14]. Tuy nhiên, trường chưa có nhiều CBGV đáp ứng được các điều kiện của học bổng, đặc biệt là ngoại ngữ nên số lượng CBGV tham gia các chương trình này còn hạn chế.

Trong những năm qua, trường cũng đã rất chú trọng đến việc thu hút tình nguyện viên nước ngoài đến hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động chuyên môn, đặc biệt là nâng cao trình độ tiếng Anh của CBGV và HSSV, làm mô hình hỗ trợ giảng dạy tiếng Anh, học tập mô hình 5S,... Nhà trường đã thông qua đầu mối chính là Hội liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh Phú Yên, các cầu nối của Tổ chức tình nguyện trong và ngoài tỉnh, ngay cả chính thông tin từ các tình nguyện viên để tìm kiếm, thu hút và khai thác nguồn lực tiềm năng này đảm bảo đúng các quy định, quy trình thủ tục về thu hút, quản lý và sử dụng người nước ngoài tại Việt Nam [6.5.15], [6.5.16], [6.05.17], [6.5.18], [6.5.19], [6.5.20], [6.5.21], [6.5.22], [6.5.23], [6.5.24], [6.5.25], [6.5.26], [6.5.27], [6.5.28], [6.5.29], [6.5.30].

Trường luôn tích cực tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề cho nhà trường [6.5.31], [6.5.32], [6.05.33]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã cử các CBGV có trình độ chuyên môn phù hợp tham dự các hội nghị hội thảo quốc tế để tiếp cận các công nghệ mới tiên tiến để chủ động hội nhập [6.5.34], [6.5.35], [6.5.36].

2. Những điểm mạnh

Chủ động tìm kiếm đối tác và đề xuất các nhu cầu về hợp tác phát triển các lĩnh vực nhà trường có nhu cầu.

3. Những tồn tại

Đội ngũ nhân lực về hợp tác quốc tế thiếu và yếu vì đa số cán bộ là giáo viên làm công tác kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên môn chính quy. Chưa tìm kiếm và ký kết được nhiều đối tác quốc tế phù hợp với chiến lược phát triển nhà trường hiện nay.

Chưa thực hiện được việc chuyển giao khoa học công nghệ tầm quốc tế. Nguyên nhân do vị trí địa lý của trường không thuận lợi, trường tọa lạc trên một tỉnh nhỏ lẻ, ít khu chế xuất, khu công nghiệp, ít có sự phát triển trong ngành du lịch nên khó thu hút hợp tác từ nước ngoài. Đội ngũ CBGV chưa có điều kiện tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Phải tăng cường nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp. Nhà trường nên có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ làm công tác hợp tác quốc tế và tạo điều kiện cho họ tham quan học hỏi các mô hình trong nước và quốc tế.

Nâng cao trình độ ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng cho đội ngũ giảng viên chuyên môn của nhà trường để tự họ có thể tiếp cận các tiến bộ khoa học và kỹ thuật và công nghệ mới và đề xuất các hợp tác cho nhà trường. Phải xây dựng cơ chế bồi dưỡng ngoại ngữ mang tính khích lệ để khuyến khích CBGV tham gia tích cực.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Tài chính và quản lý tài chính

*** Mở đầu**

Tài chính là nguồn lực quan trọng nhằm đảm bảo cho các hoạt động của Trường được ổn định và phát triển. Trong những năm qua, nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán đúng quy định, được công khai trong toàn trường để CBVC kiểm tra, giám sát. Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, công tác tài chính đã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động của nhà trường diễn ra một cách bình thường trong điều kiện nhà trường có nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, việc quản lý tài chính cũng được thực hiện một cách chặt chẽ, khoa học, theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo không xảy ra những vi phạm về quản lý và sử dụng tài chính.

*** Những điểm mạnh**

Hoạt động quản lý tài chính của trường tuân thủ đúng quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và được công bố công khai. Nhà trường có nguồn thu tương đối ổn định. Ngoài thu học phí được để lại, ngân sách Nhà nước còn hỗ trợ kinh phí theo chỉ tiêu tuyển sinh, nhà trường còn có nguồn thu từ các lớp liên kết đào tạo trình độ Đại học, các lớp chứng chỉ ngắn hạn và các hoạt động dịch vụ như giữ xe, căng tin,... đáp ứng cơ bản nhu cầu các hoạt động của trường.

Nhà trường thực hiện tự kiểm tra tài chính định kỳ và thường xuyên, được cơ quan quản lý cấp trên và kiểm toán kiểm tra, đánh giá là bảo đảm thực hiện tốt các quy định về chế độ tài chính.

Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định, hồ sơ chứng từ kế toán được lưu trữ đúng, đủ theo quy định.

*** Những tồn tại**

Còn một số định mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ chưa cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên để bổ sung vào quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Tiếp tục thực hiện công tác tự kiểm tra và công khai tài chính lên trang hồ sơ công việc của trường để CBVC nắm và thực hiện. Tiếp tục tăng cường công

tác tuyển sinh và các hoạt động khác để cải thiện nguồn thu, các nguồn kinh phí được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao đời sống cho CBVC.

Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý, tăng cường hoạt động của các Trung tâm và mở rộng dịch vụ phục vụ HSSV để tăng cường nguồn thu một cách hợp pháp đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường và nâng cao đời sống cho CBVC.

a) Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai

1. Mô tả

Nhà trường thực hiện đúng việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo điều lệ của trường Cao đẳng. Nhà trường quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai theo đúng các luật định ban hành của nhà nước [7.1.01], [7.1.02], [7.1.03], [7.1.04], [7.1.05], [7.1.06].

Căn cứ trên một số văn bản luật về tài chính hiện hành do Nhà nước quy định và tình hình thực tế của Trường. Hàng năm, nhà trường triển khai xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ kịp thời làm cơ sở cho việc sử dụng thu, chi ngân sách và thanh quyết toán đúng quy định [1.3.02]. Ngoài ra, hoạt động quản lý tài chính của nhà trường còn thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng ISO [7.1.07], báo cáo tài chính hàng năm [7.1.08] và công khai trước hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [7.1.09].

2. Những điểm mạnh

Hoạt động quản lý tài chính của nhà trường tuân thủ quy định về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và được công bố công khai.

3. Những tồn tại

Có một số định mức chi trong QCCTNB chưa cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo của cấp trên để bổ sung vào QCCTNB. Đồng thời kiểm tra việc thực hiện và tuân thủ nguyên tắc quản lý tài chính.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định

1. Mô tả

Quản lý tài chính là công cụ, thước đo sự thành công, phát triển của nhà trường. Việc quản lý tài chính có đầy đủ hồ sơ, sổ sách [7.2.01]. Trên cơ sở các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo: đào tạo ngắn hạn, đào tạo từ xa, đào tạo liên kết với các trường Đại học ngoài tỉnh, các hoạt động dịch vụ như giữ xe, cho thuê mặt bằng, nhà khách TIC,... [7.2.02] đã tạo ra nguồn thu không nhỏ cho nhà trường (bảng tổng hợp doanh thu từ các hoạt động). Việc quản lý sử dụng các nguồn thu này tuân theo quy định của nhà nước [7.1.03].

2. Những điểm mạnh

Các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; kinh doanh dịch vụ của trường được thực hiện đúng các quy định hiện hành, được đánh giá lành mạnh.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch hành động

Trường xuyên tổ chức tự kiểm tra đảm bảo sử dụng, quản lý các nguồn thu đúng quy định, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường

1. Mô tả

Bất kỳ doanh nghiệp nào, dù là trường học thì việc cân đối tài chính luôn là thước đo để đảm bảo sự hoạt động ổn định của doanh nghiệp đó. Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa qua nhiều năm xây dựng và phát triển hiện nay đã trở thành một trong những cơ sở hoạt động bền vững.

Từ năm 2015 đến 2017, nhà trường được đều quyết định giao dự toán hàng năm [7.3.01]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Trường đều thực hiện việc tổng hợp kinh phí hoạt động thường niên, báo cáo tài chính kịp thời, đúng quy định [7.1.08]. Được đơn vị chủ quản (Vụ tài chính, Bộ Công Thương) thẩm tra công tác tài chính, có Biên bản xét duyệt quyết toán hàng năm [7.2.03].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có thu nhập ổn định đáp ứng cơ bản nhu cầu các hoạt động của trường.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường luôn tìm kiếm các nguồn thu về tài chính như đẩy mạnh việc tuyển sinh, liên thông, liên kết với các trường ĐH, thực hiện tiết kiệm chi để đảm bảo đủ kinh phí đáp ứng mọi hoạt động đào tạo và nâng cao đời sống của CBVC.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định

1. Mô tả

Công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán tài chính là nhiệm vụ quan trọng trong việc ổn định công tác đào tạo và phát triển quy mô đào tạo của nhà trường theo xu hướng hội nhập quốc tế.

Các công tác thanh quyết toán đều có hồ sơ chứng từ rõ ràng [7.4.01]. Từ năm 2015, nhà trường thực hiện công tác thu, thanh quyết quản lý thanh toán, tạm ứng theo quy trình hệ thống chất lượng ISO 9001:2015 [7.1.07]. Mọi việc thanh quyết toán tài chính trong nhà trường đều đảm bảo đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo chế độ kế toán

– tài chính của Nhà nước. Việc thanh quyết thể hiện qua báo cáo tài chính [7.1.08] Hàng năm báo cáo và chứng từ kế toán của trường đều được thanh tra hoặc kiểm tra do Vụ tài chính kế toán Bộ Công Thương thực hiện [7.2.03]. Riêng năm 2016 có biên bản kiểm toán [7.4.02].

2. Những điểm mạnh

Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định, hồ sơ chứng từ kế toán được lưu trữ đúng, đủ theo quy định. Sử dụng phần mềm kế toán để quản lý.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường tự kiểm tra để việc quản lý, sử dụng và quyết toán ngày một hoàn thiện.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán [7.5.01], đồng thời báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra định kỳ hàng quý [7.5.02]. Nhờ việc quản lý chặt chẽ, thực hiện đúng quy định của nhà nước nên trong 03 năm 2015-2017, Nhà trường không có vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính. Hàng năm được đánh giá thông qua hội nghị CBVC [7.1.09], có biên bản xét duyệt quyết toán [7.2.03].

2. Những điểm mạnh

Công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, kiểm toán của Nhà trường luôn được thực hiện thường xuyên, đúng quy định.

Việc quản lý tài chính được thực hiện theo tinh thần công khai, dân chủ, minh bạch nên tạo được tính chủ động trong việc thanh quyết toán và các chế độ chính sách của nhà trường.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Luôn kịp thời cập nhật các văn bản, quy định mới của Nhà nước về công tác kiểm tra tài chính. Duy trì công tác tự kiểm tra đúng quy định.

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tài chính, kế toán để hạn chế tối ưu những vướng mắc trong việc xử lý hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán

5. Tự đánh giá: 1 điểm

f) Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

1. Mô tả

Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính là nhiệm vụ bắt buộc của phòng Kế hoạch – Tài chính [7.6.01]. Ngoài ra, tiết kiệm cũng là 1 phương thức để nhà trường sử dụng hiệu quả nguồn tài chính [7.6.02]. Vì vậy, báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị CBVC hàng năm [7.1.09] là nhiệm vụ bắt buộc của phòng Kế hoạch – Tài chính.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường thực hiện thường xuyên việc đánh giá và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

*** Mở đầu**

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến các dịch vụ hỗ trợ người học, coi đây là một tiêu chí quan trọng cần được thực hiện tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo HSSV của Trường. Nhà trường triển khai đầy đủ các dịch vụ phục vụ người học như: chăm sóc sức khỏe, đảm bảo tài nguyên học tập nghiên cứu, ký túc xá, căn tin, vệ sinh môi trường, thực phẩm, y tế, các chương trình phục vụ các hoạt động vui chơi, giải trí, văn nghệ, thể thao,...cũng như tìm kiếm và đảm bảo việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường.

Tuy còn một vài hạn chế phát sinh trong quá trình thực hiện nhưng các dịch vụ người học vẫn được triển khai đầy đủ. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã phát hiện kịp thời các thiếu sót và có phương án khắc phục để thực hiện các dịch vụ ngày càng tốt hơn cho người học.

*** Những điểm mạnh**

Với hệ thống các văn bản về nội quy, quy chế cho HSSV đầy đủ, chương trình khung phù hợp với mục tiêu đào tạo, cùng sự công khai, minh bạch, và hệ thống tổ chức, quản lý, điều hành, hỗ trợ có hiệu quả cho HSSV.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người học, đảm bảo quyền lợi cho người học, giúp người học trang trải hoàn cảnh để an tâm học tập.

*** Những tồn tại**

Việc phổ biến tuyên truyền cho HSSV còn hạn chế, cùng với sự chủ động, tích cực và tự giác của một số HSSV chưa cao, nên chưa thực hiện triệt để quy chế đào tạo.

Còn có một số học sinh, sinh viên yếu kém, không có mục đích học tập đúng đắn, không có cố gắng trong học tập và rèn luyện gây ảnh hưởng không tốt tới tinh thần và kết quả phấn đấu chung của lớp.

Vì điều kiện về khả năng tài chính, trường chưa đầu tư xây dựng nhà tập đa năng, sân bóng đá, sân thể thao nhỏ và hội trường chuyên dùng để phục vụ các hoạt động, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo đúng tiến độ quy hoạch.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tổ chức còn ít và ngày càng vắng HSSV tham gia do thị hiếu của HSSV có nhiều điểm thay đổi, các chương trình cũ không còn thu hút được HSSV, mặt khác các kênh thông tin đến HSSV hiệu quả chưa cao nên chưa tuyên truyền rộng rãi các chương trình do nhà trường tổ chức.

HSSV còn ngại việc làm xa nhà, ngoài tỉnh, nên công tác giới thiệu việc làm chưa phát huy tốt hiệu quả.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tăng cường hoạt động tư vấn cho HSSV; khai thác hiệu quả Website Trường để sinh viên, học sinh thuận tiện tìm kiếm, tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi; chấn chỉnh tinh thần và thái độ học tập của HSSV.

Nhà trường nghiên cứu xây dựng chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo riêng cho các đối tượng, để một mặt vừa nâng cao cho HSSV cố gắng học tốt, vừa giáo dục uốn nắn vào khuôn khổ các HSSV chưa nghiêm túc trong học tập và rèn luyện tại trường.

Từ năm 2017, giao Đoàn Thanh niên quản lý ký túc xá để gần gũi và nắm bắt nhu cầu của HSSV, đồng thời xây dựng được các hoạt động thiết thực cho HSSV ngoài giờ lên lớp. Nắm bắt và thay đổi từ hình thức đến nội dung các chương trình, hoạt động...để thu hút HSSV.

Sửa chữa bảo trì, cải tạo hệ thống điện, trang bị wifi,... ký túc xá, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và học tập cho học sinh, sinh viên.

Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp và đưa vào dạy kỹ năng sống về tự tin lập nghiệp. Tìm hiểu, nắm bắt rồi chọn lọc giới thiệu các công việc gần với mong ước của HSSV hơn.

a) Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định

1. Mô tả

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT, đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân” cho HSSV [8.1.01]. Trong tuần sinh hoạt, người học được hướng dẫn đầy đủ, cụ thể về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp [8.1.02]; nội quy, quy chế của trường [8.1.03]; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học [1.12.01]; các hoạt động truyền thống xây dựng phát triển của Nhà trường; các công tác Đoàn, Hội,...

Mỗi sinh viên đều được cung cấp sổ tay sinh viên [8.1.04] với các nội dung: quá trình hình thành và phát triển nhà Trường, các địa chỉ cần biết, lịch tiếp sinh viên và chương trình định hướng cho sinh viên mới nhập học, lịch học vụ, quy định về đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo tín chỉ, hướng dẫn đăng ký học phần, các biểu mẫu dành cho sinh viên,...

Trước khi giảng dạy một học phần, giáo viên, giảng viên phổ biến đến người học nội dung, phương pháp học tập, lịch trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, từ đó người học có phương pháp học tập hiệu quả.

Nhà Trường đã cử GVCN, CVHT cho từng học kỳ [8.1.05], đề tư vấn cho HSSV về học tập, sinh hoạt, rèn luyện trong suốt quá trình học tập tại trường. Nội dung tư vấn cho HSSV được Nhà trường chuẩn hóa và quy định cụ thể cho CVHT thực hiện [8.1.06].

Bên cạnh đó, cán bộ phòng các phòng ban cũng có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ HSSV thực hiện các quyền lợi của mình theo đúng các quy định của nhà trường khi HSSV liên hệ.

Hàng năm, nhà trường có thống kê để báo cáo, đồng thời đăng tải-cập nhật trên Website Trường về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra các ngành và các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo đúng quy chế công khai của Bộ GD&ĐT [8.1.07].

2. Những điểm mạnh

Với một hệ thống các văn bản về nội quy, quy chế cho HSSV tương đối đầy đủ, chương trình khung phù hợp với mục tiêu đào tạo, cùng sự công khai, minh bạch và hệ thống tổ chức, quản lý, điều hành, hỗ trợ có hiệu quả nên người học hiểu rõ mục tiêu, chương trình đào tạo, các quy chế học tập, giảng dạy và đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

3. Những tồn tại

Việc phổ biến tuyên truyền cho HSSV chỉ mới tập trung vào một số thời điểm trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, cùng với sự chủ động, tích cực và tự giác của một số HSSV chưa cao, nên chưa thực hiện triệt để quy chế đào tạo.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường hoạt động tư vấn cho HSSV; khai thác hiệu quả Website Trường để học sinh thuận tiện tìm kiếm, tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi; chấn chỉnh tinh thần và thái độ học tập của HSSV.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định

1. Mô tả

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người học, Cụ thể:

Hàng năm, nhà trường có văn bản hướng dẫn cho HSSV thực hiện trình tự thủ tục làm hồ sơ vay vốn để trang trải chi phí học tập [1.12.02], đồng thời, phối hợp ngân hàng chính sách tỉnh Phú Yên thực hiện kiểm tra, báo cáo khi có yêu cầu.

Bên cạnh đó, nhà trường triển khai, thông báo và thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ miễn, giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập đến người học [1.12.01]. Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV đã được chuẩn hóa trong quy trình ISO của nhà trường, danh sách HSSV được miễn-giảm học phí, hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập trong từ năm 2014 đến 2017 đã công khai trên Website của Trường [1.12.03]. Hàng năm, nhà trường có thông kê đầy đủ để báo cáo Bộ chủ quản [1.12.04].

3. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người học, đảm bảo quyền lợi cho người học, giúp người học trang trải hoàn cảnh để an tâm học tập.

3. Những tồn tại

Công tác giải quyết chế độ cho HSSV còn chậm so với nhu cầu của HSSV nguyên nhân do HSSV nhập học rải rác, một số HSSV nộp hồ sơ xét cấp chế độ chính sách không chính xác và chậm trễ.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Từ năm 2017, Nhà trường triển khai cải thiện lưu trữ, làm giảm số lần nộp hồ sơ xét cấp chế độ chính sách của HSSV. Công tác xét chính sách cần dứt khoát, đúng thời hạn, nhưng triển khai nhiều lần để đảm bảo quyền lợi cho HSSV.

5. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập

1. Mô tả

Để cập nhật quy định của Nhà nước về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên, Nhà trường đã ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy trong năm 2016 [8.3.01]. Công tác xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV đã được chuẩn hóa trong quy trình ISO của nhà trường.

Mỗi học kỳ, nhà trường đều công khai thông báo đến người học các mức học bổng theo từng học kỳ, từng bậc học, nhóm ngành [8.3.02], đồng thời chi trả học bổng đến người học đúng, đủ theo quy định [8.3.03].

Đối với những học sinh, sinh viên nghèo vượt khó trong học tập và có thành tích cao trong các cuộc thi, phong trào thi đua, các thủ khoa,... ngoài việc thành lập Quỹ khuyến học huy động từ nguồn vốn đóng góp của CBVC, hàng năm, Trường còn liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để huy động như Trung Tâm Anh Ngữ AMA-TIC, Ngân hàng Đông Á, Viettinbank, SHB, Bảo hiểm Bru điện, Công ty Bảo Việt,... để huy động, tìm kiếm các suất học bổng nhằm hỗ trợ, khen thưởng cho HSSV [8.3.04].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chính sách học bổng khuyến khích học tập cho HSSV theo đúng quy định của Nhà nước, tạo động lực phấn đấu trong học tập và rèn luyện của đa số học sinh, sinh viên trong trường.

3. Những tồn tại

Tuy nhiên, còn có một số học sinh sinh viên yếu kém, không có mục đích học tập đúng đắn, không có cố gắng trong học tập và rèn luyện gây ảnh hưởng không tốt tới tinh thần và kết quả phấn đấu chung của lớp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường nghiên cứu xây dựng chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo riêng cho các đối tượng, để một mặt vừa nâng cao cho HSSV cố gắng học tốt, vừa giáo dục uốn nắn vào khuôn khổ các HSSV chưa nghiêm túc trong học tập và rèn luyện tại trường.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân

1. Mô tả

Chức năng của nhà trường là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội.

Sứ mạng của nhà trường là cung cấp cho người học, cộng đồng xã hội dịch vụ đào tạo, nghiên cứu có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Do đó, Nhà trường tuyển sinh và đào tạo HSSV không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân [8.4.01]. HSSV khi tham gia học tại trường đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng như nhau. Đối với HSSV ở ký túc xá cần phải thực hiện nội quy chung của ký túc xá, không có trường hợp phân biệt hay ưu tiên nào [1.12.06].

Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà trường đều hướng tới HSSV nói chung, không có trường hợp phân biệt hay đối xử bất bình đẳng. Nhà trường luôn duy trì bình đẳng giới thông qua các hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ [8.4.02]. Các hoạt động của Ban này hướng tới hỗ trợ nữ giới trong Nhà trường, đối với HSSV thường chú trọng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới tính, sức khỏe sinh sản,...

2. Những điểm mạnh

Nhà trường tuyển dụng và tuyển sinh khắp mọi vùng miền đất nước, CB-GV và HSSV đa dạng thành phần nhưng đều tôn trọng lẫn nhau, chưa có trường hợp nào mâu thuẫn liên quan bất bình đẳng.

3. Những tồn tại

Vấn đề này trước nay không có tồn tại.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Vẫn giữ như trạng thái hiện nay, kiên quyết không thực hiện các quyết định tạo ra sự bất bình đẳng.

5. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

đ) Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học

1. Mô tả

Nhà ở, ký túc xá cho HSSV và các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học là vấn đề được lãnh đạo trường thường xuyên quan tâm. Nhà trường đã có 04 đơn nguyên Ký túc xá có tổng diện tích 3162 m², quy mô 63 phòng ở với hệ thống vệ sinh khép kín, đáp ứng nhu cầu ở và sinh hoạt cho 500 HSSV; ký túc xá có bố trí phòng tự học, xem tivi, sân bóng chuyền, sân cầu lông; Nhà khách có diện tích 1.488 m² với quy mô 29 phòng nghỉ, đáp ứng nghỉ ngơi cho khách vắng lai, cho cán bộ, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên có nhu cầu (xây năm 2012).

Năm 2014 Nhà trường đã cho sửa chữa lớn, nâng cấp khu K1 ký túc xá khang trang hiện đại. Các phòng ký túc có diện tích sử dụng hơn 30m², trong phòng được trang bị giường, tủ, bàn ghế; trong mỗi phòng có phòng vệ sinh riêng, tách biệt với bếp và phòng tắm; phòng vệ sinh có cửa sổ thông gió tự nhiên [8.5.01].

2. Những điểm mạnh

Ký túc xá nằm cạnh trường thuận lợi cho việc đi lại của HSSV. Chất lượng và hình thức của các hoạt động dịch vụ phục vụ phù hợp với khả năng tài chính của người học.

Hàng năm, nhà trường đều có thống kê, báo cáo về cơ sở vật chất, nhu cầu ở Ký túc xá của HSSV theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường có sự phối hợp tốt với quỹ nhà trọ trong các khu dân cư lân cận để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có chỗ ở thích hợp.

3. Những tồn tại

Ký túc xá hiện nay có ít HSSV ở. HSSV của trường hiện nay hầu hết là người địa phương, gần nhà, nên không có nhu cầu ở ký túc xá, số khác thì ở trọ xung quanh vì không có quản chế, toàn ký túc xá chỉ khoảng 150 HSSV. Ký túc xá ở cơ sở 2 đang trong dự án của tỉnh, chậm thực hiện,...

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Từ năm 2017, giao Đoàn Thanh niên quản lý ký túc xá để gần gũi và nắm bắt nhu cầu của HSSV tốt hơn, đồng thời xây dựng được các hoạt động thiết thực cho HSSV ngoài giờ lên lớp.

Sửa chữa bảo trì, cải tạo hệ thống điện, trang bị wifi, ... ký túc xá, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và học tập cho học sinh, sinh viên.

Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm tỉnh Phú Yên triển khai xây dựng Ký túc xá mới tại cơ sở 2.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

1. Mô tả

Nhà trường đã bố trí riêng 1 phòng chuyên dụng để thực hiện sơ cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV và CBVC toàn trường. Phụ trách phòng có biên chế 1 bác sĩ thường trực. Hàng năm, phòng y tế được kiểm tra trang bị bổ sung thiết bị, thuốc men, đảm bảo điều kiện hoạt động.

Người học được khám sức khỏe định kỳ vào đầu khóa học [8.6.01]. Nhà trường cũng rất quan tâm đến vấn đề chăm sóc sức khỏe của HSSV, hàng năm đều có các văn bản đề thông báo rộng rãi trong toàn trường về việc thực hiện vệ sinh, an toàn thực phẩm [8.6.02], phòng chống các bệnh truyền nhiễm. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tích cực triển khai thu tiền, hỗ trợ cho HSSV mua BHYT theo đúng quy định [8.6.03].

Trường có 1 căn tin để phục vụ ăn uống cho HSSV. Trong thời gian qua, từ 2014-2017 không có trường hợp ngộ độc thực phẩm nào xảy ra tại căn tin. Hàng năm, Nhà trường có triển khai các hoạt động kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và báo cáo cấp trên [8.6.04].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các dịch vụ để chăm sóc sức khỏe cũng như ăn uống cho HSSV, đảm bảo sức khỏe cho HSSV, an tâm HSSV cũng như gia đình trong suốt quá trình HSSV học tại trường.

3. Những tồn tại

HSSV chưa tham gia BHYT đầy đủ 100% nguyên nhân là HSSV chưa chú trọng vấn đề sức khỏe của bản thân, chưa hiểu hết ý nghĩa của BHYT.

Năm 2017, có phản ánh của HSSV về vệ sinh thực phẩm của căn tin không đảm bảo, phục vụ của căn tin chưa tốt. Nhà trường đã xử lý đối chất, lập biên bản, hủy hợp đồng và thay đổi người phụ trách theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong phục vụ HSSV.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường tuyên truyền về BHYT cho HSSV và gia đình, có giải pháp để HSSV tham gia BHYT đầy đủ theo đúng luật quy định như thu tiền BHYT lúc mới nhập học.

Chú ý hơn về hoạt động của căn tin, thường xuyên kiểm tra và khắc phục ngay, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không để trường hợp đáng tiếc xảy ra.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

g) Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường

1. Mô tả

Trong quá trình học tập, người học được sử dụng các trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của nhà trường như: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, câu lạc bộ bóng bàn,...Nhà trường tạo điều kiện thường xuyên để học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao do Trường và các cơ sở, cơ quan văn hóa trên địa bàn tỉnh Phú Yên tổ chức, và một số hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa, văn nghệ khác [8.7.01].

Các hoạt động này thu hút đông đảo HSSV tham gia và đạt được nhiều thành tích đáng kể, nhiều HSSV tiêu biểu được công nhận các danh hiệu thi đua trong học tập, được khen thưởng trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên.

Nhằm đảm bảo an toàn cho CBVC và người học trong khuôn viên trường, nhà trường đã rất chú trọng công tác an ninh trật tự. Từ năm 2014, nhà trường đã ký quy chế phối hợp với Công an phường 8, phường 9 về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường [8.7.02]; duy trì Tổ công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học, Trung đội tự vệ cơ quan, đội Thanh niên xung kích; hàng năm đều thực hiện tập huấn đội phòng cháy chữa cháy [8.7.03]; tăng cường tự vệ trực sẵn sàng nhiệm vụ vào các ngày lễ [8.7.04].

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, trường học an toàn về ANTT gửi cho các cơ quan chức trách [8.7.05]. Nhờ có nhiều biện pháp thiết thực nên trong thời gian qua không có xảy ra tai nạn hoặc mất trật tự trong khuôn viên trường.

2. Những điểm mạnh

Trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động văn hóa, thể thao liên tục được đầu tư và kiểm kê báo cáo hàng năm theo quy định. Diện tích sân bãi và hội trường đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. An ninh trong khuôn viên trường được đảm bảo.

3. Những tồn tại

Vì điều kiện về khả năng tài chính, trường chưa đầu tư xây dựng nhà tập đa năng, sân bóng đá, sân thể thao nhỏ và hội trường chuyên dùng để phục vụ các hoạt động, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo đúng tiến độ quy hoạch.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tổ chức còn ít và ngày càng vắng HSSV tham gia do thị hiếu của HSSV có nhiều điểm thay đổi mà Nhà trường chưa nắm bắt kịp nên nhiều chương trình hiện nay không còn thu hút được HSSV, mặt khác các kênh thông tin đến HSSV hiệu quả chưa cao nên chưa truyền tải khắp các chương trình nhà trường tổ chức.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nắm bắt và thay đổi từ hình thức đến nội dung các chương trình, hoạt động,...để thu hút HSSV. Tăng cường các kênh thông tin phù hợp với HSSV để mang lại hiệu quả như mạng xã hội,...

5. Tự đánh giá: 1 điểm

h) Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

1. Mô tả

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và các hình thức hỗ trợ người học được nhà trường đặc biệt quan tâm. Từ đầu năm 2013, Nhà trường đã ra Quyết định thành lập Phòng Tuyển sinh và giới thiệu việc làm để tập trung cho công tác quan hệ doanh nghiệp, tạo điều kiện cho HSSV trong vấn đề liên hệ nơi thực tập, và cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Trong thời gian qua, bộ phận này phối hợp được rất nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, tìm kiếm được trên hàng nghìn vị trí việc làm [8.8.01]; tổ chức thành công nhiều hội chợ việc làm, hội nghị tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV [8.8.02].

2. Những điểm mạnh

Đã thực hiện được khâu quan trọng trong đào tạo đó là tìm được đầu ra cho HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường.

3. Những tồn tại

Mặc dù các công việc được đăng tải công khai, miễn phí nhưng rất ít học sinh, sinh viên đăng ký các lý do gần như đều xoay quanh vấn đề là ngại đi làm ngoài tỉnh, thứ hai là ngại thay đổi công việc nhiều lần.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp và đưa vào dạy kỹ năng sống về tự tin lập nghiệp. Cần tìm hiểu, nắm bắt rồi chọn lọc giới thiệu các công việc gần với mong ước của HSSV hơn.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

i) Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng

1. Mô tả

Nhằm thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho HSSV, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm quan hệ với các doanh nghiệp để tìm kiếm và giới thiệu việc làm cho HSSV. Hàng năm số việc làm Phòng này giới thiệu cho HSSV lên tới hàng ngàn công việc sau khi ra trường và hàng trăm công việc bán thời gian vừa làm vừa học. Bên cạnh đó, Phòng tư vấn triển khai hội chợ việc làm ngay tại trường để tạo cơ hội gặp mặt giữa đại diện doanh nghiệp và HSSV cùng trao đổi thông tin về vị trí việc làm trực tiếp tuyển dụng ngay tại chỗ [8.9.01]. Điều này giúp ích rất nhiều cho HSSV khi chuẩn bị ra trường còn bỏ ngỡ trong vấn đề tìm kiếm, xin việc.

Hàng năm nhà trường đều thực hiện thống kê và báo cáo kết quả thực hiện công tác giới thiệu việc làm theo đúng quy định [8.9.02].

2. Những điểm mạnh

Hội chợ việc làm thực hiện trong những năm qua tuy số lượng giao dịch còn ít nhưng vẫn có kết quả, thông qua hội chợ việc làm, các bên tham gia đều có lợi, doanh nghiệp có lợi, HSSV có lợi, nhà trường có lợi. Chương trình này cần được duy trì và đầu tư tổ chức ngày càng chuyên nghiệp hơn.

3. Những tồn tại

Nhiều doanh nghiệp tham gia hội chợ không tuyển dụng được do chưa thu hút, hấp dẫn và thuyết phục được đối tượng tìm hiểu xin việc.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Cần nghiên cứu nhiều hơn về nhu cầu tìm kiếm việc làm của HSSV để mời các công việc phù hợp từng đợt hội chợ, tránh mời đại trà gây lãng phí xã hội.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

*** Mở đầu**

Đánh giá và giám sát chất lượng là khâu rất quan trọng trong việc cung cấp dữ liệu để có cơ sở cải tiến quá trình tổ chức đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ cho HSSV.

Nhà trường đã thành lập Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học, bộ phận quan hệ doanh nghiệp của Phòng đào tạo thường xuyên nhằm kết nối thông tin giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động, thu thập thông tin về thị trường lao động, thu thập ý kiến góp ý của các công ty, doanh nghiệp về CTĐT, về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của HSSV, tỷ lệ HSSV ra trường có việc làm. Nhà trường còn tổ chức tốt hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong, hoạt động thu thập ý kiến của HSSV đang theo học tại trường, ý kiến của CBVC về các mặt hoạt động của trường được tổ chức thường xuyên nhằm đảm bảo thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở.

*** Những điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động nhằm giám sát và đánh giá chất lượng, kết hợp đánh giá nội bộ với thu thập ý kiến từ các đơn vị sử dụng lao động. Triển khai thực hiện tốt các hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường.

*** Những tồn tại**

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học gặp phải một số khó khăn, do HSSV chưa ý thức được ý nghĩa của hoạt động này, do đó chưa cung cấp thông tin một cách nghiêm túc và trung thực.

Các ý kiến phản hồi của HSSV chưa được mã hóa và theo dõi, đối chiếu, đánh giá qua nhiều năm để đảm bảo tính hiệu quả của việc lấy ý kiến phản hồi. Vẫn còn một số ít công ty, doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến hoạt động này.

Chưa xây dựng hệ thống khảo sát để khảo sát tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc cải tiến thông qua kết quả tự đánh giá. Thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng theo quy định, tăng cường

hợp tác với các công ty, doanh nghiệp trong việc giải quyết việc làm, thu thập ý kiến của CBVC, doanh nghiệp và HSSV.

a) Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động

1. Mô tả

Nhu cầu có việc làm đối với HSSV khi mới tốt nghiệp ra trường là rất cần thiết. Vì vậy, công tác tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm đóng một vai trò vô cùng quan trọng nhằm giúp cho HSSV nắm bắt được cơ hội tiếp cận với ngành nghề phù hợp.

Do đó, Nhà trường đã xây dựng chương trình Hội chợ việc làm cho học sinh, sinh viên số 183/CT-CĐCN-TS>VL, ngày 22/4/2015 với mục đích mời các đơn vị tham gia tư vấn, tuyển dụng. Và kế hoạch số 287/KH-CĐCN-HN&TVVL, ngày 18/3/2016 về việc Hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm 2016, kế hoạch số: 131/KH-CĐCN-HN&TVVLSV, ngày 07/3/2017 về việc hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm học 2016-2017 [9.1.01]. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, cũng như đáp ứng nhu cầu tuyển dụng nhân sự của doanh nghiệp, Bộ phận quan hệ doanh nghiệp của Phòng đào tạo thường xuyên đã thống kê số lượng HSSV tốt nghiệp có nhu cầu tìm kiếm việc làm [9.1.02], và tiến hành tổng hợp danh sách HSSV của trường được giới thiệu đến các công ty, doanh nghiệp tuyển dụng [9.1.03].

Bên cạnh nhằm khẳng định thương hiệu của trường về chất lượng đào tạo, nhà trường tiến hành khảo sát thu thập ý kiến 18 đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh về chất lượng đào tạo của trường [9.1.04]. Kết quả thu thập ý kiến vừa phù hợp với năng lực, sở thích, phẩm chất, vừa phù hợp với nhu cầu xã hội; một mặt giúp cho các nhà tuyển dụng lựa chọn được nguồn nhân lực lao động dồi dào do nhà trường đã và đang đào tạo. Ngoài ra, hàng năm đã tiến hành tổng kết công tác Hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV [9.1.05].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức khảo sát và có đầy đủ cơ sở dữ liệu về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của HSSV do trường đào tạo làm việc tại các đơn vị.

3. Những tồn tại

Vẫn còn một số ít công ty, doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến hoạt động này.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm 2018, nhà trường sẽ tiếp tục khảo sát ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của HSSV tốt nghiệp để điều chỉnh hoạt động đào tạo của nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

b) Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động

1. Mô tả

Nhà trường quy định trách nhiệm của tất cả các thành viên trong toàn trường phải tham gia đóng góp ý kiến cho các mặt hoạt động từ chiến lược, kế hoạch và chế độ chính sách,... trong quy chế dân chủ cơ sở [1.3.05]. Trước khi ban hành chế độ chính sách liên quan đến hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH,...đều có sự tham gia góp ý của tất cả các bộ phận [9.2.01]. Việc tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng được quy định cụ thể trong các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 [9.2.02] và có sự cải tiến hàng năm (nếu có ý kiến góp ý).

Việc xây dựng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, đánh giá phân loại CBCV, bổ nhiệm,... đều được đưa ra lấy ý kiến tùy theo phạm vi và quy mô [9.2.03]. Các chế độ chính sách lớn liên quan đến quyền và lợi ích của toàn trường được phổ biến và lấy ý kiến công khai của tất cả các thành viên thông qua Hội nghị CBCV hàng năm [9.2.04].

2. Những điểm mạnh

Các chính sách liên quan đến dạy và học, NCKH, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBCV được nhà trường tổ chức lấy ý kiến 100% CBVC.

3. Những tồn tại

Không

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp giữa Ban giám hiệu và các tổ chức đoàn thể trong việc thu thập lấy ý kiến toàn trường trước khi ban hành. Giao phòng QLCL&NCKH nghiên cứu hình thức lấy ý kiến phản hồi của CBVC về việc thực hiện các chính sách nêu trên.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

c) Tiêu chuẩn 9.3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường

1. Mô tả

Để thu thập ý kiến đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học, nhà trường đã ban hành quyết định số 257/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 08/4/ 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giáo viên, giảng viên [9.3.01].

Từ năm 2015 nhà trường đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 trong đó có quy trình thu thập thông tin, giải quyết khiếu nại & đánh giá thỏa mãn khách hàng [9.3.02]. Hàng năm Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học đã xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người học về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, kỹ năng thực hành và cơ sở vật chất của trường,...[1.11.04]. Việc khảo sát được thực hiện bằng phiếu câu hỏi [9.3.03].

Trong quá trình đào tạo, nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của HSSV về thực hiện nhiệm vụ dạy học, phương pháp, kiểm tra đánh giá của 80% giảng viên, giáo viên tham gia giảng dạy.

Kết quả khảo sát được tổng hợp 01 lần/năm với số lượng HSSV khảo sát trên 90%/tổng số HSSV. Kết quả của các hoạt động này được thể hiện trong các báo cáo mức độ hài lòng của người học hàng năm về nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, kỹ năng thực hành và cơ sở vật chất, công tác phục vụ của trường [9.3.04]. Đối với việc thực hiện chính sách liên quan đến HSSV, nhà trường đã thực hiện đầy đủ các quy định về chính sách dành cho HSSV, Ngoài ra hàng năm Hiệu trưởng còn gặp gỡ và đối thoại với HSSV để nghe ý kiến của các em về các chế độ chính sách của nhà trường [9.3.05].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã tiến hành thu thập ý kiến đánh giá của HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện đầy đủ chính sách liên quan đến HSSV của trường.

3. Những tồn tại

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học gặp phải một số khó khăn, do HSSV chưa ý thức được ý nghĩa của hoạt động này, do đó chưa cung cấp thông tin một cách nghiêm túc và trung thực. Các ý kiến phản hồi của HSSV chưa được mã hóa và theo dõi, đối chiếu, đánh giá qua nhiều năm để đảm bảo tính hiệu quả của việc lấy ý kiến phản hồi.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc lấy ý kiến phản hồi của HSSV.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

d) Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định

1. Mô tả

Căn cứ công văn số 1845/TCDN-KĐCL ngày 24/7/2017 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017 [9.4.01] và Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp [9.4.02], và quyết định số 488/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 22/8/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa [9.4.03], nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường [9.4.04] và ban hành kế hoạch tự đánh giá [9.4.05].

Hội đồng đã triển khai tập huấn cho các nhóm chuyên trách, nội dung tập huấn bao gồm: tập hợp phân tích minh chứng, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn và thông qua kết quả tự đánh giá của các nhóm chuyên trách, biên tập tổng thể báo cáo tự đánh giá,...tất cả thực hiện theo quy trình tự đánh giá trường cao đẳng (QT-QL-05) [9.4.06].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

3. Những tồn tại

Sự phối hợp giữa các bộ phận phòng, khoa, trung tâm trong việc triển khai công tác tự đánh giá chưa đồng bộ, tiến độ thực hiện còn chậm. Đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng thiếu về kinh nghiệm, do vậy chưa triển khai thường xuyên các hoạt động đánh giá nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Bên cạnh đó do số lượng tiêu chí, tiêu chuẩn và minh chứng nhiều nên công tác biên tập tổng thể Báo cáo tự đánh giá chậm so với quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Từ năm 2018 nhà trường sẽ xây dựng đội ngũ cộng tác viên đảm bảo chất lượng tại các đơn vị trong trường, nhằm chuyên môn hóa công việc, duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của trường và triển khai công việc theo đúng kế hoạch tiến độ.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

đ) Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có

1. Mô tả

Từ cuối năm 2014, sau khi được Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD cập nhật vào danh sách các trường đại học, cao đẳng nộp báo cáo tự đánh giá lần 2 giai đoạn 2010 – 2013 [9.5.01], [9.5.02], với mục tiêu nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong giai đoạn 2014- 2017 [9.5.03].

Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2015, 2016, 2017 [9.5.04], báo cáo Bộ GD&ĐT, Vụ phát triển nguồn nhân lực -Bộ Công Thương và phổ biến đến từng khoa, từng cán bộ giảng dạy và các đơn vị có liên quan trong nhà trường để phối hợp thực hiện. Căn cứ kế hoạch hàng năm đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch. Cuối năm học có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm tới và đồng thời thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các báo cáo liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [9.5.05].

Ngoài ra, nhà trường còn được Trung tâm chứng nhận phù hợp (Qatechnic) định kỳ đánh giá giám sát 01 lần/năm nhằm đánh giá hiệu lực của việc duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 [9.5.06], kết quả đánh giá giám sát làm căn cứ làm căn cứ để nhà trường cải tiến các mặt hoạt động [9.5.07].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện triển khai kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2014- 2017 đảm bảo nội dung và thực hiện đúng tiến độ. Đồng thời duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, gắn công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm với việc thực hiện mục tiêu chất lượng.

3. Những tồn tại

Vẫn còn một số ít CBVC chưa thực sự hiểu rõ về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc cải tiến chất lượng thông qua kết quả tự đánh giá.

5. Tự đánh giá: 1 điểm

e) Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp

1. Mô tả

Từ năm 2016, nhà trường đã thành lập Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên trên cơ sở tách từ Phòng tuyển sinh và giới thiệu việc làm theo quyết định số 162/QĐ-CĐCN – TCHC ngày 17/02/2016. Ngày 05/10/2016 nhà trường đã ban hành quyết định số 1160/QĐ-CĐCN – TCHC, về việc quy định chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên. Trong đó có quy định khảo sát, thống kê về việc làm của người học sau khi tốt nghiệp [9.6.01]. Ngày 26/7/2017 nhà trường đã ban hành quyết định số 353/QĐ-CĐCN – TCHC về việc thành lập Phòng đào tạo thường xuyên trên cơ sở sáp nhập Phòng tuyển sinh, trung tâm thông tin- thư viện và Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên [9.6.02].

Để đánh giá tình hình HSSV ra trường có việc làm, nhà trường đã ban hành Quy trình hướng nghiệp việc làm cho HSSV, trong đó quy định việc lập kế hoạch thống kê, khảo sát tỷ lệ HSSV có việc làm [9.6.03]. Căn cứ vào số lượng HSSV dự kiến tốt nghiệp hàng năm, tiến hành phát phiếu triệu tra về nhu cầu cần hỗ trợ việc làm và tổng hợp danh sách HSSV tốt nghiệp có nhu cầu tìm kiếm việc làm [9.1.02], và tổng hợp danh sách HSSV của trường được giới thiệu đến các công ty, doanh nghiệp tuyển dụng [9.1.03] và khảo sát dành cho cựu HSSV của trường [9.6.04].

Các thông tin khảo sát được tổng hợp trong các báo cáo thống kê HSSV ra trường có việc làm hàng năm [9.1.05]. Thông tin khảo sát còn bao gồm tình hình HSSV làm đúng ngành nghề và không đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập bình quân của HSSV và thống kê HSSV tự tạo việc làm. Năm học 2015 -2016 số lượng HSSV tốt nghiệp 956 (trong đó số lượng vị trí việc làm cần tuyển của các công ty, doanh nghiệp 1154 vị trí; số HSSV cần nhu cầu tìm việc 291 em; số HSSV tự tạo được việc làm 668 em). Qua thống kê số HSSV tốt nghiệp và tỷ lệ HSSV ra trường sau 06 tháng có việc làm phù hợp với chuyên ngành đạt trên 86,4%, số HSSV chưa tìm được việc làm phù hợp 7,51%. Năm học 2016 -2017 số lượng HSSV tốt nghiệp 639; số lượng vị trí việc làm 2484 vị trí; tỷ lệ HSSV có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt 94,8%.

Qua phân tích cho thấy tỷ lệ HSSV của trường sau khi tốt nghiệp tìm kiếm việc làm tương đối cao. Tuy nhiên chưa khảo sát được tỷ lệ 80% HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường tiến hành liên kết với các công ty, doanh nghiệp trong việc giới thiệu việc làm và tuyển dụng cho HSSV và tổ chức khảo sát tình hình HSSV có việc làm, có hệ thống, đồng bộ và dữ liệu HSSV tốt nghiệp có việc làm và làm việc đúng/gần đúng/trái ngành, nghề, thu nhập bình quân và thống kê HSSV ra trường tự tạo việc làm cho bản thân được thống kê đầy đủ.

3. Những tồn tại

Chưa xây dựng hệ thống khảo sát để khảo sát tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục liên kết với các doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp và tiến hành xây dựng hệ thống khảo sát đánh giá hàng năm.

5. Tự đánh giá: 0 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP TUY HÒA

1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Tiếp tục rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2017 – 2022 và tầm nhìn đến năm 2035, xây dựng 09 chương trình hành động để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường.

2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Xây dựng mạng lưới làm công tác tuyển sinh từ trường đến các cơ sở giáo dục đào tạo trong tỉnh, nâng cao hiệu quả công tác quản lý có chất lượng bằng phần mềm quản lý đào tạo trong quá trình thực hiện các quy trình đào tạo.

3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Tiếp tục nghiên cứu cải tiến các biện pháp nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan trong tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại CBVC, thực hiện tốt QCDCCS và thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ đối với CBVC theo quy định. Tiếp tục lập kế hoạch và cử giáo viên, giảng viên dạy thực hành, dạy tích hợp tham gia các kỳ thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. Đẩy mạnh hoạt động liên kết với doanh nghiệp, tạo điều kiện cho giáo viên, giảng viên tham gia tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp.

4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Tiếp tục thực hiện cập nhật chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội, nghiên cứu cải tiến về nội dung và hình thức tham khảo ý kiến của doanh nghiệp về chương trình đào tạo, nghiên cứu cải tiến các hình thức đưa giáo viên, giảng viên đi thực tế tại các công ty, doanh nghiệp. Xây dựng và triển khai các đề án đào tạo các nghề được Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội phê duyệt như: Nghề quốc tế, ASEAN và quốc gia. Tổ chức hoạt động khảo sát lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, giáo viên, giảng viên, cựu học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo để bổ sung, phát triển cải tiến.

Xây dựng kế hoạch và triển khai rà soát, thẩm định các bài giảng, giáo trình theo quy định của Bộ LĐTBXH. Triển khai xây dựng hệ thống E- learning để phát huy tích cực chủ động của người học.

5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong việc đưa HSSV thực hành thực tập đối với các phần thực hành cần thiết bị có yêu cầu kỹ thuật cao. Nghiên cứu xây dựng hệ thống định mức kinh tế-kỹ thuật đối với các ngành, nghề đào tạo. Triển khai thực hiện công tác 5S, đầu tư mua sắm trang thiết bị để đáp ứng các ngành, nghề quốc tế và khu vực.

6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục trong lĩnh vực NCKH phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường, thực hiện các đề tài, sáng kiến ứng dụng thực tiễn, đổi mới công nghệ.

7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo cấp trên để bổ sung vào QCCTNB. Thực hiện công tác tự kiểm tra và công khai tài chính để CBVC kiểm tra, giám sát.

8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Tiếp tục duy trì và cải tiến hoạt động cung cấp thông tin cho HSSV, làm tốt hơn nữa việc thực hiện chế độ chính sách dành cho HSSV, tiếp tục vận động để mở rộng nguồn học bổng dành cho HSSV nghèo học giỏi, vận động quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp. Thành lập các câu lạc bộ TDDT, VHVN để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt giải trí của HSSV.

9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc cải tiến thông qua đánh giá. Thực hiện tốt công tác ĐBCL theo quy định, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong việc giải quyết việc làm cho HSSV.

PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng trường năm 2017; Hội đồng tự đánh giá Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đã tuân thủ theo Quy trình tự kiểm định chất lượng dạy nghề được quy định tại Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 1845/TCDN-KĐCL, ngày 24/7/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định để rà soát các hoạt động của trường, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó từng bước khắc phục và phát huy những ưu thế của trường. Xem công tác tự đánh giá là một nhân tố không thể thiếu được trong sự phát triển của của nhà trường, là động lực để trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển.

II. KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp: Triển khai tập huấn công tác KĐCLGDNN cho các trường;

Cải tiến hệ thống các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo hướng tinh gọn, nhất là các minh chứng để tránh chồng chéo nhau giữa các tiêu chuẩn;

Quan tâm tiếp cận chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giảng viên để sớm đạt chuẩn trường chất lượng cao./.

Phú Yên, ngày 15 tháng 12 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí và đóng dấu)

Trần Kim Quyên

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011- 2015, tầm nhìn đến năm 2020, số 283/TTr-CĐCN ngày 31/5/2011 Quyết định số 514/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 05/9/2017 về việc ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2017 -2022 và tầm nhìn 2035
2	1	1	1.1.02		Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa
3	1	1	1.1.03		www.tic.edu.vn
4	1	1	1.1.04		Quyết định số:7040/QĐ-BCT ngày 30/12/2011 Phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực ngành Công Thương giai đoạn 2011 -2020
5	1	1	1.1.05		Quyết định số:789/QĐ-BCT ngày 22/01/2014 Phê duyệt đề án "Tổ chức, sắp xếp các cơ sở đào tạo thuộc Bộ đến năm 2020"
6	1	1	1.1.06		Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XVI
7	1	1	1.1.07		Văn kiện đại hội Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015 -2020
8	1	1	1.1.08		Quyết định số 15/2007/QĐ-BCN ngày 26/03/2007 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường

9	1	1	1.1.09		Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017 về việc ban hành quy chế tổ chức và quản lý của trường
10	1	1	1.1.10		Quyết định số 708/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 22/10/2013 ban hành quy chế làm việc của trường
11	1	2	1.2.01		Trích biên bản họp Hội đồng khoa học và Đào tạo phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực và xác định chỉ tiêu tuyển sinh
12	1	2	1.2.02		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 201/2017/GCN ĐKHD-TCDN ngày 29/6/2017 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 43/2010 ngày 30/8/2017
13	1	2	1.2.03		Bảng tổng hợp nhu cầu tuyển dụng lao động của nhà tuyển dụng các năm 2016, 2017.
14	1	3		1.1.02	Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa
15	1	3		1.1.09	Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường
16	1	3		1.1.10	Quyết định số 708/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 22/10/2013 ban hành quy chế làm việc của trường
17	1	3	1.3.01		Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm năm 2009, năm 2016 và năm 2017
18	1	3	1.3.02		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2014, 2016, 2017: Ban hành theo Quyết định số 224/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 31/3/2014, số 230/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 01/3/2016, số 283/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 31/5/2017

19	1	3	1.3.03		Quy chế thi đua, khen thưởng năm 2015 và 2016 ban hành theo Quyết định số 132/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 12/02/2015 và Quyết định số 562/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 23/5/2016
20	1	3	1.3.04		QĐ về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động trường CĐCN Tuy Hòa năm 2016, QĐ số 687/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 27/6/2016
21	1	3	1.3.05		Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường trường (396/QĐ-CĐCN-TTr, ngày 02/6/2015, Trường CĐCN Tuy Hòa
22	1	3	1.3.06		Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc trường CĐCN Tuy Hòa năm 2014, QĐ số 861/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 26/11/2014
23	1	3	1.3.07		Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên năm 2015 và 2017, QĐ số 319/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 05/5/2015 và QĐ số 520/QĐ-CĐCN-QLĐT ngày 08/9/2017
24	1	3	1.3.08		Quy định nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động của trường, ban hành theo Quyết định số 774/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 19/11/2013
25	1	4	1.4.01		Quyết định số 11770/QĐ-BCT, ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Tổng cục, Cục và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; Quyết định số 4805/QĐ-BCT, ngày 26/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định tạm

					thời thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Tổng Cục, Cục và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.
26	1	4		1.1.09	Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường
27	1	4		1.3.01	Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm năm 2009, năm 2016 và năm 2017
28	1	4	1.4.02		Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu năm 2015 và 2016: Quyết định số 142/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 26/02/2015 và Quyết định số 466/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 12/5/2016
29	1	5		1.1.09	Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường
30	1	5	1.5.01		Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Ban, Trung tâm, Khoa và Bộ môn thuộc trường, ban hành theo Quyết định số 242/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 01/4/2015
31	1	6	1.6.01		Quyết định thành lập hội đồng khoa học và đào tạo năm 2014, 2015, 2016: Quyết định số 158/QĐ-CĐCN-QLKH ngày 04/3/2014, số 93/QĐ-CĐCN-QLKH ngày 27/01/2015, số 187/QĐ-CĐCN-QLKH ngày 23/02/2016
32	1	6	1.6.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2014, 2015 và 2017: Quyết định số 613/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 20/8/2014, số 433/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 25/5/2015 và số 136/QĐ-CĐCN-TS ngày 14/3/2017
33	1	6	1.6.03		Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng năm 2014, 2015, 2016: Quyết định số 182/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 12/3/2014, số 533/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 07/8/2015 và số 04/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 05/01/2016

34	1	6	1.6.04		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2014, 2015, 2016: Quyết định số 68A/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 12/02/2014, số 189/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 17/02/2015, số 1254/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 03/11/2016
35	1	6	1.6.05		Quyết định thành lập Hội đồng lương năm 2014, 2015, 2016, 2017: Quyết định số 167/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 06/3/2014, số 194/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 17/3/2015, số 128/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/3/2017 và số 674/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 23/6/2016
36	1	6		1.1.09	Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường
37	1	6	1.6.06		Báo cáo tổng kết năm học 2015- 2016 và phương hướng năm học 2016 – 2017. Báo cáo tổng kết năm học 2016- 2017 và phương hướng năm học 2017 – 2018
38	1	7	1.7.01		Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, về việc quy định Điều lệ trường cao đẳng
39	1	7		1.5.01	Quyết định số: 242/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 01/04/2015, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường
40	1	7	1.7.02		Quyết định số: 673/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 29/9/2015, ban hành và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008
41	1	7	1.7.03		Kế hoạch số 18/KH-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 11/01/ 2017 về việc chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015
42	1	7	1.7.04		Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2015, 2016, 2017 số 103/KH-CĐCN- TTr&KĐ ngày 09/03/2015; số 167/KH-CĐCN- TTr&KĐ ngày

					17/02/2016; số 104/KH-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 24/02/2017
43	1	7	1.7.05		-Báo cáo công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2015, 2016 số 507/BC-CĐCN- TTr&KĐ ngày 12/11/2015; số 1561/BC-CĐCN- TTr&KĐCLGD ngày 29/12/2016 - Báo cáo công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2017
44	1	7	1.7.06		Chính sách chất lượng của trường năm 2015, 2016, 2017; số 981 ^A /QĐ-CĐCN-TTr&KĐ CLGD ngày 05/9/2016 số 521/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 11/9/2017
45	1	7	1.7.07		Mục tiêu chất lượng của trường năm 2015, 2016, 2017; số 980 ^A /QĐ-CĐCN-TTr&KĐ CLGD ngày 05/9/2016 số 539/QĐ-CĐCN-QLCL&N CKH ngày 15/9/2017
46	1	7	1.7.08		Mục tiêu chất lượng của các đơn vị năm 2016, 2017; số 1123 ^A /QĐ-CĐCN-TTr&KĐ CLGD ngày 28/9/2016 số 607/QĐ-CĐCN-QLCL&N CKH ngày 05/10/2017
47	1	7	1.7.09		Kế hoạch đánh giá hệ thống quản lý chất lượng năm 2015,2016,2017 do Công ty TNHH tư vấn công nghệ quản lý quốc tế thực hiện
48	1	7	1.7.10		Báo cáo kết quả đánh giá hệ thống quản lý chất lượng năm 2015,2016,2017
49	1	8	1.8.01		Quyết định số 623/QĐ/CĐCN-TCHC ngày 12/10/2010 về việc thay đổi phòng Thanh tra
50	1	8	1.8.02		Quyết định số 354/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 26/7/2017 về việc thành lập Phòng QLCL& NCKH
51	1	8	1.8.03		Danh sách CBVC của Phòng QLCL&NCKH

52	1	8	1.7.04	Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2015, 2016, 2017 số 103/KH-CĐCN- TTr&KĐ ngày 09/03/2015; số 167/KH-CĐCN- TTr&KĐ ngày 17/02/2016; số 104/KH-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 24/02/2017
53	1	8	1.8.04	Báo cáo hội nghị CBVC của Phòng năm 2015, 2016, 2017
54	1	9	1.9.01	Báo cáo Đội ngũ đảng viên Đảng bộ Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa năm 2017
55	1	9	1.9.02	Quyết định thành lập các chi bộ trực thuộc của Đảng ủy Trường CĐCN Tuy Hòa; Quyết định thay đổi tên các chi bộ (Số Số 103-QĐ/ĐU ngày 25/01/2016 ; Số 105-QĐ/ĐU ngày 25/01/2016; Số 73,74,75,76, 77,78-QĐ/ĐU ngày 26/7/2017)
56	1	9	1.9.03	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ trường nhiệm kỳ 2015-2020 của Thành ủy Tuy Hòa (Số 3097-QĐ/TU ngày 04/06/2015)
57	1	9	1.9.04	Quy chế làm việc của BCH Đảng ủy Trường nhiệm kỳ 2015-2020 (Số 09 ^A -QĐ-ĐU, ngày 10/6/2015; Số 16-QĐ/ĐU ngày 20/20/2017)
58	1	9	1.9.05	Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Trường nhiệm kỳ 2015-2020 (Số 09B-QĐ-ĐU, ngày 10/6/2015 của Đảng ủy Trường CĐCN Tuy Hòa
59	1	9	1.9.06	Phân công nhiệm vụ trong Đảng ủy nhiệm kỳ 2015-2020 (Số 05-TB/ĐU ngày 08/6/2015; Số 14-TB-ĐU ngày 02/2/2017).
60	1	9	1.9.07	Chương trình kiểm tra giám sát của Đảng ủy (Số 108-Ctr/ĐU, ngày 27/01/2016; Số 06-Ctr/ ĐU, ngày 23/01/2017)
61	1	9	1.9.08	Báo cáo kết quả thực hiện của UBKT Đảng ủy Trường CĐCN Tuy Hòa (Số 180-BC/ĐU-UBKT, ngày 18/10/2016; Số 126-BC/ĐU ngày 29/3/2016; Số 52-BC/ĐU/UBKT ngày 02/6/2017; Số 41-BC/ĐU/UBKT ngày 28/4/2017; Số 117-

					BC/ĐU/UBKT ngày 26/10/2017)
62	1	9	1.9.09		KH thực hiện NQTW11 (Khóa XI) (Số 15-KH/ĐU, ngày 01/7/2015)
63	1	9	1.9.10		Kế hoạch học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết TW 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ (Số 15A-KH/ĐU, ngày 15/2/2017; Số: 80-KH/ĐU, ngày 01/8/2017)
64	1	9	1.9.11		Kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 (khóa XII) (Số: 82- KH/ĐU, ngày 04/8/2017)
65	1	9	1.9.12		Kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết TW6 (khóa XII) (Số: 82- KH/ĐU, ngày 04/8/2017)
66	1	9	1.9.13		KH tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của BCH Đảng ủy Trường (Số 403-KH-ĐU ngày 17/3/2015; Số 206-KH/ ĐU ngày 09/12/2016; Số 221-KH/ĐU ngày 21/12/2016; Số 01-KH/ĐU ngày 09/01/2017; Số 21-TB/ĐU ngày 14/3/2017; Số 48-TB/ĐU ngày 25/05/2017; Số 2017-TB/ĐU ngày 09/12/2017).
67	1	9	1.9.14		Thông báo việc sưu tầm, giới thiệu mẫu chuyện về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh (Số 110-TB/ĐU ngày 28/9/2017)
68	1	9	1.9.15		Nghị quyết họp Đảng ủy hàng tháng
69	1	9	1.9. 16		Quyết định kết nạp đảng năm 2015, 2016,2017
70	1	9	1.9.17		Hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá phân loại TCCCS, đảng viên hàng năm Đảng ủy Trường CDCN Tuy Hòa (Số 81-HD/ĐU ngày 30/11/2015; Số 195-HD/ĐU ngày 04/11/2016; Số 136-HD/ĐU ngày 04/11/2017
71	1	9	1.9.18		Quyết định công nhận chất lượng chi bộ và đảng viên hàng năm Đảng ủy Trường

					CĐCN Tuy Hòa (Số 03/QĐ-ĐU ngày 16/01/2017, Số 151/QĐ-ĐU ngày 22/12/2017)
72	1	9	1.9.19		Quyết định khen thưởng chi bộ và đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm Đảng ủy Trường CĐCN Tuy Hòa (Số 99/QĐ-ĐU ngày 14/01/2015; Số 04/QĐ-ĐU ngày 16/01/2017, Số 159-QĐ/ĐU ngày 25/12/2017)
73	1	9	1.9.20		Đề án Quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ 2020-2025 (Số 125-ĐA/ĐU ngày 24/3/2016); Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 (Số 125-TTr/ĐU ngày 24/3/2016; Số 32-TTr/ĐU ngày 11/4/2017)
74	1	9	1.9.21		Quyết định về việc phân công Các chi bộ phụ trách đoàn thể (Số 104-QĐ/ĐU ngày 25/01/2016)
75	1	9	1.9.22		Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của Đảng ủy Trường CĐCN Tuy Hòa (Số 82-BC/ĐU ngày 30/11/2015; Số 194-BC/ĐU ngày 31/10/2016; Số 149-BC/ĐU ngày 19/12/2017;
76	1	9	1.9.23		Các QĐ công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh của Thành ủy Tuy Hòa (Số 384/QĐ-TU, 29/01/2016; Số 1149/QĐ-TU, 28/02/2017)
77	1	9	1.9.24		Quyết định Khen thưởng CB trực thuộc ĐBCS đạt "trong sạch, vững mạnh" tiêu biểu 5 năm liền và ĐV "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" 5 năm liền 2011 – 2015 (QĐ số 499-QĐ/TU, 11/04/2016 của Thành ủy Tuy Hòa)
78	1	9	1.9.25		Các Quyết định khen thưởng của tập thể Trường 2015, 2016, 2017 -Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Thương 2015, 2016 (QĐ số 11677/QĐ-BCT, ngày 27/10/2015; Số 4097/QĐ-BCT, ngày 12/10/2016). - Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Phú Yên (Số 1884/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương (QĐ số 3491/QĐ-BCT,

					ngày 30/9/2016; số 3979/QĐ-BCT ngày 18/10/2017) - Cờ thi đua xuất sắc của Chủ tịch UBND Tỉnh Phú Yên (QĐ 1804/QĐ-UBND ngày 14/9/2017)
79	1	10	1.10.01		Quyết định Công nhận BCH, Ủy ban kiểm tra Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022 (Số 86/QĐ-CĐCT ngày 17/04/2017)
80	1	10	1.10.02		Quy chế về phối hợp hoạt động giữa BCH Công đoàn và Hiệu trưởng (Số 07/QC/CĐCN-CĐ, 14/9/2012 của Công đoàn Trường CĐCN Tuy Hòa)
81	1	10	1.10.03		Quy chế làm việc của BCH Công đoàn trường nhiệm kỳ (Số 06/QC/CĐCN-CĐ, ngày 12/9/2012; Số 06A/QĐ-CĐC ngày 03/04/2017 của Công đoàn Trường CĐCN Tuy Hòa)
82	1	10	1.10.04		Quy định Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của CBVC Trường (QĐ số 206/QĐ/CĐCN-TCHC ngày 27/3/2012)
83	1	10	1.10.05		Kế hoạch đăng ký “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” của Công đoàn Trường CĐCN Tuy Hòa (Số: 219/KH/CĐCN-CĐ, 30/3/2015)
84	1	10	1.10.06		Kế hoạch thi đua ngắn ngày (Số 43/HD-CĐCN-TĐKT ngày 26/01/2015; Số 22/HD-CĐCN-TĐKT ngày 07/01/2016; Số 99/HD-CĐCN-TĐKT ngày 22/02/2017.
85	1	10	1.10.07		Kế hoạch thi đua năm học 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018-2103 (Số 454/KH/CĐCN-CĐ, ngày 12/8/2014; Số 349/KH/CĐCN-CĐ, ngày 04/8/2015; Số 863/KH/CĐCN-CĐ, ngày 01/8/2016)
86	1	10	1.10.08		Các Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào (Số 199B/KH-CĐCN ngày 26/01/2015; Số 337/KH-CĐCN ngày 11/04/2016; Số 389/KH-CĐCN ngày 08/11/2016; Số 50A/KH-CĐCN ngày 08/11/2017)
87	1	10	1.10.09		Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi hàng năm (Số 191/QĐ/CĐCN-ĐT ngày 17/3/2015; 274/QĐ/CĐCN-ĐT ngày

					16/3/2016; Số 191/QĐ/CĐCN-ĐT ngày 17/3/2017).
88	1	10	1.10.10		Các Quyết định tặng Bằng LĐST (Số 171/QĐ-CĐCT ngày 03/08/2016; Số 1633/QĐ-TLĐ ngày 27/9/2017); Quyết định đạt giải Hội thi STKHKT (Số 34/QĐ-BTV ngày 01/9/2017)
89	1	10	1.10.11		Báo cáo Công tác công đoàn hàng quý (3 năm) (Số 215/BC-CĐCN-CĐ ngày 24/3/2015; Số 241/BC-CĐCN-CĐ, 03/6/2015; Số 290/BC-CĐCN-CĐ, 01/10/2015; Số 332/BC-CĐCN-CĐ, 26/3/2016; Số 335/BC-CĐCN-CĐ, 30/5/2016; Số 379/BC-CĐCN-CĐ, 11/10/2016; Số 414/BC-CĐCN-CĐ, 16/3/2017; Số 20/BC-CĐCN-CĐ, 03/6/2017; Số 38/BC-CĐCN-CĐ ngày 10/9/2017)
90	1	10	1.10.12		Báo cáo hoạt động Công đoàn hàng năm và phương hướng hoạt động năm kế tiếp (Số 312/BC- -CĐCN-CĐ ngày 21/12/2015; Số: 387/BC-CĐCN-CĐ ngày 07/11/2016; Số 53A/BC-CĐCN-CĐ ngày 15/11/2017)
91	1	10		1.3.05	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường trường (396/QĐ-CĐCN-TTr, ngày 02/6/2015, Trường CĐCN Tuy Hòa
92	1	10	1.10.13		Quy chế tiếp công dân của lãnh đạo trường (742/QĐ-CĐCN-TTr, ngày 30/12/2009 của Trường CĐCN Tuy Hòa)
93	1	10	1.10.14		Hướng dẫn, Biên bản và Nghị quyết Hội nghị CBVC hàng năm.
94	1	10	1.10.15		Quyết định công nhận Công đoàn XSVM cho CĐCS Trường (Số 292/QĐ-CĐCT ngày 06/10/2017;
95	1	10	1.10.16		Các quyết định tặng Cờ và bằng khen cho CĐ Trường (Số 04/QĐ-CĐCT ngày 04/01/2016; Số 1697/QĐ-CĐCT ngày 18/10/2017; Số 70/QĐ-CĐCT ngày 20/03/2017; Số 1743/QĐ-TLĐ ngày 18/10/2017; Số 224/QĐ-LĐLĐ ngày 27/10/2017)
96	1	10	1.10.17		QĐ công nhận các chức danh của BCH Đoàn trường, nhiệm kỳ XVIII 2017-

					2019 của BCH Tỉnh Đoàn Phú Yên (Số: 822-QĐ/TĐTN, ngày 05/6/2017)
97	1	10	1.10.18		Kế hoạch về việc đẩy mạnh việc thực hiện Văn hóa học đường đối với HSSV trong năm học 2015 – 2016 (Số 5-KH/ĐTN, ngày 12/11/2015).
98	1	10	1.10.19		Quy chế làm việc của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Nhiệm kỳ 2014-2017 2017-2019 (Số 01/QC-ĐTN, ngày 04/2/2015; Số 01/QC-ĐTN, ngày 29/6/2017).
99	1	10	1.10.20		Biên bản sinh hoạt định kỳ của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường
100	1	10	1.10.21		Chương trình hoạt động của Đoàn TN trường năm học (Số 01-CTr/ĐTN, ngày 29/9/2015; Số 01-CTr/ĐTN, ngày 1/10/2016; Số 01-CTr/ĐTN, ngày 9/11/2017)
101	1	10	1.10.22		Kế hoạch/Chương trình “Tiếp sức mùa thi”, Chiến dịch “Mùa hè xanh” hàng năm
102	1	10	1.10.23		Tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng; Chương trình Tự hào biển đảo quê hương
103	1	10	1.10.24		Kế hoạch Phát động cuộc thi “Tài năng khoa học trẻ Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa” (Số: 09-KH/ĐTN, ngày 10/3/2015 Số: 01 /KH-ĐTN- HSV, ngày 10/10/2015)
104	1	10	1.10.25		Kế hoạch tuyên truyền kỳ thi nghiêm túc năm học 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018 (Số: 20- KH/ĐTN, ngày 19/6/2015; Số: 25- KH/ĐTN, ngày 03/6/2016; Số: 24- KH/ĐTN, ngày 03/6/2017)
105	1	10	1.10.26		Các Quyết định khen thưởng đối với Đoàn TNCS Hồ chí minh trường trong 2015, 2016, 2017
106	1	10	1.10.27		Quyết định chuẩn y BCH Nữ công công đoàn nhiệm kỳ 2017-2012
107	1	10	1.10.28		Kế hoạch tổ chức các hoạt động Ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu hàng năm; Danh sách con CBVC đạt giải tại các kỳ thi HS giỏi đợc khen thưởng

108	1	10	1.10.29		Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ, Ngày PNVN 20/10 hàng năm (KH số 199A/KH-CĐCN-CĐ ngày 20/01/2015; Số 291/KH-CĐCN-CĐ ngày 02/10/2015; Số 383A/Kh-CĐCN-CĐ ngày 17/10/2016; Số 43/KH-CĐCN-CĐ ngày 12/10/2017).
109	1	10	1.10.30		Quyết định công nhận danh hiệu Đoàn viên công đoàn xuất sắc và phụ nữ hai giỏi hàng năm (Số 258/QĐ-CĐCN-CĐ ngày 30/7/2015; Số 315 ngày 25/12/2015(bổ sung); Số: 373A/QĐ-CĐCN-CĐ ngày 12/8/2016; Số 36/QĐ-CĐCN-CĐ ngày 10/9/2017)
110	1	10	1.10.31		Quy định chi tiêu Quỹ Nữ công Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
111	1	10	1.10.32		Bằng khen chuyên đề "Giỏi việc vượt đảm việc nhà giai đoạn 2010-2015 (QĐ số 1431/QĐ-CĐCT, ngày 10/6/2015)
112	1	11		1.7.01	Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, về việc quy định Điều lệ trường cao đẳng
113	1	11		1.5.01	Quyết định số: 242/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 01/04/2015, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường
114	1	11	1.11.01		Quy trình quản lý hoạt động giảng dạy và hồ sơ dạy học
115	1	11	1.11.02		Quy trình tổ chức thi và kiểm tra
116	1	11	1.11.03		Quy trình đánh giá nội bộ
117	1	11	1.11.04		Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy, hoạt động quản lý của trường năm 2016, 2017; số 411/TB-CĐCN-TTr&KĐCL GD ngày 26/4/2017; số 224/TB-CĐCN- TTr&KĐCL GD ngày 26/4/2017
118	1	11	1.11.05		Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát năm 2015, 2016, 2017; số 29/KH-CĐCN-TTr&KĐ ngày 16/01/2015;

					số 116/KH-CĐCN-TTr&KĐ ngày 17/02/2016; số 68/KH-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 07/02/2017;
119	1	11	1.11.06		Thông báo số 385/TB-CĐCN-TTr&KĐ ngày 28/8/2015 về việc kiểm tra hoạt động đào tạo
120	1	11	1.11.07		Thông báo dự giờ định kỳ, đột xuất năm 2016, 2017 số 1027/TB-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 14/9/2016; số 441/TB-CĐCN-QLCL& NCKH ngày 22/8/2017;
121	1	11	1.11.08		Thông báo kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm 2016, 2017 số 769/TB-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 18/7/2016; số 12/TB-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 09/01/2017;
122	1	11	1.11.09		Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm 2015,2016,2017
123	1	11	1.11.10		Biên bản dự giờ năm 2015, 2016,2017
124	1	11	1.11.11		Bảng tổng hợp kiểm tra tiến độ giảng dạy năm 2015, 2016,2017
125	1	11		1.7.10	Báo cáo kết quả đánh giá hệ thống quản lý chất lượng năm 2015,2016,2017
126	1	11	1.11.12		Biên bản họp xem xét của lãnh đạo 2015,2016,2017
127	1	12	1.12.01		- Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 1 năm học 2015- 2016 đối với HSSV khóa 36,37,38 số 406/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 11/9/2015 - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2015- 2016 số 417/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 18/9/2015 - Thông báo về việc xét học bổng HSSV nghèo vượt khó học giỏi năm 2015 số số 416/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 18/9/2015 - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2014- 2015

					số 55/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015 - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 2 năm học 2014- 2015 đối với HSSV khóa 35,36,37 số 57/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015 - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2016- 2017 số 1114/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016 - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 1 năm học 2016- 2017 số 1116/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016 - Thông báo Hướng dẫn thủ tục chính sách nội trú số 1317/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 22/11/2016 - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 2 năm học 2015- 2016 số 120/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016 - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2015- 2016 số 122/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016 - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 2 năm học 2015- 2016 đối với HSSV khóa 36,37,38 số 121/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016 - Thông báo về việc trợ cấp xã hội học kỳ 2 (2014- 2015) cho HSSV số 54/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015 - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 1 năm học 2016- 2017 số 1113/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016 - Thông báo v/v đề xuất danh sách HSSV thuộc diện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh sinh viên nghèo số 1098/ TB- CĐCN-
--	--	--	--	--	---

					CTHSSV ngày 26/9/2016 - Thông báo về việc xét học bổng HSSV nghèo vượt khó học giỏi năm 2016 số 1090/ TB- CDCN- CTHSSV ngày 23/9/2016 - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí HK 2 năm học 2016-2017 số 86/ TB- CDCN- CTHSSV ngày 15/02/2017 - Thông báo về việc nhận hồ sơ chế độ miễn giảm học phí HK 1 năm học 2017-2018 số 589/ TB- CDCN- QLĐT ngày 02/10/2017 - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 83/TB- CDCN- CTHSSV ngày 15/02/2017 - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 591/TB- CDCN- QLĐT ngày 02/10/2017 - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 85/ TB- CDCN- CTHSSV ngày 15/02/2017 - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 590/ TB- CDCN- QLĐT ngày 02/10/2017 - Thông báo về việc nhận hồ sơ chế độ nội trú học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 592/ TB- CDCN- QLĐT ngày 02/10/2017 - Thông báo hướng dẫn thủ tục chính sách nội trú số 84/ TB- CDCN- CTHSSV ngày 15/02/2017
128	1	12	1.12.02		- Thông báo về việc hướng dẫn thủ tục vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên năm học 2016- 2017 số 122A/TB- CDCN- CTHSSV ngày 27/01/2016 - Thông báo về việc hướng dẫn thủ tục vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh

					viên năm học 2016- 2017 số 118/TB-CĐCN- CTHSSV ngày 02/3/2017 - Biên bản kiểm tra thực hiện chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo quyết định 157/2007/QĐ- TTg của Thủ tướng chính phủ tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa năm 2016
129	1	12	1.12.03		- Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1,2 năm học 2013- 2014 cho HSSV khóa 34,35,36 số 697/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 24/9/2014 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí bổ sung học kỳ 1,2 năm học 2013- 2014 cho HSSV khóa 34,35,36 số 888/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 16/12/2014 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2014- 2015 cho HSSV khóa 35,36,37 số 890/QĐ- CĐCN- CTSV ngày 16/12/2014 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2014- 2015 cho HSSV khóa 35,36,37 số 306/QĐ- CĐCN- CTSV ngày 25/4/2015 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 36,37,38 số 834/QĐ- CĐCN- CTSV ngày 03/11/2015 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí ND 86 bổ sung học kỳ 1 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 36,37,38 số 940/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 11/12/2015 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 36,37,38 số 362/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 08/4/2016 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 37,38 số 666/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 17/6/2016

					- Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1148A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 03/10/2016 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1342/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 39 số 1343/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 39 số 1346/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 29/11/2016 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1547A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 23/12/2016 - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1554A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 27/12/2016 - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK2 năm học 2016- 2017 số 86/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017 - Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 (bổ sung) số 144A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 20/3/2017 - Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 225/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017 - Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 226/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017
--	--	--	--	--	--

					- Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 234/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 08/5/2017 - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 36,37,38 số 835/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 03/11/2015 - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 36,37,38 số 361/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 08/4/2016 - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 37,38,39 số 1340/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016 - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 37,38,39 số 223/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017 - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV học kỳ 1 năm học 2017-2018 số 587A/QĐ- CĐCN- QLĐT ngày 28/9/2017 - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV học kỳ 1 năm học 2017-2018 (bổ sung) số 587B/QĐ- CĐCN- QLĐT ngày 28/9/2017 - Quyết định về việc được hưởng tiền hỗ trợ chi phí học tập SV khóa 35,36,37 số 889/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 16/12/2014 - Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học tập SV khóa 35,36,37 số 304/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 25/4/2015 - Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV khóa 39 số 1341/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016 - Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học tập SV khóa 37,38,39 số 224/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017 - Quyết định về việc được hưởng tiền hỗ trợ chi phí học tập SV học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 588A/ QĐ- CĐCN- QLĐT ngày 28/9/2017
--	--	--	--	--	--

130	1	12	1.12.04	- Đánh giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2014 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 - Đánh giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2015 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 - Báo cáo tình hình thực hiện năm 2015 và dự toán chi năm 2016 về chế độ miễn giảm học phí theo ND 86 (trước đây là ND 74) và chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người dân tộc thiểu số - Tổng hợp tình hình thực hiện miễn giảm học phí năm 2017 và dự toán kinh phí miễn giảm học phí năm 2018 - Thực hiện miễn giảm học phí năm 2017 và dự toán kinh phí miễn giảm học phí năm 2018
131	1	12	1.12.05	- Thông báo v/v tuyển sinh năm 2017, số 168/TB- CĐCN- TS, ngày 30/3/2017, - Thông báo tuyển sinh Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy năm 2016, số 720/TB- CĐCN- TS, ngày 8/7/2016, - Thông báo tuyển sinh bậc Cao đẳng chính quy năm 2016, số 719/TB- CĐCN- TS, ngày 8/7/2016. - Thông báo tuyển sinh năm 2015, ngày //2015. - Thông báo tuyển sinh năm 2014, ngày 23/7/2014
132	1	12	1.12.06	- Quyết định v/v ban hành quy định công tác HSSV nội trú, ngoại trú, số 389/QĐ/CĐCN- CTSV, ngày 30/7/2008, (kèm theo Phiếu đăng ký ở nội trú, KTX trường CĐCNTH, quy định, khung xử lý, nội dung, nội quy).
133	1	12	1.12.07	- Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động Vì sự tiến bộ của Phụ nữ năm 2014, số 654/BC- CĐCN, ngày 4/12/2014 - Quyết định v/v thành lập ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ, số 390/QĐ- CĐCN- CD, ngày 1/6/2015. - Báo cáo việc thực hiện chính sách lao động nữ năm 2015 và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của chương trình hành động vì bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015, số 280/BC- CĐCN-

					CD, ngày 4/9/2017. - Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động công tác bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của Phụ nữ năm 2016, số /BC- CDCN, ngày //2016 - Tờ trình v/v đề nghị tặng thưởng bằng khen của bộ trưởng bộ công thương cho tập thể và cá nhân có thành tích trong hoạt động vì sự tiến bộ của Phụ nữ giai đoạn 2011- 2015, số 31/TTr- CDCN-TĐKT, ngày 8/1/2016 - Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới , số 336/BC- CDCN-BVSTBPN, ngày 30/6/2017
134	2	1		1.2.02	- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 201/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 29/6/2017 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 43/2010/GCN-ĐKH ĐDN ngày 30/8/2010
135	2	1	2.1.01		Quyết định 304/QĐ-CDCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CDCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định từ số 810 – 829/QĐ-CDCN-ĐT ngày 29/10/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy, liên thông 2015.
136	2	1	2.1.02		Thông báo quy định chuẩn đầu ra trình độ Tiếng Anh, tin học và kỹ năng mềm đối với sinh viên cao đẳng chính quy số 253/TB-CDCN-ĐT ngày 26/4/2013
137	2	1	2.1.03		Hình ảnh chương trình đào tạo được đăng trên website trường tic.edu.vn
138	2	2	2.2.01		Đề án tự chủ tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy từ năm 2015 Đề án tự chủ tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy từ năm 2016 Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2018 trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa theo quyết định số 767/QĐ-CDCN-ĐTTX ngày

					29/12/2017
139	2	2	2.2.02		Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng
140	2	3		2.2.01	Đề án tự chủ tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy từ năm 2015 Đề án tự chủ tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy từ năm 2016
141	2	3	2.3.01		Công văn số: 119/CĐCN-ĐT ngày 02/3/2017 về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh 2017
142	2	3		1.2.01	Trích biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo về việc phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực và xác định chỉ tiêu tuyển sinh.
143	2	3	2.3.03		Kế hoạch tuyển sinh năm 2016, 2017
144	2	3	2.3.04		Thông báo tuyển sinh số 719/TB-CĐCN-TS ngày 8/7/2016, Thông báo tuyển sinh số 720/TB-CĐCN-TS ngày 8/7/2016, số 234/TB-CĐCN-TS>VL ngày 22/5/2015, thông báo tuyển sinh năm 2014 Thông báo tuyển sinh năm 2017 in ra từ trang web của trường Thông báo tuyển sinh năm 2017 số 168/TB-CĐCN-TS
145	2	3	2.3.05		Quyết định 204/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/3/2014 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng năm 2014, Quyết định 433/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 25/6/15 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng năm 2015, Quyết định 434/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 25/6/15 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh cao đẳng năm 2015, Quyết định số 136/QĐ-CĐCN-TS về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng năm 2017
146	2	3	2.3.06		1 bộ hồ sơ xét tuyển
147	2	3	2.3.07		Danh sách trúng tuyển các năm 2014, 2015, 2016, 2017
148	2	3	2.3.08		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2015, 2016, 2017

149	2	3	2.3.09		Biên bản thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh Quyết định thành lập Ban thanh tra công tác tuyển sinh năm 2015 số 624/QĐ-CĐCN-TTr&KĐ ngày 9/9/2015
150	2	3	2.3.10		Quyết định thành lập lớp cao đẳng khóa 39 số 1271/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 04/11/2016 Quyết định thành lập lớp cao đẳng liên thông khóa 39 số 1279/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 08/11/2016 Quyết định thành lập các lớp TCCN khóa 39 số 1272/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 04/11/2016 Quyết định thành lập các lớp cao đẳng khóa 38 số 902/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 25/11/2015 Quyết định thành lập các lớp cao đẳng liên thông khóa 38 số 931/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 09/12/2015 Quyết định thành lập các lớp TCCN khóa 38 số 903/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 25/11/2015 Quyết định thành lập các lớp cao đẳng khóa 37 số 713/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 01/10/2014 Quyết định thành lập các lớp cao đẳng liên thông khóa 37 số 744/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 09/10/2014 Quyết định thành lập các lớp TCCN khóa 37 số 714/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 01/10/2014
151	2	4	2.4.01		Báo cáo tổng hợp nhu cầu người học theo các phương thức đào tạo
152	2	4	2.4.02		Hợp đồng đào tạo ngắn hạn, Hợp đồng liên kết đào tạo
153	2	4	2.4.03		Quyết định HSSV đi thực tập tại công ty CP Cơ khí Vina Nha Trang, Cty CP H&T
154	2	4	2.4.04		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên học kỳ II năm học 2015-2016 ngày 11/7/2016 Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của HSSV học kỳ 2 năm học 2016-2017 ngày 30/6/2017

155	2	5		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật GDNN Quyết định từ số 810 – 829/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 29/10/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy 2015.
156	2	5	2.5.01		Tiến độ đào tạo trung cấp Thời khóa biểu cao đẳng, trung cấp
157	2	6		2.5.01	Tiến độ đào tạo trung cấp Thời khóa biểu cao đẳng, trung cấp
158	2	6	2.6.01		Mẫu lịch trình giảng dạy Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo
159	2	6	2.6.02		Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ tài liệu phục vụ giảng dạy của Phòng Thanh tra & KĐCLGD Biên bản thanh tra, kiểm tra về công tác đào tạo
160	2	7		2.5.01	Thời khóa biểu cao đẳng, trung cấp Tiến độ đào tạo năm 2015, 2016, 2017
161	2	7	2.7.01		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên học kỳ II năm học 2015-2016 ngày 11/7/2016 Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của HSSV học kỳ 2 năm học 2016-2017 ngày 30/6/2017
162	2	7	2.7.02		Bảng tổng hợp kiểm tra tiến độ giảng dạy của khoa
163	2	7	2.7.03		Kế hoạch dự giờ định kỳ năm 2015, 2016, 2017 Biên bản dự giờ năm 2015, 2016, 2017 Phiếu đánh giá kết quả dự giờ năm 2015, 2016, 2017
164	2	7	2.7.04		Hợp đồng hỗ trợ thực tập cho sinh viên của các doanh nghiệp năm 2015, 2016, 2017 Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa trường và các doanh nghiệp trong việc phối hợp đào tạo, tuyển dụng HSSV

165	2	7	2.7.05		Quyết định cho sinh viên đi thực tập kèm theo Kế hoạch thực tập và danh sách sinh viên đi thực tập
166	2	7	2.7.06		Hình ảnh đi thực tập, thực hành
167	2	7	2.7.07		Báo cáo thực tập tốt nghiệp có kèm đánh giá của đơn vị sử dụng lao động
168	2	8		2.7.03	Kế hoạch dự giờ định kỳ năm 2015, 2016, 2017 Biên bản dự giờ năm 2015, 2016, 2017 Phiếu đánh giá kết quả dự giờ năm 2015, 2016, 2017
169	2	8		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật GDNN Quyết định từ số 810 – 829/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 29/10/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy 2015.
170	2	8	2.8.01		Giáo án giảng dạy năm 2015, 2016
171	2.	8		2.7.03	Kế hoạch dự giờ định kỳ năm 2015, 2016, 2017 Biên bản dự giờ năm 2015, 2016, 2017 Phiếu đánh giá kết quả dự giờ năm 2015, 2016, 2017
172	2	9	2.9.01		Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng phần mềm với Nahi Hợp đồng và Thanh lý hợp đồng máy chiếu; Máy tính
173	2	9	2.9.02		Lịch thi trắc nghiệm trên máy tính
174	2	9	2.9.03		Hợp đồng mua phần mềm trắc nghiệm và máy quét bài thi trắc nghiệm
175	2	9	2.9.04		Hợp đồng thiết bị phòng Lab (Ngoại ngữ)
176	2	10		1.5.01	Quyết định số: 242/QĐ-CĐCN- TCHC ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa ban hành chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa

177	2	10	2.10.02		Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Phòng QLCL&NCKH năm 2015, 2016, 2017
178	2	10	2.10.03		Bảng tổng hợp kiểm tra tiến độ giảng dạy của khoa
179	2	10	2.10.04		Báo cáo thể hiện việc sử dụng kết quả kiểm tra, giám sát trong điều chỉnh hoạt động dạy và học
180	2	11		2.10.02	Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Phòng QLCL&NCKH năm 2015, 2016, 2017
181	2	11	2.11.01		Thông báo về việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy của từng học kỳ do Phòng QLCL&NCKH ban hành
182	2	11	2.11.02		Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy từng học kỳ do Phòng QLCL&NCKH ban hành
183	2	11		2.10.04	Báo cáo thể hiện việc sử dụng kết quả kiểm tra, giám sát trong điều chỉnh hoạt động dạy và học
184	2	12	2.12.01		Quyết định số 516/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/8/2013 về việc ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy, liên thông theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
185	2	12	2.12.02		Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ giáo dục Đào tạo ban hành quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp
186	2	12	2.12.03		Quyết định số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp khóa 40
187	2	13	2.13.01		Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa trường và các doanh nghiệp trong việc phối hợp đào tạo, tuyển dụng HSSV
188	2	13		2.7.07	Báo cáo thực tập tốt nghiệp có kèm đánh giá của đơn vị sử dụng lao động
189	2	14		2.12.01	Quyết định số 516/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/8/2013 về việc ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy, liên thông theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
190	2	14		2.12.02	Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ giáo dục Đào tạo ban hành quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp

191	2	14		2.12.03	Quyết định số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp khóa 40
192	2	14		2.11.01	Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát của phòng QLCL&NCKH
193	2	14	2.14.01		Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2015, 2016
194	2	15	2.15.01		Quyết định số 539/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 11/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ kèm theo quyết định 516/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 23/8/2013
195	2	15		2.12.03	Quyết định số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp khóa 40
196	2	15	2.15.02		Báo cáo kết quả công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ
197	2	15		2.14.01	Biên bản, báo cáo thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ năm 2015, 2016
198	2	16	2.16.01		VBHN số 02 thông tư 55/2012/TT-BGDĐT và TT 08/2015/TT- BGDĐT ngày 05/08/2015 của Bộ GD & ĐT
199	2	16		2.1.01	Quyết định từ số 810 – 829/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 29/10/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy, liên thông 2015.
200	2	16	2.16.02		Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp
201	2	16	2.16.03		Báo cáo kết quả chuyển đổi của Hội đồng chuyển đổi kết quả học tập liên thông.
202	2	17	2.17.01		Quy trình ISO 2009: 2015
203	2	17	2.17.02		Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ GD&ĐT quy định

					thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục
204	2	17		2.12.03	Quyết định số 555/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/9/2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và được áp dụng chung cho bậc đào tạo cao đẳng và trung cấp khóa 40
205	2	17	2.17.03		Hồ sơ lưu kết quả đào tạo của sinh viên các khóa tại Phòng QLĐT
206	2	17	2.17.04		Bảng điểm tổng hợp các khóa theo kì, năm học, khóa học; Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ lưu tại Phòng QLĐT
207	2	17	2.17.05		Bảng điểm tổng hợp các khóa theo kì, năm học, khóa học; Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ lưu tại Phòng QLĐT
208	2	17	2.17.06		Ảnh giao diện màn hình máy tính lưu trữ
209	2	17	2.17.07		Quyết định số: 760/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 27/12/2017 về việc thành lập Ban liên lạc cựu HSSV
210	2	17	2.17.08		Ảnh lễ ra mắt mạng lưới cựu HSSV
211	3	1	3.1.01		Quy định tuyển dụng viên chức năm 2009, QĐ số 216/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 27/4/2009.
212	3	1	3.1.02		Chuẩn các chức danh nghề nghiệp trường CĐCN Tuy Hòa năm 2017, QĐ số 01/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 03/01/2017.
213	3	1		1.3.06	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc trường CĐCN Tuy Hòa năm 2014, QĐ số 861/QĐ-CĐCN-TCHC ngày
214	3	1		1.3.07	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên năm 2015 và 2017, QĐ số 319/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 05/5/2015 và QĐ số 520/QĐ-CĐCN-QLĐT ngày 08/9/2017
215	3	1	3.1.03		Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2014, QĐ số 770/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 22/10/2014.

216	3	1		1.3.04	QĐ về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động trường CDCN Tuy Hòa năm 2016, QĐ số 687/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 27/6/2016.
217	3	1	3.1.04		Công văn số 11339/BCT-TCCB ngày 13/11/2014 và số 12017/BCT-TCCB ngày 24/11/2015 của Bộ Công Thương về việc triển khai công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức.
218	3	1	3.1.05		Quyết định số 2289/QĐ-BCT ngày 18/3/2014, số 3926/QĐ-BCT ngày 22/4/2015, số 1244/QĐ-BCT ngày 31/3/2016 và số 2370/QĐ-BCT ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc duyệt số lượng người làm việc năm 2014, 2015, 2016 và năm 2017 đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương.
219	3	1	3.1.06		Quyết định số 2274/QĐ-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Công Thương.
220	3	1	3.1.07		Quyết định số 5004/QĐ-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, Danh mục vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa.
221	3	2	3.2.01		Hồ sơ tuyển dụng viên chức, Hợp đồng làm việc của CBVC được tuyển dụng năm 2014, 2015, 2016.
222	3	2	3.2.02		QĐ bổ nhiệm cán bộ năm 2014, 2015, 2016, 2017.
223	3	2	3.2.03		QĐ miễn nhiệm cán bộ năm 2014, 2015, 2016, 2017.
224	3	2	3.2.04		Các QĐ về việc chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2016, Quyết định số 1077/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 22/9/2016 và Quyết định số 1144/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 03/10/2016.

225	3	2	3.2.05		Công văn, tờ trình của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa liên quan đến quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2014, 2015, 2016, 2017.
226	3	2	3.2.06		Các Quyết định cử CBVC đi nghiên cứu sinh tiến sĩ năm 2014, 2015, 2017.
227	3	2	3.2.07		Các Quyết định cử CBVC đi học cao học năm 2014, 2015, 2016, 2017.
228	3	2	3.2.08		Các QĐ cử CBVC đi học đại học năm 2014, 2015, 2016.
229	3	2	3.2.09		Các QĐ cử CBVC đi bồi dưỡng ngắn hạn năm 2014, 2015, 2016, 2017.
230	3	2	3.2.10		Một số Phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.
231	3	2	3.2.11		Các văn bản báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức năm 2014, 2015, 2016, 2017: Công văn số 683/CĐCN-TCHC ngày 19/12/2014, số 10/CĐCN-TCHC ngày 06/01/2016, số 10/CĐCN-TCHC ngày 09/01/2017 và số 811/CĐCN-TCHC ngày 21/12/2017. Thông báo kết quả đánh giá phân loại viên chức năm học 2016 – 2017, Thông báo số 366/TB-CĐCN-TCHC ngày 24/7/2017.
232	3	2	3.2.12		Các Quyết định nâng bậc lương CBVC các năm 2014, 2015, 2016, 2017.
233	3	2	3.2.13		Các Quyết định về phụ cấp thâm niên nhà giáo năm 2014, 2015, 2016, 2017.
234	3	2	3.2.14		Báo cáo kết quả nâng lương năm 2014, 2015, 2016, 2017.
235	3	2	3.2.15		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015, 2016, 2017: Kế hoạch số 11A/KH-CĐCN-TCHC ngày 09/01/2015, số 10A/KH-CĐCN-TCHC ngày 06/01/2016, số 05A/KH-CĐCN-TCHC ngày

236	3	2		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2014, 2016, 2017: Ban hành theo Quyết định số 224/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 31/3/2014, số 230/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 01/3/2016, số 283/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 31/5/2017
237	3	2		1.3.05	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động trường CĐCN Tuy Hòa năm 2015, ban hành theo Quyết định số 396/QĐ-CĐCN-TTr&KĐ ngày 02/6/2015.
238	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang giáo viên, giảng viên của trường tính đến 11/2017.
239	3	3	3.3.02		Một số văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên.
240	3	3		1.11.09	Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm 2015, 2016, 2017.
241	3	3		1.11.10	Biên bản dự giờ năm 2015, 2016, 2017.
242	3	3		2.7.03	Kế hoạch dự giờ định kỳ năm 2015, 2016, 2017 Biên bản dự giờ năm 2015, 2016, 2017
243	3	3		1.11.11	Bảng tổng hợp kiểm tra tiến độ giảng dạy năm 2015, 2016, 2017.
244	3	4		3.3.01	Danh sách trích ngang giáo viên, giảng viên của trường tính đến 11/2017.
245	3	4	3.4.01		Danh sách cán bộ quản lý của trường tính đến 11/2017.
246	3	4	3.4.02		Danh sách viên chức, người lao động của trường tính đến 11/2017.
247	3	4	3.4.03		Một số Biểu đồ Kế hoạch giảng dạy và học tập năm học.
248	3	4	3.4.04		Quyết định về việc cử cố vấn học tập, GV chủ nhiệm các năm học 2014 – 2015, 2015 – 2016, 2016 – 2017.
249	3	4		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2014, 2016, 2017: Ban hành theo Quyết định số 224/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 31/3/2014, số 230/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 01/3/2016, số 283/QĐ-CĐCN-KHTC ngày 31/5/2017

250	3	4		3.2.06	Các Quyết định cử CBVC đi nghiên cứu sinh tiến sĩ năm 2014, 2015, 2017.
251	3	4		3.2.07	Các Quyết định cử CBVC đi học cao học năm 2014, 2015, 2016, 2017.
252	3	4		3.2.08	Các QĐ cử CBVC đi học đại học năm 2014, 2015, 2016.
253	3	4		3.2.09	Các QĐ cử CBVC đi bồi dưỡng ngắn hạn năm 2014, 2015, 2016, 2017.
254	3	4		1.3.05	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động trường CĐCN Tuy Hòa năm 2015, ban hành theo Quyết định số 396/QĐ-CĐCN-TTr&KĐ ngày 02/6/2015.
255	3	4		1.10.14	Hướng dẫn, biên bản, Nghị quyết Hội nghị CBVC cấp trường hàng năm.
256	3	4		3.2.10	Một số Phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.
257	3	5		3.3.01	Danh sách trích ngang giáo viên, giảng viên của trường tính đến 11/2017.
258	3	5		1.3.07	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên năm 2015 và 2017, QĐ số 319/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 05/5/2015 và QĐ số 520/QĐ-CĐCN-QLĐT ngày 08/9/2017.
259	3	5		3.4.03	Một số Biểu đồ Kế hoạch giảng dạy và học tập năm học.
260	3	5		2.5.01	Tiến độ đào tạo năm 2015, 2016, 2017 Thời khóa biểu cao đẳng, trung cấp
261	3	5	3.5.01		Bảng tổng hợp đề nghị thanh toán khối lượng năm học 2014 – 2015, 2015 – 2016, 2016 – 2017.
262	3	6		3.4.03	Một số Biểu đồ Kế hoạch giảng dạy và học tập năm học.
263	3	6		2.5.01	Tiến độ đào tạo năm 2015, 2016, 2017 Thời khóa biểu cao đẳng, trung cấp
264	3	6		2.6.01	Mẫu lịch trình giảng dạy Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà

265	3	6		1.3.07	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên năm 2015 và 2017, QĐ số 319/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 05/5/2015 và QĐ số 520/QĐ-CĐCN-QLĐT ngày 08/9/2017.
266	3	6		1.11.10	Biên bản dự giờ năm 2015, 2016, 2017.
267	3	6		2.7.03	Kế hoạch dự giờ định kỳ năm 2015, 2016, 2017 Biên bản dự giờ năm 2015, 2016, 2017 Phiếu đánh giá kết quả dự giờ năm 2015, 2016, 2017
268	3	7		3.2.15	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015, 2016, 2017: Kế hoạch số 11A/KH-CĐCN-TCHC ngày 09/01/2015, số 10A/KH-CĐCN-TCHC ngày 06/01/2016, số 05A/KH-CĐCN-TCHC ngày 09/01/2017.
269	3	7		3.1.03	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2014, QĐ số 770/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 22/10/2014.
270	3	7	3.7.01		Một số bản đăng ký thi đua cá nhân cho mỗi năm học.
271	3	7		3.2.06	Các Quyết định cử CBVC đi nghiên cứu sinh tiến sĩ năm 2014, 2015, 2017.
272	3	7		3.2.07	Các Quyết định cử CBVC đi học cao học năm 2014, 2015, 2016, 2017.
273	3	7		3.2.08	Các QĐ cử CBVC đi học đại học năm 2014, 2015, 2016.
274	3	7		3.2.09	Các QĐ cử CBVC đi bồi dưỡng ngắn hạn năm 2014, 2015, 2016, 2017.
275	3	7	3.7.02		Kế hoạch thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2014 – 2015 số 570/KH-CĐCN-ĐT ngày 09/10/2014 (Ký ban hành, Nguyễn Thị Kim Ngọc), năm học 2015 – 2016 số 528/KH-CĐCN-ĐT ngày 24/11/2015, năm học 2016 – 2017 số 1248A/KH-CĐCN-ĐT ngày 01/11/2016.

276	3	7		1.10.09	Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi hàng năm (Số 191/QĐ/CĐCN-ĐT ngày 17/3/2015; 274/QĐ/CĐCN-ĐT ngày 16/3/2016; Số 191/QĐ/CĐCN-ĐT ngày 17/3/2017).
277	3	7	3.7.03		Báo cáo tổng kết năm học 2015- 2016 và phương hướng năm học 2016 – 2017. Báo cáo tổng kết năm học 2016- 2017 và phương hướng năm học 2017 – 2018.
278	3	7		1.10.14	Hướng dẫn, biên bản, Nghị quyết Hội nghị CBVC cấp trường hàng năm.
279	3	7		1.1.01	Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011- 2015, tầm nhìn đến năm 2020, số 283/TTr-CĐCN ngày 31/5/2011 Quyết định số 514/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 05/9/2017 về việc ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2017 -2022 và tầm nhìn 2035
280	3	8		3.2.15	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015, 2016, 2017: Kế hoạch số 11A/KH-CĐCN-TCHC ngày 09/01/2015, số 10A/KH-CĐCN-TCHC ngày 06/01/2016, số 05A/KH-CĐCN-TCHC ngày
281	3	8		3.2.06	Các Quyết định cử CBVC đi nghiên cứu sinh tiến sĩ năm 2014, 2015, 2017.
282	3	8		3.2.07	Các Quyết định cử CBVC đi học cao học năm 2014, 2015, 2016, 2017.
283	3	8		3.2.08	Các QĐ cử CBVC đi học đại học năm 2014, 2015, 2016.
284	3	8		3.2.09	Các QĐ cử CBVC đi bồi dưỡng ngắn hạn năm 2014, 2015, 2016, 2017.
285	3	8		3.3.02	Một số văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn, nghiệp vụ của GV

286	3	8		3.7.02	Kế hoạch thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2014 – 2015 số 570/KH-CĐCN-ĐT ngày 09/10/2014 (Ký ban hành, Nguyễn Thị Kim Ngọc), năm học 2015 – 2016 số 528/KH-CĐCN-ĐT ngày 24/11/2015, năm học 2016 – 2017 số 1248A/KH-CĐCN-ĐT ngày 01/11/2016.
287	3	8	3.8.01		Hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo năm 2017: Kế hoạch số 402/KH-CĐCN-QLĐT ngày 04/8/2017, Biên bản số 477/BB-CĐCN-QLĐT ngày 30/8/2017.
288	3	9		3.3.01	Danh sách trích ngang giáo viên, giảng viên của trường tính đến 11/2017.
289	3	9	3.9.01		Các Quyết định cử viên chức đi thực tế tại đơn vị sản xuất năm 2014, 2015, 2016, 2017.
290	3	9	3.9.02		Một số hình ảnh giáo viên đi thực tế tại đơn vị sản xuất
291	3	10		3.1.03	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2014, QĐ số 770/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 22/10/2014.
292	3	10	3.10.01		Một số Báo cáo tốt nghiệp, giấy chứng nhận hoàn thành khóa học của CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.
293	3	10		3.7.03	Báo cáo tổng kết năm học 2015- 2016 và phương hướng năm học 2016 – 2017. Báo cáo tổng kết năm học 2016- 2017 và phương hướng năm học 2017 – 2018.
294	3	10		1.10.14	Hướng dẫn, biên bản, Nghị quyết Hội nghị CBVC cấp trường hàng năm.

295	3	10	3.10.02		Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2014 – 2015 số 513/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 29/7/2015, Quyết định bổ sung số 870/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 12/11/2015; năm học 2015 – 2016 số 849A/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 29/7/2016; năm học 2016 – 2017 số 416/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 28/7/2017.
296	3	10		3.2.11	Các văn bản báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức năm 2014, 2015, 2016, 2017: Công văn số 683/CĐCN-TCHC ngày 19/12/2014, số 10/CĐCN-TCHC ngày 06/01/2016, số 10/CĐCN-TCHC ngày 09/01/2017 và số 811/CĐCN-TCHC ngày 21/12/2017. Thông báo kết quả đánh giá phân loại viên chức năm học 2016 – 2017, Thông báo số 366/TB-CĐCN-TCHC ngày 24/7/2017.
297	3	11		3.4.01	Danh sách cán bộ quản lý của trường tính đến 11/2017.
298	3	11	3.11.01		Hồ sơ văn bằng, chứng chỉ, Quyết định bổ nhiệm ... của Ban giám hiệu
299	3	11		1.1.09	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa ban hành theo Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017.
300	3	11		1.1.10	Quy chế làm việc của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa ban hành theo Quyết định số 708/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 22/10/2013.
301	3	11		1.4.02	Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu năm 2015 và 2016: Quyết định số 142/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 26/02/2015 và Quyết định số 466/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 12/5/2016.

302	3	11		3.7.03	Báo cáo tổng kết năm học 2015- 2016 và phương hướng năm học 2016 – 2017. Báo cáo tổng kết năm học 2016- 2017 và phương hướng năm học 2017 – 2018.
303	3	11		3.2.10	Một số Phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.
304	3	12		1.1.09	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa ban hành theo Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017.
305	3	12		3.4.01	Danh sách cán bộ quản lý của trường tính đến 11/2017.
306	3	12		1.3.06	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc trường CĐCN Tuy Hòa năm 2014, QĐ số 861/QĐ-CĐCN-TCHC ngày
307	3	12		1.4.01	Quyết định số 11770/QĐ-BCT, ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với các Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Tổng cục, Cục và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ; Quyết định số 4805/QĐ-BCT, ngày 26/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định tạm thời thẩm quyền về tổ chức, biên chế, quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với các Vụ Thanh tra Bộ, Văn
308	3	12		3.2.05	Công văn, tờ trình của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa liên quan đến quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2014, 2015, 2016, 2017.
309	3	12		3.2.02	QĐ bổ nhiệm cán bộ năm 2014, 2015, 2016, 2017.
310	3	12		3.2.03	QĐ miễn nhiệm cán bộ năm 2014, 2015, 2016, 2017.

311	3	13		3.4.01	Danh sách cán bộ quản lý của trường tính đến 11/2017.
312	3	13		1.1.09	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa ban hành theo Quyết định số 611/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 10/10/2017.
313	3	13		1.3.06	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc trường CĐCN Tuy Hòa năm 2014, QĐ số 861/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 26/11/2014.
314	3	13	3.13.01		Quyết định số 3029/QĐ-BCT ngày 21/7/2016 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa.
315	3	13		3.2.10	Một số Phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.
316	3	13		3.7.03	Báo cáo tổng kết năm học 2015- 2016 và phương hướng năm học 2016 – 2017. Báo cáo tổng kết năm học 2016- 2017 và phương hướng năm học 2017 – 2018.
317	3	13		1.10.14	Hướng dẫn, biên bản, Nghị quyết Hội nghị CBVC cấp trường hàng năm.
318	3	14		3.2.15	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015, 2016, 2017: Kế hoạch số 11A/KH-CĐCN-TCHC ngày 09/01/2015, số 10A/KH-CĐCN-TCHC ngày 06/01/2016, số 05A/KH-CĐCN-TCHC ngày
319	3	14		3.2.09	Các QĐ cử CBVC đi bồi dưỡng ngắn hạn năm 2014, 2015, 2016, 2017.
320	3	15		3.4.02	Danh sách CBVC, người lao động của trường tính đến 11/2017.

321	3	15		3.2.11	Các văn bản báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức năm 2014, 2015, 2016, 2017: Công văn số 683/CĐCN-TCHC ngày 19/12/2014, số 10/CĐCN-TCHC ngày 06/01/2016 , số 10/CĐCN-TCHC ngày 09/01/2017 và số 811/CĐCN-TCHC ngày 21/12/2017. Thông báo kết quả đánh giá phân loại viên chức năm học 2016 – 2017, Thông báo số 366/TB-CĐCN-TCHC ngày 24/7/2017.
322	3	15		3.2.06	Các Quyết định cử CBVC đi nghiên cứu sinh tiến sĩ năm 2014, 2015, 2017.
323	3	15		3.2.07	Các Quyết định cử CBVC đi học cao học năm 2014, 2015, 2016, 2017.
324	3	15		3.2.08	Các QĐ cử CBVC đi học đại học năm 2014, 2015, 2016.
325	3	15		3.2.09	Các QĐ cử CBVC đi bồi dưỡng ngắn hạn năm 2014, 2015, 2016, 2017.
326	3	15	3.15.01		Báo cáo tiến độ học tập của CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.
327	3	15		3.10.01	Một số Báo cáo tốt nghiệp, giấy chứng nhận hoàn thành khóa học của CBVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.
328	4	1		1.2.02	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 201/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 29/6/2017 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 43/2010/GCN-ĐKH ĐDN ngày 30/8/2010
329	4	1		2.1.01	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp

330	4	2	4.2.01		Quyết định thành lập ban chủ nhiệm chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp số 111A/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 02/3/2017
331	4	2	4.2.02		Biên bản họp khoa/tổ bộ môn góp ý xây dựng chương trình đào tạo
332	4	2	4.2.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp số 252A/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 22/5/2017
333	4	2	4.2.04		Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng
334	4	2	4.2.05		Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp
335	4	2		2.1.01	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
336	4	3	4.3.01		Biên bản họp thông qua chương trình đào tạo của nhà trường
337	4	3		2.1.01	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp

338	4	3	4.3.02		Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp
339	4	3	4.3.03		Chương trình Sơ cấp
340	4	4		2.1.01	Quyết định thành lập ban chủ nhiệm chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp số 111A/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 02/3/2017
341	4	4		4.2.01	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp số 624/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 12/10/2017
342	4	4	4.4.01		Biên bản họp khoa/tổ bộ môn góp ý xây dựng chương trình đào tạo
343	4	4		2.1.01	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
344	4	5		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
345	4	5		2.13.01	Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa trường và các doanh nghiệp trong việc phối hợp đào tạo, tuyển dụng HSSV

346	4	6		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
347	4	6	4.6.01		Thông báo 516/TB-CĐCN-QLĐT ngày 12/9/2017 về việc rà soát chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho học sinh sinh viên
348	4	6		2.1.03	Khung chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy, cao đẳng liên thông, trung cấp chuyên nghiệp
349	4	7	4.7.01		Chương trình sơ cấp
350	4	7		2.1.05	Khung chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy, cao đẳng liên thông, trung cấp chuyên nghiệp ban hành năm 2015
351	4	7		2.1.04	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
352	4	8		2.1.05	Khung chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy, cao đẳng liên thông, trung cấp chuyên nghiệp ban hành năm 2015

353	4	8		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
354	4	9		2.1.05	Khung chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chính quy, cao đẳng liên thông, trung cấp chuyên nghiệp ban hành năm 2015
355	4	9		4.2.02	Biên bản rà soát môn học người học liên thông của khoa
356	4	9	4.9.01		Đơn xin bảo lưu điểm học phần
357	4	10		1.2.02	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 201/2017/GCNDKHHĐ-TCDN ngày 29/6/2017
358	4	10	4.10.01		Bảng thống kê giáo trình
359	4	10	4.10.02		Bìa giáo trình
360	4	11		4.10.01	Bảng thống kê giáo trình
361	4	11		4.10.02	Bìa giáo trình
362	4	11		4.7.01	Chương trình sơ cấp

363	4	10		4.3.02	Thông tư 42/2015/TT-BLĐTĐ ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp
364	4	12		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
365	4	12		4.12.01	Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng viết giáo trình
366	4	12		4.10.02	Bìa giáo trình
367	4	12		4.12.03	Biên bản họp thẩm định giáo trình cho phép đưa vào sử dụng
368	4	13		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
369	4	13		4.12.01	Biên bản họp thẩm định giáo trình cho phép đưa vào sử dụng
370	4	14	4.14.01		Bảng thống kê danh mục giáo trình của nhà trường
371	4	14	4.14.02		Bảng tổng hợp ý kiến mức độ phù hợp của giáo trình với mục tiêu chương trình đào tạo

372	4	14	4.14.03		Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, người học về giáo trình và đề xuất điều chỉnh.
373	4	15		2.1.03	Quyết định 304/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp Quyết định 305/QĐ-CĐCN-ĐT ngày 21/6/2017 ban hành chương trình đào tạo trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp
374	4	15		2.7.07	Báo cáo thực tập tốt nghiệp có kèm đánh giá của đơn vị sử dụng lao động
375	4	15	4.15.01		Danh sách giáo trình cập nhật

376	5	1	5.1.01		Hồ sơ cung cấp địa chỉ của trường
377	5	2	5.2.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
378	5	2	5.2.02		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ sở I năm 2010 của UBND tỉnh Phú Yên
379	5	2	5.2.03		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ sở II cấp năm 2010 của UBND tỉnh Phú Yên
380	5	3		5.2.01	Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
381	5	3	5.03.01		Bảng kê diện tích xây dựng tại CS1 và CS2
382	5	4	5.4.01		Hồ sơ nghiệm thu đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật
383	5	4	5.4.02		Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng
384	5	4	5.4.03		Chứng chỉ an toàn PCCC của Công an tỉnh Phú Yên cấp cho các thành viên đội PCCC Cơ sở của trường năm 2017
385	5	4	5.4.04		Biên bản kiểm tra của phòng CS PCCC & CNCH Công an tỉnh Phú Yên các năm 2015, 2016, 2017
386	5	4	5.4.05		Quy trình bảo trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật

387	5	5	5.5.01		Bảng thống kê số lượng, diện tích, vị trí của phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo (Năm 2017).
388	5	5	5.5.02		Hồ sơ mua sắm thiết bị đào tạo năm 2015, 2016, 2017.
389	5	5	5.5.03		Hồ sơ kiểm kê, đánh giá tài sản năm 2017
390	5	6	5.6.01		Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.
391	5	6	5.6.02		Nội quy phòng thí nghiệm, xưởng thực hành
392	5	6	5.6.03		Quy trình vận hành thiết bị đào tạo của Khoa TNMT và khoa CN Hóa – Sinh.
393	5	6	5.6.04		Hồ sơ kiểm kê các khoa Cơ khí, TNMT, Điện-Điện tử, CN Hóa -Sinh học, CNTT năm 2016.
394	5	6	5.6.05		Quy trình ISO 9001:2015 về bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị
395	5	6	5.6.06		Hồ sơ bảo trì, sửa chữa thiết bị thường xuyên và định kỳ của các khoa Cơ khí, Khoa Điện & Tự động hóa năm 2017.
396	5	7	5.7.01		Thông báo số: về việc giao phòng học cho các khoa quản lý.
397	5	7	5.7.02		Quy định việc sắp xếp phòng thực hành, thí nghiệm theo bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S.
398	5	8		2.13.01	Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa trường và các doanh nghiệp trong việc phối hợp đào tạo, tuyển dụng HSSV
399	5	8	5.8.01		Thống kê số lượng người học của chương trình đào tạo hàng năm
400	5	8	5.8.02		Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo
401	5	8	5.8.03		Kế hoạch lên lớp trong đó thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường
402	5	9	5.9.01		Quy định việc sắp xếp phòng thực hành, thí nghiệm theo bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S
403	5	9	5.9.02		Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo
404	5	9	5.9.03		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ

405	5	9		5.6.01	Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.
406	5	10	5.10.01		Quyết định thành lập tổ Sửa chữa, bảo trì, BD thiết bị.(QĐ số 147/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 27/2/2015); Bổ sung quyết định mới 2018
407	5	10	5.10.02		Quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.
408	5	11	5.11.01		Hồ sơ quản lý các thiết bị đào tạo.
409	5	11	5.11.02		Đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo hằng năm.
410	5	11	5.11.03		Hợp đồng mua sắm có điều khoản về vận hành, hướng dẫn sử dụng và bảo hành theo quy định.
411	5	11	5.11.04		Bài tham luận đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.
412	5	12	5.12.01		Quy trình về mua sắm và quản lý tài sản theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015;
413	5	12	5.12.02		Hồ sơ giao nhận vật tư
414	5	12	5.12.03		Hồ sơ kiểm kê
415	5	13	5.13..01		Hình ảnh tòa nhà và các phòng chức năng Thư viện– B2
416	5	13	5.13.02		- Hợp đồng mua và Biên bản nghiệm thu sách từ năm 2010 – 2017 - Giao diện tra cứu: http://sach.tic.edu.vn
417	5	13	5.13.03		Danh mục các chương trình, giáo trình được trường phê duyệt đã được in ấn.
418	5	14	5.14..01		Giao diện bạn đọc mượn sách http://sach.tic.edu.vn/helix – phân hệ bạn đọc.
419	5	14	5.14.02		Hình ảnh Hội thảo thư viện; Ngày hội đọc sách; Thi giới thiệu sách; Kế hoạch hội thảo;
420	5	14	5.14.03		Báo cáo tổng kết năm học; Báo cáo khen thưởng thi đua
421	5	15	5.15.01		Giao diện thư viện điện tử http://elib.tic.edu.vn
422	5	15	5.15.02		Phần mềm tra cứu trực tuyến

423	5	15	5.15.03		Hình ảnh phòng máy phục vụ bạn đọc
424	6	1	6.1.01		- Quy chế thi đua khen thưởng số 132/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 12/2/2015 - Quy chế thi đua khen thưởng số 562/QĐ-CĐCN-TĐKT ngày 23/5/2016
425	6	1	6.1.02		- Quy chế NCKH số 33/QĐ-CĐCN ngày 14/01/2011 - Quy định NCKH đối với CBVC theo QĐ số 299/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 22/3/2016 - Quy định NCKH đối với CBVC số 670/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 08/11/2017
426	6	1	6.1.03		- QĐ số 507/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 16/7/2015 Về việc công nhận và khen thưởng sáng kiến năm 2015 - QĐ số 06/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 11/01/2017 Về việc khen thưởng các cá nhân có thành tích trong nghiên cứu khoa học năm 2016 - QĐ số 674/QĐ-CĐCN-QLKH&NCKH ngày 10/11/2017 Về việc khen thưởng các giải pháp đạt thành tích cao trong Hội Thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Phú yên 2016-2017
427	6	1	6.1.04		Báo cáo kết quả NCKH năm 2014-2015 số 21/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 14/01/2015
428	6	1	6.1.05		Báo cáo kết quả NCKH năm 2015-2016 số 782/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 20/7/2016
429	6	1	6.1.06		Báo cáo kết quả NCKH năm 2016-2017
430	6	2	6.2.01		Tổng hợp đề tài KHCN nghiệm thu gia đoạn 2007-2017
431	6	2	6.2.02		Tổng hợp danh sách sáng kiến phòng khoa trường giai đoạn 2011-2017
432	6	2	6.2.03		Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến gồm có QĐ số 590/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT 24/8/2015, QĐ số 584/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT 24/8/2015 về việc công nhận đề tài/sáng kiến và bàn giao sử dụng năm 2015

433	6	2	6.2.04		-Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến gồm có QĐ số 86/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 22/2/2017, QĐ số 92/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT 23/2/2017, QĐ số 93/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT 23/2/2017 về việc công nhận đề tài/sáng kiến và bàn giao sử dụng năm 2016
434	6	2	6.2.05		-Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến gồm có QĐ số 371/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 27/7/2017, QĐ số 193A/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT 12/4/2017, QĐ số 370/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT 27/7/2017 về việc công nhận đề tài/sáng kiến và bàn giao sử dụng năm 2017
435	6	2		6.1.04	Báo cáo kết quả NCKH năm 2014-2015 số 21/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 14/01/2015
436	6	2		6.1.05	Báo cáo kết quả NCKH năm 2015-2016 số 782/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 20/7/2016
437	6	2		6.1.06	Báo cáo kết quả NCKH năm 2016-2017
438	6	3	6.3.01		Tổng hợp bài báo khoa học và công nghệ Tập san KH&CN TIC năm 2012-2017
439	6	3	6.3.01		Tổng hợp bài báo quốc tế giai đoạn 2011-2017
440	6	4		6.2.01	Tổng hợp đề tài KHCN nghiệm thu giai đoạn 2007-2017
441	6	4		6.2.02	Tổng hợp danh sách sáng kiến phòng khoa trường giai đoạn 2011-2017
442	6	4	6.4.01		Văn bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học 2015 gồm: QĐ số 595/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 24/8/2015 về việc bàn giao quản lý và sử dụng sản phẩm sáng kiến năm học 2015
443	6	4	6.4.02		Văn bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học 2016 gồm: QĐ số 954D/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 25/8/2016, QĐ số 606/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 2/6/2016, QĐ số 818/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 22/7/2016, về việc bàn giao quản lý và sử dụng sản phẩm đề tài, sáng kiến năm học 2016

444	6	4	6.4.03		Văn bản thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học 2017 gồm: QĐ số 365/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 27/7/2017, QĐ số 362/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 27/7/2017 QĐ số 375/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 27/7/2017 về việc bàn giao quản lý và sử dụng sản phẩm đề tài, sáng kiến năm học 2017
445	6	5	6.5.01		Báo cáo số 418/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 23/7/2014 về Kết quả hoạt động quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế năm học 2014-2015
446	6	5	6.5.02		Quyết định số 539/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 28/7/2014 về việc cử viên chức đi đào tạo tại Trung Quốc
447	6	5	6.5.03		Báo cáo số 704/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 24/12/2014 về Kết quả hoạt động Hợp tác quốc tế năm 2014
448	6	5	6.5.04		Báo cáo số 21/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 14/01/2015 về Kết quả hoạt động quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế năm học 2014 và phương hướng năm 2015
449	6	5	6.5.05		Báo cáo số 573/BC-CĐCN-QLKH&HTQT ngày 28/12/2015 về Kết quả hoạt động Hợp tác quốc tế năm 2015
450	6	5	6.5.06		Báo cáo số 782/BC-CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 08/7/2016 Kết quả hoạt động Khoa học và Công nghệ và Hợp tác quốc tế năm học 2015-2016
451	6	5	6.5.07		Quyết định số 28/QĐ-CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 23/01/2017 về việc thành lập lớp Tiếng Anh giao tiếp do tình nguyện viên nước ngoài giảng dạy tại trường năm 2017
452	6	5	6.5.08		Quyết định số 485/QĐ-CĐCN-TCHC, ngày 18/8/2017 về việc cử viên chức đi đào tạo tại Trung Quốc
453	6	5	6.5.09		Quyết định số 486/QĐ-CĐCN-TCHC, ngày 18/8/2017 về việc cử viên chức đi đào tạo tại Trung Quốc
454	6	5	6.5.10		Báo cáo số 498/BC-CĐCN-ĐT&HTQT, ngày 06/9/2017 hoạt động Hợp tác quốc tế năm học 2016-2017
455	6	5	6.5.11		Công văn số 123/CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 20/3/2015 về việc

					cử cán bộ dự tuyển đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài theo Đề án 911 năm 2015
456	6	5	6.5.12		Bản đăng ký nhu cầu đào tạo tại Liên bang Nga theo diện Học bổng Hiệp định năm 2016 ngày 14/8/2015 (Kèm theo công văn số 1182/BGDĐT-ĐTVNN ngày 31/7/2015)
457	6	5	6.5.13		Quyết định số 99/QĐ-CĐCN-TCHC, ngày 20/01/2016 về việc đồng ý cho viên chức chuyển nước học
458	6	5	6.5.14		Quyết định số 150/QĐ-CĐCN-TCHC, ngày 27/3/2017 về việc cho viên chức đi nghiên cứu ngắn hạn nước ngoài
459	6	5	6.5.15		Công văn số 3530/UBND-NV ngày 27/8/2014 về việc cho phép tiếp nhận giáo viên nước ngoài đến giảng dạy tại Trung tâm AMA-TIC
460	6	5	6.5.16		Công văn số 02/LHHN ngày 06/01/2015 về việc “Báo cáo lịch làm việc của Tình nguyện viên quốc tế Công ty Nhân Việt từ 07/01/2015 đến 07/3/2015 tại Trường CĐCN Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
461	6	5	6.5.17		Công văn số 173/CĐCN-QLKH ngày 16/4/2015 về việc xin tình nguyện viên nước ngoài (tổ chức KOICA)
462	6	5	6.5.18		Công văn số 116/BC-LHHN, ngày 19/8/2016 “Danh sách tình nguyện viên của Công ty Nhân Việt” từ Liên hiệp Hữu nghị - UBND tỉnh Phú Yên.
463	6	5	6.5.19		Công văn số 1026/CĐCN-QLKH&HTQT ngày 14/9/2016 về việc tình nguyện viên nước ngoài đến làm việc tại Trường (Bà Marilyn Anne, Ông Mark Andrew, quốc tịch New Zealand
464	6	5	6.5.20		Công văn số 1330/CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 24/11/2016 về việc đề xuất ủy quyền bảo lãnh người nước ngoài về làm việc tại trường CĐCN Tuy Hòa
465	6	5	6.5.21		Công văn số 11586/BCT-HTQT, ngày 02/12/2016 về việc ủy quyền bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam và đến làm việc tại Trường CĐCN Tuy Hòa
466	6	5	6.5.22		Công văn số 1411/CĐCN/QLKH&HTQT, ngày 15/12/2016 về việc giải trình nhu cầu sử dụng người lao động

					nước ngoài
467	6	5	6.5.23		Công văn số 1412/CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 15/12/2016 về việc giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
468	6	5	6.5.24		Công văn số 1538/CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 21/12/2016 về việc nhập cảnh của khách nước ngoài
469	6	5	6.5.25		Công văn số C16078235/A72-P5, ngày 26/12/2016 về việc giải quyết cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam
470	6	5	6.5.26		Công văn số 14/CVL-QLLĐNN, ngày 06/01/2017 về việc thông báo chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài
471	6	5	6.5.27		Thông báo số 27/TB-CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 11/01/2017 về việc đăng ký tham gia lớp học Tiếng Anh giao tiếp với người nước ngoài năm học 2016-2017
472	6	5	6.5.28		Thông báo số 63/TB-CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 25/01/2017 về Học bổng của Đại học Bách khoa Côn Minh, Trung Quốc năm học 2016-2017
473	6	5	6.5.29		Công văn số 09-BC/LHHN, ngày 07/2/2017 về việc “Báo cáo chương trình làm việc của TNV Công ty Nhân Việt” từ Liên hiệp Các tổ chức Hữu nghị tỉnh Phú Yên - UBND tỉnh Phú Yên
474	6	5	6.5.30		Công văn số 642/UBND-NV, ngày 16/02/2017 về việc chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động người nước ngoài làm việc tại Trường cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
475	6	5	6.5.31		Công văn số 233/CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 22/5/2015 về việc đại diện Công ty IBES đến làm việc tại Trường (Mr. Koh Teng Chew, số hộ chiếu E2780080E, Ms. New Su Yee, số hộ chiếu A31405049)
476	6	5	6.5.32		Báo cáo số 241/CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 28/5/2015 về việc đại diện Công ty IBES đến làm việc tại Trường (Mr. Koh Teng Chew, số hộ chiếu E2780080E, Ms. New Su Yee, số hộ chiếu A31405049)

477	6	5	6.5.33		Công văn số 161/CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 24/3/2017 về việc báo cáo kết quả làm việc của chuyên gia quốc tế dự án ADB tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
478	6	5	6.5.34		Quyết định số 441/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 24/6/2014 về việc cử cán bộ đi tập huấn tại nước ngoài
479	6	5	6.5.35		Tờ trình số 228/TTr-CĐCN-QLKH&HTQT, ngày 01/3/2016 về việc cử cán bộ đi tham gia Ngày hội Giáo dục Đại học Quốc tế tại Việt Nam năm 2016
480	6	5	6.5.36		Quyết định số 938/QĐ-CĐCN-TCHC, ngày 22/8/2016 về việc cử viên chức đi dự tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài
481	7	1	7.1.01		Luật kế toán số 88/2015/QH 13 ngày 20/11/2015
482	7	1	7.1.02		Luật xây dựng số 50/2014 ngày 18/6/2014
483	7	1	7.1.03		Luật đấu thầu số 43/2013 ngày 26/11/2013
484	7	1	7.1.04		Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH 13 ngày 25/6/2015
485	7	1	7.1.05		Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006
486	7	1	7.1.06		Thông tư 185/2017/Q Đ-BTC ngày 15/11/2010 Và các thông tư hướng dẫn thực hiện các luật đang có hiệu lực và sử dụng trong lĩnh vực tài chính tại trường
487	7	1		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường năm 2015, 2016, 2017
488	7	1	7.1.07		Bộ quản lý ISO 9001
489	7	1	7.1.08		Báo cáo tài chính năm 2015, 2016,2017`
490	7	1	7.1.09		Biên bản hội nghị CN CVC hằng năm
491	7	2	7.2.01		Các loại sổ sách thu chi theo quy định của nhà nước năm 2015,2016,2017
492	7	2	7.2.02		Hồ sơ hoạt động của các loại hình dịch vụ (giữ xe, Tic, nhà khách..)
493	7	2	7.2.03		Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2015, 2016.2017
494	7	3	7.3.01		- Bộ quyết định giao dự toán năm 2015,2016,2017 (gồm: QĐ số 1506/QĐ-BCT; QĐ số 452/QĐ-BCT; QĐ số

					5880/QĐ-BCT; QĐ số 10348/QĐ-BCT; QĐ số 11811/QĐ-BCT....)
495	7	3		7.1.08	Báo cáo tài chính năm 2015, 2016, 2017
496	7	3		7.2.03	Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2015, 2016, 2017
497	7	4	7.4.01		Hồ sơ chứng từ thanh quyết toán,
498	7	4		7.1.07	Bộ quản lý ISO 9001
499	7	4		7.1.08	Báo cáo tài chính năm 2015, 2016, 2017
500	7	4		7.2.03	Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2015, 2016, 2017
501	7	4	7.4.02		Biên bản kiểm toán 2016
502	7	5	7.5.01		Kế hoạch kiểm tra năm 2015, 2016, 2017
503	7	5	7.5.02		Báo cáo cáo định kỳ
504	7	5		7.1.09	Hội nghị CN CVC hằng năm
505	7	5		7.2.03	Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2015, 2016, 2017
506	7	6	7.6.01		Đánh giá việc thực hiện hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường năm 2015, 2016, 2017
507	7	6	7.6.02		Báo cáo tiết kiệm 2015, 2016, 2017
508	7	6		7.1.09	Hội nghị CN CVC hằng năm
509	8	1	8.1.01		- Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân HSSV bậc cao đẳng khóa 36, 37 và bậc TCCN, TCN khóa 37 năm học 2015-2016 số 314/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 14/7/2015, - Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân HSSV bậc cao đẳng, TCCN khóa 39 năm học 2016- 2017 số 957/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 25/8/2016, - Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân HSSV bậc cao đẳng, TCCN khóa 37, 38 năm học 2016- 2017 số 914/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 15/8/2016, - Thông báo lịch tuần sinh hoạt công dân HSSV bậc cao đẳng, TCCN khóa 37, 38, 39 năm học 2016- 2017 số

					1108/TB- CĐCN- CTHSSV, ngày 26/9/2016, - Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân HSSV bậc cao đẳng, TCCN, TCN khóa 38 năm học 2015- 2016 số 426/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 23/9/2015, - Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân HSSV bậc cao đẳng khóa 36,37 và bậc TCCN, TCN khóa 37 năm học 2015-2016 số 314/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 14/7/2015, - Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân HSSV khóa 40 năm 2017 số 435/KH- CĐCN- QLĐT ngày 18/8/2017, - Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân HSSV khóa 38,39 năm 2017 số 404/KH- CĐCN- QLĐT ngày 04/8/2017.
510	8	1	8.1.02		- Quyết định về việc ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy, liên thông theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa số 516/QĐ- CĐCN- ĐT, ngày 23/8/2013, - Thông Tư ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp số 22/2014/TT- BGDĐT, ngày 09/7/2014, - Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT- BGDĐT, ngày 09/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, - Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ kèm theo Quyết định 516/QĐ- CĐCN- ĐT ngày 23/8/2013 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa số 539/QĐ- CĐCN- ĐT ngày 11/8/2015
511	8	1	8.1.03		- Quyết định về việc ban hành Quy chế HSSV trường CĐCN Tuy Hòa Số 390/QĐ- CĐCN- CTSV ngày 30/7/2008
512	8	1		1.12.01	- Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 1 năm học 2015-2016 đối với HSSV khóa 36,37,38 số 406/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 11/9/2015, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là

					người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2015- 2016 số 417/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 18/9/2015, - Thông báo về việc xét học bổng HSSV nghèo vượt khó học giỏi năm 2015 số số 416/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 18/9/2015, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2014- 2015 số 55/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 2 năm học 2014-2015 đối với HSSV khóa 35,36,37 số 57/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2016- 2017 số 1114/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 1 năm học 2016-2017 số 1116/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016, - Thông báo Hướng dẫn thủ tục chính sách nội trú số 1317/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 22/11/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 2 năm học 2015- 2016 số 120/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2015- 2016 số 122/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 2 năm học 2015-2016 đối với HSSV khóa 36,37,38 số 121/TB- CĐCN- CTHSSV ngày
--	--	--	--	--	--

					27/01/2016, - Thông báo về việc trợ cấp xã hội học kỳ 2 (2014- 2015) cho HSSV số 54/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 1 năm học 2016- 2017 số 1113/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016, - Thông báo v/v đề xuất danh sách HSSV thuộc diện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh sinh viên nghèo số 1098/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 26/9/2016, - Thông báo về việc xét học bổng HSSV nghèo vượt khó học giỏi năm 2016 số 1090/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 23/9/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí HK 2 năm học 2016- 2017 số 86/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017, - Thông báo về việc nhận hồ sơ chế độ miễn giảm học phí HK 1 năm học 2017- 2018 số 589/ TB- CĐCN- QLĐT ngày 02/10/2017, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 83/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 591/TB- CĐCN- QLĐT ngày 02/10/2017, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 85/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 590/ TB- CĐCN- QLĐT ngày 02/10/2017, - Thông báo về việc nhận hồ sơ chế độ
--	--	--	--	--	---

					nội trú học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 592/ TB- CĐCN- QLĐT ngày 02/10/2017, - Thông báo hướng dẫn thủ tục chính sách nội trú số 84/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017.
513	8	1	8.1.04		Sổ tay SV (Điều chỉnh 2016)
514	8	1	8.1.05		- Quyết định cử cố vấn học tập học kỳ 1 năm học 2014- 2015 số 784/QĐ- CĐCN- ĐT ngày 31/10/2014, - Quyết định cử cố vấn học tập năm học 2015- 2016 số 771/QĐ- CĐCN- ĐT ngày 09/10/2015, - Quyết định ban hành Quy định công tác cố vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường cao đẳng công nghiệp tuy hòa số 639/QĐ- CĐCN- ĐT ngày 14/6/2016, - Quyết định cử cố vấn học tập, GVCN năm học 2016- 2017 số 1045/QĐ- CĐCN- ĐT ngày 19/9/2016, - Quyết định cử cố vấn học tập, GVCN năm học 2017- 2018 số 581/QĐ- CĐCN- QLĐT ngày 25/9/2017
515	8	1	8.1.06		Quyết định ban hành Quy định công tác cố vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường cao đẳng công nghiệp tuy hòa số 639/QĐ- CĐCN- ĐT ngày 14/6/2016
516	8	1	8.1.07		- Báo cáo thực hiện quy chế công khai năm học 2014- 2015 số 679/CĐCN- ĐT, ngày 15/12/2014, - Báo cáo thực hiện quy chế công khai năm học 2015- 2016 số 584/BC- CĐCN- ĐT, ngày 31/12/2015
517	8	2		1.12.02	- Thông báo về việc hướng dẫn thủ tục vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên năm học 2016- 2017 số 122A/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016, - Thông báo về việc hướng dẫn thủ tục vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên năm học 2016- 2017 số 118/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 02/3/2017, - Biên bản kiểm tra thực hiện chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo

					quyết định 157/2007/QĐ- TTg của Thủ tướng chính phủ tại trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa năm 2016
518	8	2		1.12.01	- Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 1 năm học 2015-2016 đối với HSSV khóa 36,37,38 số 406/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 11/9/2015, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2015- 2016 số 417/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 18/9/2015, - Thông báo về việc xét học bổng HSSV nghèo vượt khó học giỏi năm 2015 số số 416/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 18/9/2015, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2014- 2015 số 55/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 2 năm học 2014-2015 đối với HSSV khóa 35,36,37 số 57/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2016- 2017 số 1114/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 1 năm học 2016-2017 số 1116/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016, - Thông báo Hướng dẫn thủ tục chính sách nội trú số 1317/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 22/11/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 2 năm học 2015- 2016 số 120/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016,

					- Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2015- 2016 số 122/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK 2 năm học 2015-2016 đối với HSSV khóa 36,37,38 số 121/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/01/2016, - Thông báo về việc trợ cấp xã hội học kỳ 2 (2014- 2015) cho HSSV số 54/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 30/01/2015, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 1 năm học 2016- 2017 số 1113/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 27/9/2016, - Thông báo v/v đề xuất danh sách HSSV thuộc diện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh sinh viên nghèo số 1098/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 26/9/2016, - Thông báo về việc xét học bổng HSSV nghèo vượt khó học giỏi năm 2016 số 1090/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 23/9/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí HK 2 năm học 2016-2017 số 86/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017, - Thông báo về việc nhận hồ sơ chế độ miễn giảm học phí HK 1 năm học 2017-2018 số 589/ TB- CĐCN- QLĐT ngày 02/10/2017, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 83/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017, - Thông báo về việc hỗ trợ chi phí học tập cho SV cao đẳng hệ chính qui là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 591/TB- CĐCN- QLĐT ngày
--	--	--	--	--	--

					02/10/2017, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 85/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017, - Thông báo về việc thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho HSSV hệ chính qui học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 590/ TB- CĐCN- QLĐT ngày 02/10/2017, - Thông báo về việc nhận hồ sơ chế độ nội trú học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 592/ TB- CĐCN- QLĐT ngày 02/10/2017, - Thông báo hướng dẫn thủ tục chính sách nội trú số 84/ TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017.
519	8	2		1.12.03	- Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1,2 năm học 2013- 2014 cho HSSV khóa 34,35,36 số 697/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 24/9/2014, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí bổ sung học kỳ 1,2 năm học 2013- 2014 cho HSSV khóa 34,35,36 số 888/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 16/12/2014, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2014- 2015 cho HSSV khóa 35,36,37 số 890/QĐ- CĐCN- CTSV ngày 16/12/2014, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2014- 2015 cho HSSV khóa 35,36,37 số 306/QĐ- CĐCN- CTSV ngày 25/4/2015, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 36,37,38 số 834/QĐ- CĐCN- CTSV ngày 03/11/2015, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí NĐ 86 bổ sung học kỳ 1 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 36,37,38 số 940/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 11/12/2015,

					- Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 36,37,38 số 362/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 08/4/2016, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 37,38 số 666/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 17/6/2016, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1148A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 03/10/2016, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1342/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 39 số 1343/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 39 số 1346/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 29/11/2016, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1547A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 23/12/2016, - Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38,39 số 1554A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 27/12/2016, - Thông báo về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí HK2 năm học 2016- 2017 số 86/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 15/02/2017, - Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 (bổ sung)
--	--	--	--	--	--

					số 144A/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 20/3/2017, - Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 225/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017, - Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 226/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017, - Quyết định về việc miễn,giảm học phí học kỳ 2 năm học 2016- 2017 số 234/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 08/5/2017, - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 36,37,38 số 835/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 03/11/2015, - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 36,37,38 số 361/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 08/4/2016, - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 37,38,39 số 1340/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016, - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV khóa 37,38,39 số 223/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017, - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV học kỳ 1 năm học 2017-2018 số 587A/QĐ- CĐCN- QLĐT ngày 28/9/2017, - Quyết định về việc cấp tiền trợ cấp xã hội cho HSSV học kỳ 1 năm học 2017-2018 (bổ sung) số 587B/QĐ- CĐCN- QLĐT ngày 28/9/2017, - Quyết định về việc được hưởng tiền hỗ trợ chi phí học tập SV khóa 35,36,37 số 889/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 16/12/2014, - Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học tập SV khóa 35,36,37 số 304/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 25/4/2015, - Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học
--	--	--	--	--	--

					tập cho SV khóa 39 số 1341/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/11/2016, - Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học tập SV khóa 37,38,39 số 224/QĐ- CĐCN- CTHSSV ngày 28/4/2017, - Quyết định về việc được hưởng tiền hỗ trợ chi phí học tập SV học kỳ 1 năm học 2017- 2018 số 588A/ QĐ- CĐCN- QLĐT ngày 28/9/2017
520	8	2		1.12.04	- Đánh giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2014 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 - Đánh giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2015 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 - Báo cáo tình hình thực hiện năm 2015 và dự toán chi năm 2016 về chế độ miễn giảm học phí theo ND 86 (trước đây là ND 74) và chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người dân tộc thiểu số - Tổng hợp tình hình thực hiện miễn giảm học phí năm 2017 và dự toán kinh phí miễn giảm học phí năm 2018, - Thực hiện miễn giảm học phí năm 2017 và dự toán kinh phí miễn giảm học phí năm 2018
521	8	3	8.3.01		- Quyết định v/v ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy, số 213/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 26/2/2016
522	8	3	8.3.02		- Thông báo về mức học bổng khuyến khích học tập năm học 2017- 2018, số 804/TB- CĐCN- QLĐT, ngày 20/12/2017, - Thông báo về việc mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 và 2 năm học 2016- 2017, số 50/TB- CĐCN- CTHSSV, ngày 17/1/2017, - Thông báo về việc mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 và 2 năm học 2015- 2016, số 242/TB- CĐCN- CTHSSV, ngày 3/3/2016, - Thông báo về việc mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 và 2 năm học 2013- 2014, số 06/TB- CĐCN- CTSV, ngày 3/1/2014,

					- Thông báo về việc mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1 và 2 năm học 2014- 2015, số 14/TB- CĐCN- CTSV, ngày 9/1/2015,
523	8	3	8.3.03		- Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2014-2015 cho học sinh khóa 37, số 768/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 9/10/2015, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho SV CĐ khóa 37, số 469/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho SVCĐLT khóa 37, số 470/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho HS TCCN khóa 37, số 471/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho HS TCN khóa 37, số 472/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho SV CĐ khóa 36, số 468/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho SV CĐ khóa 38, số 473/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho SVCĐLT khóa 38, số 474/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2015-2016 cho HS TCCN khóa 38, số 475/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2015-

					2016 cho SV CĐ khóa 36, số 476/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2015-2016 cho HS TCCN khóa 37, số 478/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2015-2016 cho SVCĐLT khóa 37, số 477/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2015-2016 cho SVCĐ khóa 38, số 1195/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/10/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2015-2016 cho SVCĐ khóa 37, số 1194/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/10/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2015-2016 cho SVCĐLT khóa 38, số 1196/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/10/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2015-2016 cho HS TC khóa 38, số 1197/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/10/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016-2017 cho SV CĐ khóa 37, số 187/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016-2017 cho SV CĐLT khóa 38, số 188/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016-2017 cho HS TCCN khóa 38, số 189/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016-2017 cho SV CĐ khóa 39, số 191/QĐ-
--	--	--	--	--	---

					CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016-2017 cho SV CĐ khóa 38, số 190/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016-2017 cho SVCĐLT khóa 39, số 192/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2016-2017 cho HS TCCN khóa 39, số 193/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2016-2017 cho SV CĐ khóa 37, số 194/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2016-2017 cho HS TCCN khóa 38, số 195/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2017, - Quyết định v/v công nhận và khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2014-2015 cho HSSV khóa 36, 37, số 766/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 9/10/2015, - Quyết định v/v cấp nhận danh hiệu thi đua học kỳ I năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 36, 37,38, số 481/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/5/2016, - Quyết định v/v công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II năm học 2015- 2016 cho HSSV khóa 37,38, số 1198/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/10/2016, - Quyết định v/v công nhận và khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2015-2016 cho HSSV khóa 37,38, số 1199/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/10/2016, - Quyết định v/v công nhận danh hiệu thi đua học kỳ I năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38, 39, số 196/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2016,
--	--	--	--	--	---

					- Quyết định v/v công nhận danh hiệu thi đua học kỳ II năm học 2016- 2017 cho HSSV khóa 37,38, số 197/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 12/4/2016,
524	8	3	8.3.04		- Quyết định v/v cấp giấy khen cho HSSV đạt kết quả cao trong Hội thi tay nghề giỏi HSSV khoa Điện – Điện tử năm 2015, số 247/QĐ- CĐCN- Đ- ĐT, ngày 3/4/2015, - Quyết định v/v công nhận kết quả và tặng thưởng cho cuộc thi “ý tưởng khởi nghiệp” của HSSV trường CĐCNTH lần thứ nhất, năm 2016, số 631/QĐ- CĐCN- HN&TVVL, ngày 10/6/2016, - Quyết định v/v công nhận kết quả và trao thưởng cho thí sinh tham dự cuộc thi “Bàn tay vàng HSSV Công nghiệp”, năm 2017, số 210/QĐ- CĐCN- HN&TVVL, ngày 24/4/2017, - Quyết định v/v công nhận kết quả và trao thưởng cho thí sinh tham dự cuộc thi “HSSV thời hội nhập”, năm 2017, số 211/QĐ- CĐCN- HN&TVVL, ngày 24/4/2017, - Quyết định v/v cấp giấy khen cho HSSV đạt kết quả cao trong Hội thi tay nghề giỏi HSSV khoa Điện – Điện tử năm 2016, số 409/QĐ- CĐCN- Đ- ĐT, ngày 26/4/2016, - Quyết định v/v khen thưởng HSSV đạt thành tích tốt tại Hội thi tay nghề Bộ Công Thương năm 2016, số 316/QĐ- CĐCN- ĐT, ngày 25/3/2016, - Danh sách đề xuất chính sách miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập đối với HSSV nghèo, số 1135/CĐCN- CTHSSV, ngày 30/9/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng HSSV nghèo vượt khó học khá, giỏi năm học 2015- 2016, số 1205/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 14/10/2016, - Danh sách đề xuất học bổng cho sinh viên nghèo có thành tích trong học tập, số 1237/CĐCN- CTHSSV, ngày 27/10/2016, - Quyết định v/v tặng học bổng sinh viên

					có điểm xét tuyển cao nhất năm 2016, số 1229/QĐ- CĐCN- CTHSSV, ngày 25/10/2016, - Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai năm học 2016-2017, số 1553/QĐ- CĐCN- TS, ngày 27/12/2016
525	8	4	8.4.01		- Thông báo v/v tuyển sinh năm 2017, số 168/TB- CĐCN- TS, ngày 30/3/2017, - Thông báo tuyển sinh Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy năm 2016, số 720/TB- CĐCN- TS, ngày 8/7/2016, - Thông báo tuyển sinh bậc Cao đẳng chính quy năm 2016, số 719/TB- CĐCN- TS, ngày 8/7/2016, - Thông báo tuyển sinh năm 2015, ngày //2015, - Thông báo tuyển sinh năm 2014, ngày 23/7/2014
526	8	4		1.12.06	- Quyết định v/v ban hành quy định công tác HSSV nội trú, ngoại trú, số 389/QĐ/CĐCN- CTSV, ngày 30/7/2008, (kèm theo Phiếu đăng ký ở nội trú, KTX trường CĐCNTH, quy định, khung xử lý, nội dung, nội quy).
527	8	4	8.4.02		- Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động Vì sự tiến bộ của Phụ nữ năm 2014, số 654/BC- CĐCN, ngày 4/12/2014, - Quyết định v/v thành lập ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ, số 390/QĐ- CĐCN- CĐ, ngày 1/6/2015, - Báo cáo việc thực hiện chính sách lao động nữ năm 2015 và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của chương trình hành động vì bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015, số 280/BC- CĐCN- CĐ, ngày 4/9/2017, - Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động công tác bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của Phụ nữ năm 2016, số /BC- CĐCN, ngày //2016, - Tờ trình v/v đề nghị tặng thưởng bằng khen của bộ trưởng bộ công thương cho tập thể và cá nhân có thành tích trong hoạt động vì sự tiến bộ của Phụ nữ giai

					đoạn 2011- 2015, số 31/TTr- CDCN-TĐKT, ngày 8/1/2016, - Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật bình đẳng giới , số 336/BC- CDCN-BVSTBPN, ngày 30/6/2017
528	8	5	8.5.01		- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công, hạng mục sửa chữa nhà ký túc xá K1 – Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, tháng 6 năm 2014 - Bản vẽ hòa công, hạng mục sửa chữa nhà ký túc xá K1 – Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, tháng 8 năm 2014 - Hồ sơ bản vẽ hòa công, hạng mục khu WC khép kín nhà ký túc xá số 2 – Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa, tháng 5 năm 2001 - Hồ sơ hòa công, hạng mục ký túc xá số 3 – Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa, - Hồ sơ hòa công, hạng mục ký túc xá số 4 – Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa.
529	8	6	8.6.01		- Thông báo về việc khám sức khỏe đối với HSSV khóa 38, số 522 /TB- CDCN-QT, ngày 19/11/2015, - Thông báo về việc khám sức khỏe đối với HSSV khóa 39, số 1243 /TB- CDCN- QT, ngày 28/10/2016, - Thông báo về việc khám sức khỏe đối với HSSV khóa 39, số 1138/TB- CDCN-QT, ngày 30/9/2016, - Thông báo về việc khám sức khỏe đối với HSSV khóa 40, số 612/TB- CDCN-QLĐT, ngày 09/10/2017, - Thông báo về việc khám sức khỏe đối với HSSV khóa 40, số 1138/TB- CDCN-QLĐT, ngày 30/9/2016
530	8	6	8.6.02		- Kế hoạch kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2014, số 237 /KH- CDCN- QT, ngày 25/04/2014, - Thông báo về việc phòng, chống bệnh truyền nhiễm, số: 174/ TB – CDCN – QT ngày 17/04/2015, - Thông báo về việc tổ chức tháng hành động vì ATTP năm 2015, số: 181/ TB –

					CĐCN – CTHSSV ngày 21/04/2015, - Thông báo về việc phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, số: 455/ TB – CĐCN – QT ngày 08/10/2015, - Thông báo về tổ chức tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016, số 382 /TB- CĐCN- QT, ngày 19/04/2016, - Công văn về việc báo cáo công tác PCNN 6 tháng đầu năm 2016, số: 645/CĐCN – TCHC, ngày 15/06/2016, - Kế hoạch kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2014, số 237 /KH- CĐCN- QT, ngày 25/04/2014, - Thông báo về việc tổ chức tháng hành động vì ATTP năm 2017, số 212 /TB- CĐCN- CTHSSV, ngày 21/04/2017, - Kế hoạch triển khai tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS năm 2015, số 531A /KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 26/11/2015, - Kế hoạch về việc triển khai tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS năm 2016, số 1318 /KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 22/11/2016, - Công văn đến về việc phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết do vi rút Ebola số 7628/BCT- VP ngày 12 / 08/ 2014, - Thủ tướng chính phủ điện Bộ Công Thương, ngày 09/08/2014 - Thông báo về việc phòng chống các bệnh truyền nhiễm số 519/TB- CĐCN- QT ngày 15/09/2014 - Thông báo về việc phòng chống bệnh dịch hạch số 685 TB- CĐCN- QT ngày 19/12/2014 - Thông báo về việc phòng chống dịch bệnh do vi rút Zika gây nên, 2015 - Thông báo về việc tăng cường phòng chống bệnh sốt xuất huyết số 268/TB- CĐCN- QT ngày 12/06/2015 - Thông báo về việc phòng chống dịch bệnh do vi rút Zika và bệnh sốt xuất huyết, số 323/TB- CĐCN- CTHSSV ngày 29/03/2016
531	8	6	8.6.03		- Thông báo về việc mua Bảo hiểm y tế HSSV khóa 36, 37 đợt 1 năm học 2015 -

					2016 số 388/TB- CDCN- CTHSSV ngày 28/08/2015 - Thông báo thực hiện Bảo hiểm y tế HSSV 2016 - 2017 (Đợt 1) số 1049/TB- CDCN- CTHSSV ngày 19/09/2016 - Thông báo về việc tăng cường triển khai thực hiện bảo hiểm y tế cho HSSV năm học 2016 - 2017 số 1043/TB- CDCN- CTHSSV ngày 16/09/2016 - Thông báo về việc mua Bảo hiểm y tế HSSV đợt 2 năm học 2015 - 2016 số 531/TB- CDCN- CTHSSV ngày 26/11/2015 - Công văn số 57/BHXXH- CNTT, về việc tra cứu thông tin tham gia BHXH và thẻ BHYT, ngày 22/02/2016 - Thông báo thực hiện bảo hiểm y tế HSSV năm học 2016 - 2017 đợt 2, số 1245/TB- CDCN- CTHSSV ngày 01/11/2016 - Thông báo về việc thay đổi số tiền mua Bảo hiểm y tế năm 2017 đối với hộ cận nghèo, số 1278/TB- CDCN - CTHSSV ngày 08/11/2016 Email phòng CTHSSV gửi BGH, các phòng, khoa, tổ bộ môn trực thuộc về việc đề nghị triển khai cho GVCN-CVHT thông báo và nhắc nhở HSSV mua BHYT năm 2017, ngày 19/12/2016. - Thông báo về việc thực hiện mua Bảo hiểm y tế HSSV năm học 2017 - 2018 số 487/TB- CDCN- QLĐT ngày 31/08/2017 - Thông báo về việc thực hiện Bảo hiểm y tế HSSV năm học 2017 - 2018 đợt 2, số 750/TB- CDCN- QLĐT ngày 28/08/2015
532	8	6	8.6.04		- Báo cáo về việc tổ chức tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2017, số 243 A/BC- CDCN- CTHSSV, ngày 15/05/2017, - Báo cáo về việc tổ chức tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016, số 544A/BC- CDCN- CTHSSV, ngày 17/05/2016,

					- Báo cáo về việc tổ chức tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2015, số 217/BC- CDCN- CTHSSV, ngày 13/05/2015
533	8	6	8.6.05		- Báo cáo tổng kết công tác y tế trường học năm 2015, ngày 12/11/2015 - Bảng dự trù thuốc năm 2015. - Báo cáo tổng kết công tác y tế trường học năm 2016 - Giấy đề nghị về việc mua thuốc chữa bệnh cho HSSV 2016. - Báo cáo tổng kết công tác y tế trường học năm 2017 - Bảng dự trù thuốc năm học 2017.
534	8	7	8.7.01		- Kế hoạch v/v giao lưu văn nghệ với đoàn TN P8, số 03/KH/ĐTN, ngày 27/1/2015, - Kế hoạch v/v tham gia chương trình Múa hát tập thể chào mừng Ngày hội 40 năm Ngày Giải phóng tỉnh Phú Yên và Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, số 11/KH/ĐTN, ngày 18/3/2015, - Kế hoạch tổ chức chương trình “Chào đón tân HSSV khóa 39”, chào mừng kỷ niệm 38 năm thành lập trường (15/10/1978 – 15/10/2016), số 04/KH/ĐTN, ngày 19/10/2016, - Kế hoạch v/v tổ chức chương trình “Hành quân về địa chỉ đỏ và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên”, số 16/KH/ĐTN, ngày 11/4/2017, - Kế hoạch tổ chức hội thi “Tuyên truyền các ca khúc cách mạng”, số 10/KH/ĐTN, ngày 17/3/2016, - Kế hoạch tổ chức chương trình “Cắm hoa tri ân Thầy Cô” chào mừng kỷ niệm 34 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982- 20/11/2016), số 05/KH/ĐTN, ngày 11/11/2016, - Kế hoạch v/v giao lưu văn nghệ, tặng học bổng, quà tết các đơn vị xã, huyện, trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên, số 10/KH/ĐTN, ngày 16/1/2017, - Kế hoạch v/v tổ chức hội thi “Liên hoan tiếng hát HSSV trường CDCNTH”

				năm 2015, số 07/KH/ĐTN, ngày 10/3/2015, - Kế hoạch tổ chức cuộc thi “Khám phá IT” năm 2015, số 01/KH/CNTT- TT-DL, ngày 4/3/2015, - Kế hoạch tổ chức chương trình “Ngày hội sinh viên” nhằm chào đón tân sinh viên, chào mừng kỷ niệm 37 năm thành lập trường (15/10/1978- 15/10/2015), số 03/KH/ĐTN, ngày 15/10/2015, - Kế hoạch tổ chức tập luyện và tham gia chương trình “liên hoan các nhóm tuyên truyền ca khúc cách mạng năm 2015”, số 01/KH/ĐTN, ngày 25/8/2015, - Kế hoạch v/v tổ chức chương trình “Đồng hành với HSSV trong thời đại hội nhập”, số 13/KH/ĐTN, ngày 21/3/2015, - Kế hoạch v/v tổ chức cuộc thi “Tôi là người dẫn chương trình”, số 03/KH/ĐTN, ngày 10/10/2016, - Kế hoạch tổ chức cuộc thi “Kỹ năng tin học” lần I năm học 2015- 2016, số 04/KH/ĐTN, ngày 11/11/2015, - Quyết định v/v tặng quà Học sinh nghèo vượt khó học khá giỏi và gia đình có công cách mạng tại xã Phú Mỹ- Đồng Xuân- Phú Yên trong chiến dịch Mùa hè xanh năm 2016, số 01/QĐ/ĐTN, ngày 22/7/2016
535	8	7	8.7.02	- Quy chế phối hợp Công an phường 9 thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại trường CĐCNTH 2014. - Quy chế phối hợp Công an phường 8 thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại trường CĐCNTH 2014. - Báo cáo số liệu tổng kết 4 năm thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành số 62/2011/QCPh/SGĐĐT- CAT, số 547/BC- CĐCN- CTHSSV, ngày 14/12/2015, - Quy chế phối hợp Công an phường 9 thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, quản lý Học sinh Nội trú tại trường CĐCNTH năm 2017, số 01/QCPh-CĐCN- CAP9, ngày 31/12/2016. - Quyết định v/v thành lập ban chỉ đạo

					thực hiện mô hình liên kết đảm bảo ANTT quản lý HS Nội trú Trường CĐCNTH năm 2017, số 1577/QĐ-CĐCN, ngày 30/12/2016, - Báo cáo tổng kết triển khai mô hình liên kết đảm bảo an ninh trật tự của Công an phường 9 và Trường CĐCNTH năm 2016, số 09/BC- CĐCN- CAP9, ngày 15/11/2016, người báo cáo Công an phường 9 - Kế hoạch thực hiện mô hình liên kết đảm bảo an ninh trật tự của trường CĐCNTH và Công an phường 9, số 01/KH- CĐCN- CAP9, ngày 31/12/2016, người báo cáo Công an phường 9. - Kế hoạch thực hiện mô hình liên kết đảm bảo an ninh trật tự của Công an phường 9 và trường CĐCNTH, số 89/KH- CĐCN- CAP9, ngày 17/2/2014, người báo cáo Công an phường 9. - Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện thông tư số 23/2012/TT- BCA, ngày 27/4/2012 của BCA quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” trong cơ quan, doanh nghiệp, trường học (2012- 2017), số 362/BC- CĐCN- CTHSSV, ngày 19/7/2017, - Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện mô hình liên kết với Công an phường 9- đảm bảo ANTT Trường CĐCNTH năm 2018, số 07A/QĐ-CĐCN- QLĐT, ngày 2/10/2018, - Báo cáo sơ kết 6 tháng triển khai thực hiện mô hình liên kết đảm bảo ANTT tại trường CĐCNTH (cơ sở 2) năm 2017, số 06/BC- CĐCN- CAP9, ngày 15/5/2017, người báo cáo Công an phường 9. - Báo cáo tổng kết triển khai mô hình liên kết đảm bảo an ninh trật tự Trường CĐCNTH (cơ sở 2) năm 2017, số 362/BC- CĐCN- CAP9, ngày 26/12/2017, người báo cáo Công an phường 9.
--	--	--	--	--	--

					- Kế hoạch thực hiện mô hình liên kết đảm bảo an ninh trật tự tại trường CĐCNTH và Công an phường 9 năm 2018, số 01/KH- CĐCN- CAP9, ngày 31/12/2017, người báo cáo Công an phường 9. - Quy chế phối hợp thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, quản lý Học sinh Nội trú tại trường CĐCNTH năm 2018, số 01/QCPH- CĐCN- CAP9, ngày 31/12/2017.
536	8	7	8.7.03		- Kế hoạch Tổ chức tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ 16 năm 2014, số 129/KH- CĐCN- TTr&KĐ, ngày 6/3/2014, - Quyết định v/v kiện toàn Đội PCCC cơ sở tại cơ sở 2 Trường CĐCNTH, số 446/QĐ- CĐCN- BQL, ngày 7/7/2015, - Quyết định v/v kiện toàn Đội PCCC cơ sở tại cơ sở 1 Trường CĐCNTH, số 447/QĐ- CĐCN- QT, ngày 7/7/2015, - Kế hoạch Tổ chức tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ 17 năm 2015, số 28/KH- CĐCN- QT, ngày 15/1/2015, - Kế hoạch Phối hợp thực tập phương án chữa cháy năm 2015 tại trường CĐCNTH, số 162/KH- CĐCN- QT, ngày 8/4/2015, - Báo cáo định kỳ năm 2016 hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, số 1541/BC- CĐCN- KH&CN TIC, ngày 22/12/2016, - Báo cáo An toàn phòng cháy và chữa cháy năm 2016, số 451/BC- CĐCN- QT, ngày 6/5/2016, - Báo cáo tổng hợp các hoạt động hưởng ứng tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ 18 năm 2016, số 359/BC- CĐCN- QT, ngày 8/4/2016, - Quyết định v/v thành lập đội PCCC tại cơ sở 1 Trường CĐCNTH, số 588/QĐ- CĐCN- QT, ngày 13/8/2016, - Thông báo v/v kiểm tra tình hình sử dụng thiết bị tại các phòng thí nghiệm,

				xưởng thực hành và hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ- PCCN lần thứ 18 năm 2016, số 264/TB- CĐCN- TTr&KĐ, ngày 10/3/2016, - Thông báo v/v kiểm tra tình hình sử dụng thiết bị tại các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và hưởng ứng tháng hành động an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ năm 2017, số 236/TB- CĐCN- TTr&KĐCLGD, ngày 4/5/2017, - Lịch kiểm tra v/v kiểm tra các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và hưởng ứng tháng hành động an toàn vệ sinh lao động- phòng chống cháy nổ năm 2017, ngày 18/5/2017, - Quyết định v/v kiện toàn trung đội tự vệ cơ quan năm 2014, số 317/QĐ- CĐCN- TCHC, ngày 19/5/2014, - Quyết định v/v kiện toàn tổ công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học năm 2014, số 318/QĐ- CĐCN- TCHC, ngày 19/5/2014, - Quyết định v/v kiện toàn trung đội tự vệ cơ quan năm 2015, số 152/QĐ- CĐCN- TCHC, ngày 4/3/2015
537	8	7	8.7.04	- Kế hoạch bảo vệ cơ quan các ngày nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, số 170/KH- CĐCN- TCHC, ngày 14/4/2015, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan ngày nghỉ Tết dương lịch năm 2016, số 566/KH- CĐCN- TCHC, ngày 22/12/2015, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan Tết dương lịch năm 2016, số 567/CĐCN- TCHC, ngày 22/12/2015, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan Tết Nguyên Đán Ất Mùi năm 2015, số 52/CĐCN- TCHC, ngày 22/1/2015, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan ngày Quốc khánh 2/9/2015, số 381/CĐCN- TCHC, ngày 27/8/2015, - Kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm an toàn giao thông năm 2015, số 113/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày

				16/3/2015, - Kế hoạch đảm bảo trật tự ATGT trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và Lễ hội xuân 2016, số 581/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 31/12/2015, - Thông báo v/v Triển khai tuyên truyền việc chấp hành các quy định của pháp luật về nồng độ cồn đối với người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, số 34/TB- CĐCN- CTHSSV, ngày 19/1/2015, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan các ngày nghỉ lễ 30/4 và 1/5 năm 2016, số 419/KH- CĐCN- TCHC, ngày 28/4/2016, - Kế hoạch đảm bảo trật tự ATGT và ANTT trong dịp nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 - 1/5 và bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, số 388/KH- CĐCN- CTHSSV, ngày 20/4/2016, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan ngày nghỉ Tết dương lịch năm 2017, số 1539/KH- CĐCN- TCHC, ngày 22/12/2016, - Kế hoạch v/v tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” năm 2016, số 741/KH- CĐCN- TCHC, ngày 13/7/2016, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan ngày nghỉ lễ Quốc khánh 2/9/2016, số 591/KH- CĐCN- TCHC, ngày 24/8/2016, - Quyết định v/v thành lập Ban chỉ đạo Tết Nguyên đán Bính Thân 2016, số 129/QĐ- CĐCN- TCHC, ngày 28/1/2016, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan Tết dương lịch năm 2017, số 1542/CĐCN- TCHC, ngày 22/12/2016, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan Tết Nguyên đán Bính Thân năm 2016, số 131/CĐCN- TCHC, ngày 29/1/2016, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan ngày Giỗ tổ Hùng Vương năm 2016, số 368/CĐCN- TCHC, ngày 13/4/2016, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan ngày
--	--	--	--	---

					30/4 và 1/5 năm 2016, số 420/CĐCN-TCHC, ngày 28/4/2016, - Báo cáo v/v bảo đảm trật tự ATGT trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Bính Thân và lễ hội xuân 2016, số 78/BC- CĐCN- CTHSSV, ngày 15/1/2016, - Báo cáo v/v tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự phòng học, số 212/BC- CĐCN- CTHSSV, ngày 26/2/2016, - Báo cáo lịch trực bảo vệ cơ quan ngày Quốc khánh 2/9/2016, số 952/CĐCN-TCHC, ngày 24/8/2016, - Thông báo v/v tăng cường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích và đuối nước cho HSSV năm học 2016- 2017, số 1244/TB- CĐCN- CTHSSV, ngày 28/10/2016, - Thông báo v/v tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trong trường, số 192/TB- CĐCN –TCHC, ngày 24/2/2016, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan các ngày nghỉ Tết Dương lịch năm 2015, số 691/KH- CĐCN- TCHC, ngày 23/12/2014, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan ngày nghỉ Quốc khánh 2/9/2015, số 380/CĐCN-TCHC, ngày 27/8/2015, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan các ngày nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, số 170/KH- CĐCN- TCHC, ngày 14/4/2015, - Quyết định v/v thành lập Ban chỉ đạo Tết Nguyên đán Bính Thân 2016, số 129/QĐ- CĐCN- TCHC, ngày 28/1/2016, - Kế hoạch đảm bảo trật tự ATGT và ANTT trong dịp nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 - 1/5 và bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, số /KH- CĐCN- CTHSSV, ngày /4/2015,
--	--	--	--	--	---

					- Quyết định v/v thành lập Ban chỉ đạo Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017, số 24/QĐ- CĐCN- TCHC, ngày 19/1/2017, - Kế hoạch bảo vệ cơ quan ngày nghỉ Quốc khánh 2/9/2017, số 478/CĐCN- TCHC, ngày 30/8/2017
538	8	7	8.7.05		- Báo cáo Tổng kết và tổ chức các hoạt động kỷ niệm 10 năm ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ trong cơ quan, doanh nghiệp, trường học, số 236/BC- CĐCN- TCHC, ngày 25/5/2015, - Báo cáo về công tác quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm 2015, số 209/BC- CĐCN- TCHC, ngày 11/5/2015, - Báo cáo kết quả công tác ANTT và TT ATGT năm 2016, số 1311/BC- CĐCN- CTHSSV, ngày 21/11/2016, - Báo cáo về việc tổ chức "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" năm 2016, số 944/BC- CĐCN- TCHC, ngày 23/8/2016, - Báo cáo kết quả xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, xây dựng trường học an toàn về ANTT năm 2017, số 685/BC- CĐCN- QLĐT, ngày 30/10/2017, - Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện TT số 23/2012/TT- BCA, ngày 24/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" trong cơ quan, doanh nghiệp, trường học (2012- 2017), số 362/BC- CĐCN- CTHSSV, ngày 19/7/2017, - Báo cáo kết quả công tác ANTT và TT ATGT năm 2015, số 527/BC- CĐCN- CTHSSV, ngày 1/12/2015, - Báo cáo kết quả công tác ANTT và TT ATGT năm 2017, số 748/BC- CĐCN- QLĐT, ngày 28/11/2017,
539	8	8	8.8.01		- Thông báo về việc tổng hợp thông tin tuyển dụng cho HSSV, số 218/TB- CĐCN- TS&GTVL, ngày 14/5/2015, - Thông tin tuyển dụng việc làm trên trang GTVL của website Trường CĐCN

				Tuy Hòa, ngày 18/1/2018. - Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng của các Doanh nghiệp, ngày 30/6/2017, - Phiếu tổng hợp thông tin tuyển dụng của các Doanh nghiệp, ngày 30/7/2016, - Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng của các Doanh nghiệp, ngày 30/3/2017, - Phiếu tổng hợp thông tin tuyển dụng của các Doanh nghiệp, ngày 30/10/2016, - Phiếu tổng hợp thông tin tuyển dụng của các Doanh nghiệp, ngày 13/4/2016,
540	8	8	8.8.02	- Kế hoạch về việc tổ chức Hội chợ việc làm cho HSSV Trường CĐCN Tuy Hòa lần thứ hai, năm 2015, số 161/KH-CĐCN- TS&GTVL, ngày 8/4/2015, - Báo cáo việc thực hiện công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm hỗ trợ sinh viên trong quan hệ với doanh nghiệp và khởi nghiệp, số 763/BC- CĐCN- HN&TVVL, ngày 18/7/2016, - Kế hoạch tổ chức hội thi “Bàn tay vàng HSSV Công Nghiệp” Năm học 2016-2017, số 119/KH- CĐCN- HN&TVVL, ngày 11/10/2016, - Kế hoạch Tổ chức cuộc thi “HSSV thời hội nhập”, Chủ đề “Xây dựng thương hiệu cá nhân”, số 1106/KH- CĐCN- HN&TVVL, ngày 26/9/2016, - Kế hoạch Hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm học 2016- 2017, số 1078/KH- CĐCN- HN&TVVL, ngày 22/9/2016, - Kế hoạch Hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm 2016, số 287/KH- CĐCN- HN&TVVL, ngày 18/3/2016, - Kế hoạch Tổ chức cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp” của HSSV trường CĐCNTH lần thứ hai năm 2017, số 38/KH- CĐCN- HN&TVVL, ngày 11/1/2017, - Thông báo chương trình phỏng vấn trực tiếp của công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận, ngày 18/1/2017, - Kế hoạch tổ chức chương trình tọa đàm hướng nghiệp, chủ đề: Tấm gương lập

				ng nghiệp của cựu sinh viên trường CĐCN Tuy Hòa, số 94/KH- CĐCN- HN&TVVL, ngày 20/2/2017, - Thông báo về việc tổ chức phỏng vấn tuyển dụng HSSV ngành Điện – Điện tử, Cơ khí, Công nghệ thực phẩm, và công nghệ Hóa, ngày 15/4/2016, - Chương trình Khởi nghiệp cùng với VPBank cho HSSV khoa Kinh tế và Du lịch, số 357/CT- CĐCN- HN&TVVL, ngày 7/4/2016, - Chương trình Hội chợ việc làm cho HSSV Trường CĐCN Tuy Hòa lần thứ hai năm 2015, số 183/CT- CĐCN- TS&GTVL, ngày 22/4/2015, - Quyết định về việc thành lập BTC ngày hội tư vấn, GTVL cho HSSV Trường CĐCNTH lần thứ nhất, năm 2014, số 348/QĐ- CĐCN- TS&GTVL, ngày 22/5/2014, - Thông báo về việc tổ chức Ngày hội việc làm cho HSSV Trường CĐCNTH lần thứ nhất năm 2014, số 265/TB- CĐCN- TS&GTVL, ngày 22/5/2014, - Chương trình ngày hội tư vấn, giới thiệu việc làm cho HSSV Trường CĐCNTH lần thứ nhất năm 2014, số 264/CT- CĐCN- TS&GTVL, ngày 22/5/2014,
541	8	9	8.9.01	- Kế hoạch Hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm học 2017- 2018, số 517/KH- CĐCN- ĐTTX, ngày 12/9/2017, - Kế hoạch hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm học 2016 – 2017, số 131/KH- CĐCN- HN&TVVLSV, ngày 7/3/2017, - Kế hoạch Hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm học 2016- 2017, số 1078/KH- CĐCN- HN&TVVL, ngày 22/9/2016, - Thông báo về việc tổ chức ngày hội việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm 2014, ngày 20/5/2014, - Kế hoạch về việc tổ chức ngày hội tư vấn, giới thiệu việc làm cho HSSV

					trường CĐCN Tuy Hòa lần thứ nhất, năm 2014, số 244/KH- CĐCN-TS&GTVL, ngày 6/5/2014, - Phiếu điều tra HSSV sắp tốt nghiệp về nhu cầu hỗ trợ và GTVL (BM- HN- 01- 01), ngày 7/4/2017. - Danh sách HSSV tốt nghiệp có nhu cầu tìm kiếm việc làm (khoa cơ khí), ngày 14/6/2017, - Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, ngày 30/3/2017, - Tổng hợp danh sách HSSV ra trường giới thiệu tuyển dụng tại công ty cổ phần LILAMA18, ngày 16/5/2017,
542	8	9	8.9.02		- Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm HSSV năm học 2015 – 2016, ngày 22/7/2016, - Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm HSSV năm học 2016 – 2017, ngày 05/9/2017
543	9	1	9.1.01		- Chương trình Hội chợ việc làm cho HSSV lần 2, năm 2015 số:183/CT-CĐCN-TS&GTVL, ngày 22/4/2015 - Kế hoạch số: 287/KH-CĐCN- HN&TVVL, ngày 18/3/2016 về việc Hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm 2016 - Kế hoạch số: 131/KH-CĐCN- HN&TVVLSV, ngày 07/3/2017 về việc Hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho HSSV trường CĐCN Tuy Hòa năm học 2016- 2017
544	9	1	9.1.02		Danh sách sinh viên tốt nghiệp cần việc làm
545	9	1	9.1.03		Tổng hợp danh sách HSSV ra trường giới thiệu tuyển dụng tại công ty, doanh nghiệp
546	9	1	9.1.04		Phiếu khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo
547	9	1	9.1.05		Báo cáo Tổng kết công tác Hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV năm học 2015- 2016, 2016-2017
548	9	2		1.3.05	Quyết định số 396/QĐ-CĐCN-TTr&KĐ ngày 02/6/2015 về việc ban hành Quy

					chế dân chủ trong hoạt động của trường
549	9	2	9.2.01		Góp ý các quy chế như: Giảng dạy, NCKH, Thi đua, chế độ làm việc của nhà giáo, quy chế làm việc của trường,...
550	9	2	9.2.02		Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức (QT-HC-03)
551	9	2	9.2.03		Biên bản họp đảng ủy, biên bản lấy phiếu miễn nhiệm, bổ nhiệm. Quyết định thành lập tổ công tác thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ năm 2015, 2016, 2017; số 556/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 18/8/2015; số 1156/HD-CĐCN-TCHC ngày 03/10/2016 (Ký ban hành, Trần Đức Lạc) số 600/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 03/10/2017
552	9	2	9.2.04		- Hướng dẫn tổ chức Hội nghị CBVC năm 2015, 2016, 2017; số 600/HD-CĐCN-TCHC ngày 30/10/2014 số 501/HD-CĐCN-CĐ ngày /11/2015 số 1337/HD-CĐCN-TCHC ngày 25/11/2016 - Báo cáo tổng hợp ý kiến của các đơn vị 2015, 2016, 2017 - Biên bản hội nghị CBVC năm 2015, 2016, 2017
553	9	3	9.3.01		Quyết định số 257/QĐ-CĐCN-TCHC ngày 08/4/2015 về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giáo viên, giảng viên
554	9	3	9.3.02		Quy trình thu thập thông tin, giải quyết khiếu nại & đánh giá thỏa mãn khách hàng
555	9	3		1.11.04	Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy, hoạt động quản lý của trường năm 2016, 2017; số 411/TB-CĐCN-TTr&KĐCL GD ngày 26/4/2017; số 224/TB-CĐCN-TTr&KĐCL GD ngày 26/4/2017
556	9	3	9.3.03		Mẫu phiếu khảo sát năm 2015, 2016, 2017

557	9	3	9.3.04		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2015, 2016, 2017
558	9	3	9.3.05		Biên bản đối thoại giữa hiệu trưởng và HSSV năm 2015, 2016, 2017
559	9	4	9.4.01		Công văn số 1845/TCDN-KĐCL ngày 24/7/2017 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017
560	9	4	9.4.02		Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
561	9	4	9.4.03		Quyết định số 488/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 22/8/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
562	9	4	9.4.04		Quyết định số 593/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 02/10/2017 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng nhà trường
563	9	4	9.4.05		Kế hoạch số 584/KH-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 02/10/2017 Tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa
564	9	4	9.4.06		Quy trình tự đánh giá chất lượng trường cao đẳng (QT-QL-05)
565	9	5	9.5.01		Báo cáo tự đánh giá trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa số 614/BC-CĐCN-TTr&KĐ ngày 10/11/2014
566	9	5	9.5.02		Danh sách các trường đại học, cao đẳng, trung cấp hoàn thành báo cáo tự đánh giá, Dữ liệu cập nhật đến ngày 30/11/2014 của cục khảo thí và KĐCLGD
567	9	5	9.5.03		Kế hoạch số 689/KH-CĐCN- TTr&KĐ ngày 22/12/2014 triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong giai đoạn 2014- 2017
568	9	5	9.5.04		Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2015, 2016, 2017 số 103/KH-CĐCN- TTr&KĐ ngày 09/03/2015; số 167/KH-CĐCN- TTr&KĐ ngày 17/02/2016; số 104/KH-CĐCN-TTr&KĐCLGD ngày 24/02/2017

569	9	5	9.5.05		-Báo cáo công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2015, 2016 số 507/BC-CĐCN- TTr&KĐ ngày 12/11/2015; số 1561/BC-CĐCN- TTr&KĐCLGD ngày 29/12/2016 - Báo cáo công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2017
570	9	5	9.5.06		Kế hoạch đánh giá hệ thống quản lý chất lượng năm 2015,2016,2017
571	9	5	9.5.07		Báo cáo kết quả đánh giá hệ thống quản lý chất lượng năm 2015,2016,2017
572	9	6	9.6.01		Quyết định số 1160/QĐ-CĐCN – TCHC ngày 05/10/2016 về việc quy định chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên
573	9	6	9.6.02		Quyết định số 353/QĐ-CĐCN – TCHC ngày 26/7/2017 về việc thành lập Phòng đào tạo thường xuyên
574	9	6	9.6.03		Quy trình hướng nghiệp việc làm cho HSSV
575	9	6		9.1.02	Danh sách sinh viên tốt nghiệp cần việc làm
576	9	6	9.6.04		Phiếu khảo sát cựu HSSV
577	9	6		9.1.05	Báo cáo Tổng kết công tác Hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV năm học 2015- 2016, 2016-2017